CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 28/2022/CBTT-HHV	----------
	TP. Đà Nẵng , ngày 14 tháng 4 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

- Mã chứng khoán: **HHV**
- Địa chỉ: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.
- Điện thoại liên hệ: 0236 3730 574 Fax: 0236 3842 713
- E-mail: info@hhv.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố: **Báo cáo thường niên năm 2021.**

Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng giao thông Đèo Cả công bố Báo cáo thường niên năm 2021. Nội dung chi tiết theo bản Báo cáo đính kèm.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/4/2022 tại đường dẫn: http://www.hhv.com.vn/Quan hệ cổ đông/công bố thông tin

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên số 214/2022/BC-HHV ngày 14/4/2022 của Công ty.

Đại diện tổ chức
Người UQ CBTT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ
DEOCA INFRASTRUCTURE
MSDN: 0401001985

Kế toán trưởng
Nguyễn Văn Ân

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 214/2022/BC-HHV

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2021

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0400101965 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24/6/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 03/11/2021.
- Vốn điều lệ: **2.673.840.900.000 đồng**.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.
- Số điện thoại: (0236) 3730 574
- Số fax: (0236) 3842 713
- Website: hhv.com.vn
- Mã cổ phiếu: **HHV**
- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay)*:*

- Năm 1974: Tiền thân của Công ty là Xưởng Thống Nhất trực thuộc Ban Xây Dựng 67 theo Quyết định số 574/QĐ - TC ngày 10/5/1974, đến năm 1975 đổi tên thành Xí nghiệp Đại tu Ô tô Thống Nhất tại cầu Cúp tỉnh Quảng Bình với chức năng, nhiệm vụ là phục vụ đại tu, sửa chữa các ô tô bị hư hỏng xuống cấp trong thời kỳ chiến tranh.
- Năm 2009: Sau nhiều lần đổi tên, địa chỉ trụ sở, thay đổi loại hình doanh nghiệp, cơ cấu quản lý, mô hình hoạt động, Xí nghiệp trở thành doanh nghiệp nhà nước với tên gọi: Công ty TNHH MTV Quản lý và Khai thác hầm đường bộ Hải Vân.
- Năm 2014: Thực hiện phương án cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 3079/QĐ-BGTVT ngày 04/10/2013 của Bộ Giao thông Vận tải, Công ty TNHH MTV Quản lý và Khai thác hầm đường bộ Hải Vân chuyển đổi loại hình thành Công ty cổ phần Quản lý và Khai thác hầm đường bộ Hải Vân với chức năng quản lý vận hành và bảo trì thường xuyên công trình hầm đường bộ Hải Vân - hầm đường bộ dài nhất Đông Nam Á.

- Năm 2015: Công ty cổ phần Quản lý và khai thác hầm đường bộ Hải Vân chính thức trở thành công ty đại chúng theo công văn số 1516/UBCK-QLPH ngày 02/04/2015 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Sau đó, cổ phiếu của Công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch lần đầu trên UPCoM vào ngày 24/11/2015 với mã chứng khoán HHV; ngày 18/12/2015 là ngày giao dịch đầu tiên của HHV trên UPCoM.
- Năm 2019: Công ty cổ phần Quản lý và Khai thác hầm đường bộ Hải Vân chính thức đổi tên thành **Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả** theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông vào ngày 26/7/2019; đồng thời, thông qua chủ trương đầu tư vào các Doanh nghiệp dự án hạ tầng giao thông.
- Năm 2020: Trải qua nhiều lần phát hành thêm cổ phần để tăng vốn, tổng vốn điều lệ của Công ty đạt 2.673.840.900.000 đồng.
- Năm 2021: Vượt qua khó khăn, thử thách của dịch bệnh Covid-19 và tình hình khó khăn chung của nền kinh tế, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt nhiều kết quả tích cực. Cổ phiếu HHV của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (sàn HoSE) theo Quyết định số 717/QĐ-SGDHCM ngày 23/12/2021.
- Năm 2022: Ngày 20/01/2022 là ngày giao dịch chính thức đầu tiên của cổ phiếu HHV trên sàn HoSE với giá tham chiếu là 25.660 đồng/cổ phiếu.
- Hiện nay: Công ty đang hoạt động mô hình công ty mẹ - con với 03 Công ty con và 03 Công ty liên kết. Công ty với thế mạnh kinh nghiệm trong các lĩnh vực hoạt động đầu tư thi công, quản lý vận hành, bảo dưỡng các công trình hầm, cầu, đường bộ, cao tốc và các công trình hạ tầng giao thông khác; gia công các sản phẩm cơ khí; là nhà thầu của nhiều dự án, công trình hạ tầng giao thông có quy mô vốn lớn, tầm quan trọng cấp quốc gia, trong đó tiêu biểu là dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả, hầm đường bộ Phước Tượng - Phú Gia, tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, Quốc lộ 1A đoạn qua tỉnh Khánh Hòa,…

2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:*

- Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành, nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

Công ty đã đăng ký tổng cộng 86 ngành, nghề trên nhiều lĩnh vực sản xuất, kinh doanh khác nhau; trong đó, các ngành, nghề kinh doanh chính, chiếm đa số trong tổng doanh thu của Công ty là:

+ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ

Hoạt động thu phí, thu cước đường bộ, quản lý khai thác, duy tu, bảo trì bảo dưỡng hầm đường bộ Hải Vân, hầm đường bộ Đèo Cả - Cổ Mã, hầm đường bộ Cù Mông, hầm đường bộ Phước Tượng - Phú Gia, các tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, Quốc lộ 1A đoạn qua tỉnh Khánh Hoà,…

+ Xây dựng công trình đường bộ

Thực hiện các gói thầu thi công, xây lắp tại các dự án xây dựng công trình giao thông đường bộ như: dự án hầm Hải Vân 2, dự án hầm Phước Tượng - Phú Gia, dự án cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận, dự án cao tốc Cam Lộ - La Sơn, dự án cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo,…

+ Vận tải hành khách đường bộ khác

Kinh doanh dịch vụ vận chuyển hành khách theo tuyến cố định, gồm: chuyên chở mô tô,

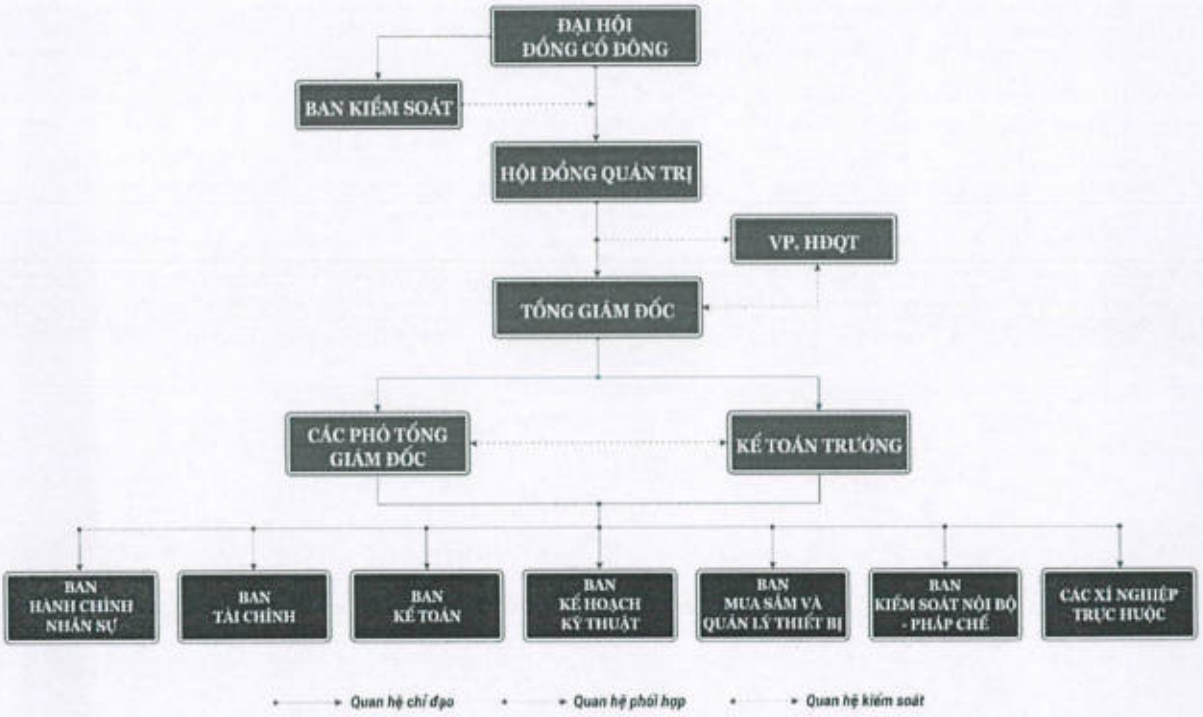
xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua hầm đường bộ Hải Vân bằng phương tiện chuyên dung (xe buýt).

+ Các hoạt động gia công cơ khí, sửa chữa cấu kiện kim loại, cho thuê bất động sản….

- Địa bàn kinh doanh:

Công ty có địa bàn kinh doanh rộng khắp và không ngừng mở rộng đến các tỉnh thành trong cả nước. Hiện nay hoạt động của Công ty chủ yếu tập trung ở các tỉnh, thành phố như: TP. Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, Lạng Sơn, Phú Yên, Ninh Thuận, Khánh Hòa, Tiền Giang và một số tỉnh, thành khác.

3. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:*



- Mô hình quản trị: Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả là công ty cổ phần, có mô hình tổ chức quản lý và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, gồm:

  + Đại hội đồng cổ đông;
  + Hội đồng quản trị;
  + Ban Kiểm soát;
  + Ban Tổng Giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

+ **Đại hội đồng cổ đông** (ĐHĐCĐ): gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

+ **Hội đồng quản trị** (HĐQT): là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT hiện có 08 người, gồm: 01 Chủ tịch HĐQT, 02 Phó Chủ tịch HĐQT, 02 thành viên độc lập và 03 thành viên HĐQT.

+ **Ban Kiểm soát** (BKS): BKS hiện có 03 người do ĐHĐCĐ cổ đông bầu để thực hiện nhiệm vụ giám sát HĐQT, Ban TGĐ trong việc quản lý, điều hành Công ty và các quyền hạn, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

+ **Ban Điều hành** (BĐH): bao gồm 01 Tổng Giám đốc, 05 Phó TGĐ và 01 Kế toán trưởng với các nhiệm vụ, quyền hạn trong việc tổ chức, điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty; đồng thời, chịu sự chỉ đạo, giám sát và chịu trách nhiệm trước HĐQT về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

+ **Các Phòng, Ban chuyên môn, nghiệp vụ**; các đơn vị trực thuộc: Chịu trách nhiệm tham mưu, giúp BĐH triển khai các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện các kế hoạch, chỉ tiêu đã đề ra.

- Các công ty con, công ty liên kết:

STT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu của HHV tại các Công ty
I	**CÔNG TY CON**				
1	Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	32 Thạch Thị Thanh, phường Tân Định, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Chủ đầu tư dự án Xây dựng hầm đường bộ qua Đèo Cả	2.092.450.000.000	71,02%
2	Công ty cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	Lô 4 BT1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội	Chủ đầu tư dự án xây dựng hầm đường bộ Phước Tượng - Phú Gia	273.786.000.000	99,47%
3	Công ty cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Tầng 12-243A Đê La Thành, Láng Thượng, Đống Đa, TP. Hà Nội	Chủ đầu tư tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	1.375.836.000.000	65,58%
II	**CÔNG TY LIÊN KẾT**				
1	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Số 44 Trần Hưng Đạo, phường 1, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy và các hoạt động kinh	61.500.000.000	21,94%

			doanh, thương mại		
2	Công ty cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Tầng 20, số 109 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	Chủ đầu tư dự án Nâng cấp tuyến QL1 đoạn qua tỉnh Khánh Hoà	305.000.000.000	47,04%
3	Công ty cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Tầng 20, số 109 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	Chủ đầu tư dự án tuyến cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng	424.000.000.000	29,25%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán riêng năm 2021 của Công ty

4. *Định hướng phát triển*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

+ Giữ vững vị thế là đơn vị hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực quản lý vận hành hầm, đường bộ. Đồng thời nâng cao năng lực và phát triển hoạt động thi công xây lắp, mở rộng thêm hoạt động phát triển bất động sản và một số dịch vụ khác gắn liền với sự phát triển của đường cao tốc.

+ Mở rộng hoạt động đầu tư các dự án hạ tầng giao thông mới để tiếp tục củng cố và xây dựng thương hiệu "Đèo Cả" - nhà đầu tư hạ tầng giao thông hàng đầu Việt Nam.

+ Nâng cao năng lực quản trị và điều hành, tập trung công tác đào tạo đội ngũ lãnh đạo nòng cốt ở tất cả các mảng hoạt động để tạo ra đội ngũ lãnh đạo chuyên nghiệp, có đủ năng lực lãnh đạo công ty phát triển theo đúng định hướng trong từng thời kỳ. Đồng thời đào tạo và thu hút nguồn nhân lực bổ sung, trẻ hóa nguồn nhân lực nhằm cải thiện và tăng tính chủ động, thiết lập đội ngũ cán bộ công nhân viên năng lực, nhiệt huyết, sáng tạo trong mọi hoạt động.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Công ty xác định chiến lược phát triển trung – dài hạn tiếp tục tập trung vào lĩnh vực hạ tầng giao thông đường bộ, cung cấp dịch vụ khép kín với 04 hoạt động chính bao gồm:

+ Đầu tư hạ tầng giao thông theo hình thức PPP: tiếp tục duy trì vị trí là nhà đầu tư hàng đầu. Ngoài hình thức đầu tư trực tiếp trở thành nhà đầu tư của dự án, Công ty sẽ kết hợp hình thức đầu tư theo hướng hợp tác kinh doanh (hợp đồng BCC) với các Doanh nghiệp dự án.

+ Thi công xây lắp: trở thành tổng thầu tư vấn, quản lý dự án, thi công xây lắp các dự án hạ tầng giao thông đường bộ. Tiếp tục nâng cao năng lực, đồng thời hợp tác với các đối tác ngoại, nghiên cứu tiếp cận đấu thầu thi công xây lắp các dự án tại thị trường quốc tế.

+ Quản lý vận hành, khai thác các công trình hạ tầng giao thông đường bộ: tiếp tục phát huy thế mạnh là nhà thầu quản lý vận hành các công trình hạ tầng giao thông chuyên nghiệp và uy tín, đảm bảo chất lượng và tối ưu hóa hiệu quả khai thác công trình, đặc biệt là quản

lý khai thác công trình phức tạp, yêu cầu kỹ thuật cao như hầm giao thông đường bộ, đường cao tốc.

+ Đầu tư phát triển bất động sản và các dịch vụ gắn liền với đường cao tốc: trong giai đoạn 2021 - 2025, tận dụng lợi thế và sức hút của việc phát triển hạ tầng giao thông tại các vùng miền để mở rộng hoạt động sang các mảng mới gắn liền với sự phát triển của hạ tầng cầu đường như đón đầu các dự án bất động sản, đầu tư các dịch vụ như trạm dừng nghỉ,…

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả cam kết nỗ lực vì cuộc sống an toàn, sung túc cho con người, đất nước Việt Nam, cụ thể:

+ Đối với đất nước: Vì một đất nước phồn vinh và hạnh phúc.

+ Đới với cổ đông: Luôn quan niệm lợi ích của các cổ đông song trùng với lợi ích của Công ty, vì thế sẽ luôn phấn đấu để gia tăng thêm lợi ích cho các cổ đông và sẵn sàng chia sẻ khi có rủi ro.

+ Đối với con người: Hoạt động kinh doanh của Công ty đều tập trung vào việc phục vụ cho cộng đồng, đề cao tính an toàn và tiện ích, hướng tới cuộc sống an toàn, sung túc hơn cho tất cả mọi người.

+ Đối với đối tác: Luôn xem trọng và đặt niềm tin vào các đối tác của mình. Các chính sách, chủ trương hoạt động đều đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên.

+ Với người lao động: Quan niệm con người là yếu tố trung tâm, vì vậy Công ty luôn tạo điều kiện tốt nhất để cán bộ - công nhân viên phát huy hết tinh thần sáng tạo trong công việc; đồng thời tạo những nền tảng cần thiết để người lao động an tâm làm việc và thăng tiến.

5. Các rủi ro:

5.1. Rủi ro về kinh tế

Yếu tố vĩ mô của nền kinh tế đóng vai trò quan trọng trong quá trình tăng trưởng của doanh nghiệp. Hiệu quả hoạt động và triển vọng kinh doanh đặt ra yêu cầu doanh nghiệp phải thích nghi kịp thời với sự biến động của các yếu tố từ môi trường kinh doanh. Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống tạo ra từ yếu tố vĩ mô, trong đó các yếu tố cơ bản tác động đến hoạt động kinh doanh là i) tốc độ tăng trưởng kinh tế; ii) tỷ lệ lạm phát và iii) tỷ lệ lãi suất. Phân tích môi trường vĩ mô nền kinh tế nhằm dự phòng mức độ tác động của yếu tố rủi ro đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo sự vận hành mô hình kinh doanh.

a. Rủi ro về tăng trưởng

Tăng trưởng kinh tế được thể hiện định lượng qua tốc độ tăng trưởng GDP (Tổng sản phẩm quốc nội). Đây là chỉ số thể hiện sức khỏe của nền kinh tế trong một năm, việc chỉ số này tăng hay giảm sẽ ngay lập tức tác động đến niềm tin cũng như kỳ vọng của nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán. Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam qua các năm như sau:

Biểu đồ Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam từ 2010 -2021



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam đã có nhiều khả quan với mức tăng trưởng lần lượt là 6,68% trong năm 2015; 6,21% trong năm 2016 và 6,81% trong năm 2017. GDP năm 2018 tăng 7,08% so với năm 2017, cao nhất trong vòng 10 năm qua. Năm 2019, GDP đạt 7,02%, vượt mục tiêu Chính phủ đề ra là 6,78% và cũng là năm thứ hai liên tiếp GDP tăng trưởng trên 7%.

Năm 2020, dịch COVID-19 do virus Corona gây ra đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến kinh tế toàn cầu nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng. GDP Việt Nam tăng 2,91% trong năm 2020, là mức tăng thấp nhất trong giai đoạn 2011-2020. Tuy nhiên, đây vẫn là con số khả quan trong bối cảnh các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, EU lao đao trước đại dịch COVID-19, đối mặt với tình trạng suy giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế. Đặc biệt, nhờ có những biện pháp can thiệp, phòng ngừa mạnh mẽ và kịp thời của Chính phủ, Việt Nam là một trong những nước đầu tiên mở cửa trở lại nền kinh tế, đồng thời lạc quan đón nhận dòng vốn đầu tư FDI dịch chuyển từ Trung Quốc, Singapore, Nhật Bản, Hàn Quốc…. sang các thị trường lân cận.

Năm 2021, GDP của Việt Nam chỉ tăng 2,58% so với năm trước do dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, đặc biệt là trong quý III/2021 nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,9%, đóng góp 13,97% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 4,05%, đóng góp 63,80%; khu vực dịch vụ tăng 1,22%, đóng góp 22,23%.

Bước sang năm 2022, trước tình hình kinh tế chính trị thế giới và dịch bệnh diễn biến khó lường, Chính phủ đặt ra mục tiêu tăng trưởng GDP đạt mức 6 – 6,5%. Đây là mức tăng trưởng khả thi do Việt Nam nằm trong số các quốc gia có độ phủ vaccine cao nhất thế giới, chủ trương thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh. Bên cạnh đó, để thực hiện mục tiêu đề ra, Chính phủ cũng có kế hoạch triển khai nhiều chính sách tài khóa, tiền tệ để hỗ trợ triển khai Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

Các chính sách đẩy mạnh đầu tư công là một trong những động lực quan trọng giúp phục hồi và tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn 2022 - 2025. Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 được Chính phủ đề ra là hơn 556.234 tỷ đồng. Theo số liệu của Tổng cục thống kê, trong 2 tháng đầu năm 2022, tổng lượng giải ngân vốn đầu tư công đạt khoảng 46.320 tỷ đồng, tương ứng 9% kế hoạch cả năm và dự kiến sẽ tăng trong các thời gian tới. Việc đẩy mạnh giải ngân nguồn vốn và triển khai các chính sách thúc đẩy đầu tư công của Chính phủ sẽ tạo ảnh hưởng tích cực đến hoạt động kinh doanh của các công ty hoạt động trong lĩnh vực

đầu tư công như đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông,….

Các biến động của nền kinh tế sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của các chủ thể tham gia vào nền kinh tế, trong đó có Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng giao thông Đèo Cả.

b. Rủi ro về lạm phát

Lạm phát biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến các chủ thể trong nền kinh tế nói chung và đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói riêng. Rủi ro lạm phát tăng sẽ dẫn đến tăng chi phí kinh doanh, bên cạnh đó, rủi ro lạm phát còn ảnh hưởng đến mức lãi suất chiết khấu sử dụng vốn, làm giảm giá trị dòng tiền hiện tại. Ngược lại, lạm phát cũng tiềm ẩn rủi ro đối với các doanh nghiệp trong nền kinh tế, đi kèm với sự suy giảm nhu cầu thị trường và đình trệ chi tiêu của toàn bộ nền kinh tế.

Chỉ số lạm phát bình quân năm 2021 tăng 1,84% so với bình quân năm 2020, đây là mức tăng trưởng thấp nhất từ năm 2016. Bên cạnh đó, có một số yếu tố góp phần kiềm chế tốc độ tăng CPI năm 2021: (i) Giá các mặt hàng thực phẩm giảm; (ii) Ảnh hưởng của dịch COVID-19 và nhu cầu đi lại, du lịch của người dân sau Tết giảm làm giá của nhóm du lịch trọn gói giảm,…; (iii) Chính phủ triển khai hàng loạt các gói hỗ trợ cho người dân và người sản xuất gặp khó khăn do dịch COVID-19 như gói hỗ trợ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) triển khai giảm giá điện, tiền điện cho khách hàng; (iv) Các cấp, các ngành tích cực triển khai thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ để ngăn chặn diễn biến phức tạp của dịch bệnh COVID-19 và ổn định thị trường.

Biểu đồ Tốc độ lạm phát của Việt Nam từ 2010 -2021



Để giảm thiểu tác động của lạm phát đối với hoạt động kinh doanh của mình, HHV đã triển khai những chính sách, công cụ phù hợp nhằm kiểm soát chi phí các yếu tố đầu vào, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

c. Rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất xảy ra khi doanh nghiệp sử dụng vốn vay từ ngân hàng dẫn đến chi phí vay tăng ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Trong những năm qua, lãi suất trên thị trường biến động không ngừng với nhiều chính sách được ban hành như thắt chặt chính sách tiền tệ, áp trần lãi suất,… đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Giai đoạn năm 2020-2021, dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp và tác động tiêu cực đến hoạt động kinh tế trên phạm vi toàn cầu. Ngay khi dịch bệnh bùng phát trong năm 2020, NHNN đã 3 lần giảm lãi suất điều hành với mức giảm 1,5 - 2%/năm, là một trong những ngân hàng trung ương (NHTW) giảm lãi suất điều hành mạnh nhất khu vực. Trong năm 2021, NHNN duy trì các mức lãi suất thấp này, kết hợp điều hành thanh khoản dồi dào trên thị trường tiền tệ. Kết quả là, đến cuối tháng 11/2021, lãi suất huy động và cho vay VND bình quân của TCTD giảm tương ứng khoảng 0,51%/năm và 0,81%/năm so với cuối năm 2020 sau khi đã giảm khoảng 1%/năm trong năm 2020. Lãi suất cho vay bình quân đối với các lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ là 4,3%/năm (thấp hơn mức trần quy định là 4,5%/năm).

Sang năm 2022, Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng đạt mức 6-6,5%. Do vậy có khả năng Chính phủ vẫn tiếp tục việc nới lỏng chính sách tiền tệ nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp và hộ gia đình phục hồi sau đại dịch. Ngày 30/01/2022, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 11/NQ-CP hỗ trợ lãi suất 2% trong 2 năm 2022 - 2023 thông qua hệ thống các ngân hàng thương mại đối với các khoản vay thương mại cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có khả năng trả nợ, có khả năng phục hồi trong nhiều ngành, lĩnh vực.

Để hạn chế rủi ro tối đa, Công ty thường xuyên thực hiện phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của Công ty.

5.2. Rủi ro về luật pháp

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, mọi hoạt động của Công ty đều chịu ảnh hưởng của các quy định pháp luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại, Luật Chứng khoán, các luật về thuế… và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Hệ thống pháp luật của Việt Nam vẫn còn thiếu tính ổn định và không nhất quán, các văn bản hướng dẫn thi hành chưa đầy đủ, thiếu tính cập nhật, chồng chéo. Việc áp dụng pháp luật vào thực tế cuộc sống còn nhiều bất cập, tính thực thi không cao, do vậy sẽ ảnh hưởng đến công tác hoạch định chiến lược phát triển dài hạn của doanh nghiệp.

Để hạn chế rủi ro luật pháp, Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng giao thông Đèo Cả luôn ý thức việc nghiên cứu, cập nhật các văn bản pháp luật mới, đặc biệt là trong lĩnh vực hoạt động của công ty nhằm đánh giá tác động, từ đó kịp thời xây dựng kế hoạch và các giải pháp kinh doanh phù hợp.

5.3. Rủi ro đặc thù

a. Rủi ro về tài chính

Đặc thù đầu tư cơ sở hạ tầng đòi hỏi nguồn vốn lớn và phụ thuộc vào khả năng huy động vốn từ các nguồn khác nhau, do đó Công ty cần nguồn tài trợ bổ sung lớn để tài trợ cho các dự án mà Công ty đang có kế hoạch mua, đầu tư và phát triển.

Sự sẵn sàng về vốn từ các nguồn bên ngoài và chi phí tài trợ như vậy (nguồn vốn ngân sách, nguồn vốn tín dụng…) phụ thuộc lớn vào các yếu tố bên ngoài, như:

- Điều kiện thị trường vốn và kinh tế nói chung, lãi suất, hạn mức tín dụng của các ngân hàng;
- Quy định pháp luật thắt chặt đối với các tổ chức tín dụng và chứng khoán có thể ảnh hưởng đến các nỗ lực huy động vốn;
- Tình hình kinh tế ở Việt Nam và trên thế giới;

- Bên cạnh đó, tính khả thi của dự án cũng là một trong các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực huy động nguồn vốn.

Công ty nhận thức được vấn đề này, vì vậy luôn chủ động sắp xếp nguồn vốn và lên kế hoạch chi tiết trước khi tham gia đầu tư các dự án để hạn chế rủi ro đã đầu tư mà không huy động được vốn. Hiện nay, với những dự án mà công ty đang triển khai, công ty đã thu xếp được nguồn vốn để đảm bảo tiến độ dự án. Trong trường hợp xảy ra lạm phát, lãi suất tăng cao..., Công ty sẽ được điều chỉnh thời gian thu phí để đảm bảo khả năng thu hồi vốn (đây là một điều kiện đã được quy định trong Hợp đồng BOT ký kết giữa doanh nghiệp thực hiện dự án và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền). Đối với các dự án trong tương lai, Công ty sẽ tích cực tìm kiếm nguồn tài trợ từ các TCTD, quỹ đầu tư và nghiên cứu thị trường và các điều kiện kinh tế, hành lang pháp lý kỹ lưỡng trước khi quyết định đầu tư để đảm bảo hiệu quả đầu tư. Bên cạnh đó, Công ty cũng áp dụng song song nhiều biện pháp nhằm giảm thiểu rủi ro tài chính như tìm kiếm sự hỗ trợ về lãi suất, cơ cấu nợ và chính sách hỗ trợ tài chính khác từ các ngân hàng và các định chế tài chính trong và ngoài nước.

b. Rủi ro kỹ thuật

Công ty hoạt động trong lĩnh vực duy tu bảo dưỡng, sửa chữa hầm, cầu đường, thi công xây lắp các công trình hạ tầng giao thông. Theo đó, Công ty có thể gặp phải các rủi ro xuất phát từ việc kỹ thuật thi công không đảm bảo dẫn đến công trình không đạt yêu cầu về chất lượng, không được chủ đầu tư nghiệm thu hoặc tiềm tàng các yếu tố dẫn đến tai nạn, thiệt hại khác. Nhận thức rõ vấn đề này, Công ty đã chú trọng nghiên cứu kỹ phương án kỹ thuật, phương án thi công; tuyển chọn nhân sự đủ tay nghề, có trình độ chuyên môn, đồng thời chú trọng công tác đào tạo cho cán bộ công nhân viên; thực hiện giám sát chặt chẽ công tác thi công các gói thầu, dự án để giảm thiểu các rủi ro về kỹ thuật; tham vấn ý kiến các chuyên gia trong ngành để tư vấn cho Ban lãnh đạo và các Ban chuyên môn. Công ty đã có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành, đã thực hiện nhiều các công trình lớn, năng lực và kinh nghiệm đã được kiểm chứng.

5.4. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro kể trên, hoạt động kinh doanh của Công ty có thể bị ảnh hưởng của các rủi ro bất khả kháng như dịch bệnh, thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh,... Đây là những rủi ro bất khả kháng ít gặp, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Giai đoạn 2020 – 2021, các nước trên thế giới trong đó có Việt Nam phải chịu nhiều tác động tiêu cực từ đại dịch Covid-19. Dịch bệnh diễn biến khó lường đã gây đứt gãy chuỗi cung ứng và ảnh hưởng đến hoạt động của nhiều doanh nghiệp.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. *Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh*

1.1. Hoạt động quản lý vận hành, bảo dưỡng thường xuyên hầm, đường bộ:

- Công ty tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý vận hành ("***QLVH***"), bảo dưỡng thường xuyên ("***BDTX***") các hầm đường bộ Hải Vân, Đèo Cả, Cù Mông, Cổ Mã, Phước Tượng - Phú Gia, tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn (bao gồm tuyến cao tốc và Quốc lộ 1), tuyến Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Khánh Hòa, tuyến đường đèo và đường dẫn hầm Hải Vân.
- Các tuyến vận hành ổn định, đảm bảo an toàn cho các phương tiện tham gia giao thông, được các Cơ quan Nhà nước và địa phương đánh giá cao.
- Trong năm, Công ty đã phối hợp với Công ty cổ phần Quản lý và Khai thác đường cao tốc Đèo Cả (Đèo Cả O&M) xây dựng dự thảo phương án QLVH Cao tốc Trung Lương -

Mỹ Thuận trình Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận để tiến tới ký kết hợp đồng khi tuyến đưa vào khai thác sử dụng (dự kiến năm 2022).

1.2. Hoạt động thu phí (hoạt động của các Công ty con):

- Tiếp tục thực hiện công tác thu phí ổn định tại 07 trạm thu phí. Trong năm 2021, ống hầm Hải Vân 2 đã được đưa vào sử dụng khai thác, nâng cao an toàn lưu thông cho các phương tiện. Hầm Hải Vân chính thức áp dụng giá mới từ tháng 05/2021.
- Tổng doanh thu thu phí năm 2021 ghi nhận đạt 1.264 tỷ đồng, tăng 326 tỷ đồng (+34,8%) so với năm 2020.
- Công tác thu phí được tổ chức phù hợp, đảm bảo yêu cầu phòng chống dịch bệnh Covid 19, giám sát công tác thu phí đảm bảo chặt chẽ.

1.3. Hoạt động thi công xây lắp:

- Dự án hầm Hải Vân 2: đã hoàn thành thi công các gói và đưa hầm Hải Vân 2 vào vận hành trong năm 2021.
- Dự án hầm Phước Tượng - Phú Gia: Hoàn thành thi công và nghiệm thu đưa vào sử dụng các gói thầu bổ sung.
- Dự án cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận: Thực hiện các gói thầu sản xuất hệ thống an toàn giao thông, thi công mặt đường bê tông nhựa, hệ thống chiếu sáng, hệ thống ITS đáp ứng tiến độ dự án.
- Dự án cao tốc Cam Lộ - La Sơn: Gói thầu XL6 thi công sản lượng ước đạt 85% khối lượng, đảm bảo tiến độ dự án.
- Dự án cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo: xây dựng khu lán trại cụm cầu đường đầu tuyến và khởi công gói thầu cầu đường XL1, XL2, XL5, gói cửa hầm XL8, XL9.
- Thực hiện hoàn thành gói thầu trung tu đường dẫn hầm Phước Tượng, Phú Gia; đảm bảo tiến độ hoàn thành trung tu 37km Quốc lộ 1 qua tỉnh Khánh Hòa.

1.4. Hoạt động cung cấp dịch vụ, thương mại khác:

a. Dịch vụ trung chuyển xe máy và người đi bộ qua hầm Hải Vân:

Trong năm 2021, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, hoạt động trung chuyển xe máy và người đi bộ qua hầm Hải Vân tạm ngừng hoạt động từ tháng 05/2021 đến tháng 12/2021 theo yêu cầu của chính quyền địa phương, dẫn tới sản lượng/doanh thu chưa đạt so với kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, Công ty đã linh hoạt thực hiện hợp đồng vận chuyển người và xe máy qua địa phận tỉnh Thừa Thiên Huế, bố trí nhân sự Trạm cùng tham gia thi công gói thầu sửa chữa vỏ hầm, tháo dỡ thiết bị hầm Hải Vân 1 và một số công việc khác.

b. Hoạt động khác:

- Hoạt động hợp tác kinh doanh xăng dầu với Petrolimex: triển khai các thủ tục pháp lý đảm bảo đủ điều kiện để Petrolimex xây dựng cửa hàng kinh doanh xăng dầu Nam Hải Vân đưa vào hoạt động trong năm 2021.
- Chuyển nhượng tài sản gắn liền trên đất (tòa nhà văn phòng và các công trình phụ trợ) và quyền thuê đất tại vị trí 27 Bùi Chát, Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng và di dời văn phòng, xưởng cơ khí lên khu vực Ban Quản lý dự án Hải Vân.

- Các hoạt động thương mại khác: kinh doanh nước đóng chai, gia công cơ khí,.... được duy trì ổn định.

2. *Tổ chức và nhân sự*

- Danh sách Ban Điều hành:

1	Họ và tên	Chức vụ	Tóm tắt lý lịch	Số cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành	Ghi chú
1	**Nguyễn Quang Huy**	Tổng Giám đốc	- Năm sinh: 25/8/1990 - Địa chỉ thường trú: xã Hợp Đức, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông. - Quá trình công tác: + 12/2020 đến nay: Phó TGĐ CTCP Tập đoàn Đèo Cả; + 06/2020 - 12/2020: Phó TGĐ CTCP Đầu tư Hạ tầng giao thông Đèo Cả; + 12/2020 đến nay: TGĐ CTCP Đầu tư Hạ tầng giao thông Đèo Cả + 06/2019 - 24/3/2022: Thành viên HĐQT CTCP Tư vấn Xây dựng Hoàng Long + 10/2020 đến nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư Phát triển khu đô thị Nam Quảng Ngãi + 4/2021 đến nay: PCT HĐQT CTCP Đầu tư VINALOG.	230.000	Đương nhiệm
2	**Trần Văn Chí**	Phó Tổng Giám đốc Thường trực	- Năm sinh: 05/5/1976 - Địa chỉ thường trú: TDP Tân Phong, Thụy Phương, Bắc Từ Liêm, Hà Nội. - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng cầu đường. - Quá trình công tác: + Từ 5/2004 - 02/2008: Nhân viên kỹ thuật, chỉ huy trưởng Công ty TVXD Hà Việt. + 3/2008 - 9/2013: Phó trưởng BĐH Công ty VINACONEX E&C. + 10/2013 - 02/2018: Trưởng BĐH	6.000	Đương nhiệm

			Công ty CP Tập đoàn Hải Thạch. + 03/2018 - 01/2022: Phó Giám đốc Công ty TNHH ĐTXD Lâm Việt. + 02/2022 đến nay: Phó TGĐ Thường trực CTCP Đầu tư Hạ tầng giao thông Đèo Cả		
3	**Võ Ngọc Trung**	Phó Tổng Giám đốc	- Năm sinh: 24/10/1981 - Địa chỉ thường trú: 04 Phần Lăng 19, phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng. - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện tử viễn thông - Quá trình công tác: + 01/2005 - 3/2019: Nhân viên tại Công ty QL&KT hầm đường bộ Hải Vân. + 1/4/2020 - 6/2020 và 10/12/2020 đến nay: Phó TGĐ CTCP Đầu tư Hạ tầng giao thông Đèo Cả.	3.067	Đương nhiệm
4	**Trần Văn Dũng**	Phó Tổng Giám đốc	- Năm sinh: 13/2/1977 - Địa chỉ thường trú: Tổ 36, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng. - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cầu đường. - Quá trình công tác: + 2012 - 04/2017: Phó Trưởng phòng Tư vấn QLDA và TVGS Trung tâm Kỹ thuật Đường bộ III + 4/2017 - 01/2021: Tổ trưởng Tổ Quản lý dự án hầm, Phó Giám đốc BQL Dự án mở rộng hầm Hải Vân 2 + 14/01/2021 đến nay: Phó TGĐ CTCP Đầu tư Hạ tầng giao thông Đèo Cả	0	Đương nhiệm
5	**Lê Châu Thắng**		- Năm sinh: 04/1/1978 - Địa chỉ thường trú: Tổ 73 phường Hòa Minh, Liên Chiểu, Đà Nẵng. - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện. - Quá trình công tác: + Từ tháng 05/2003 -12/2014: Nhân viên tại Công ty QL&KT hầm đường bộ Hải Vân. + Từ 01/2015 -01/2022: Giám đốc Xí nghiệp QLVH hầm đường bộ Hải	2.000	Đương nhiệm

			Vân, Cù Mông, Đèo Cả. + Từ 14/02/2022 đến nay: Phó TGĐ CTCP Đầu tư Hạ tầng giao thông Đèo Cả		
6	**Nguyễn Quỳnh Mai**	Phó Tổng Giám đốc	- Năm sinh: 25/1/1993 - Địa chỉ thường trú: Số 7 Ngõ 6A Thành Công, Phường Thành Công, quận Ba Đình, TP. Hà Nội. - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Ngân hàng. - Quá trình công tác: + 2016 - 2019: Chuyên viên phê duyệt tín dụng - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam + 02/2020 - 02/2021: Trưởng ban Tài chính CTCP Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả + 30/3/2021 đến nay: Phó TGĐ CTCP Đầu tư Hạ tầng giao thông Đèo Cả.	0	Đương nhiệm
7	**Nguyễn Văn Ân**	Kế toán trưởng	- Năm sinh: 24/7/1982 - Địa chỉ thường trú: Dương Ổ, Phong Khê, TP. Bắc Ninh. - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán. - Quá trình công tác: + 12/2015 - 4/2019: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Quản lý và khai thác hầm đường bộ Hải Vân + 4/2019 đến nay: Thành viên BKS CTCP BOT Hưng Phát + 08/2020 đến nay: Kế toán trưởng CTCP Đầu tư Phát triển khu đô thị Nam Quảng Ngãi. + 6/2020 đến nay: Kế toán trưởng CTCP Đầu tư Hạ tầng giao thông Đèo Cả	0	Đương nhiệm

- Những thay đổi trong Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thay đổi
1	Trần Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm chức vụ Phó TGĐ kể từ ngày 14/01/2021
2	Lê Thanh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm chức vụ Phó TGĐ kể từ ngày 30/3/2021

3	Nguyễn Quỳnh Mai	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm chức vụ Phó TGĐ kể từ ngày 30/3/2021
4	Trần Văn Chí	Phó Tổng Giám đốc Thường trực	Bổ nhiệm chức vụ Phó TGĐ kể từ ngày 14/02/2022
5	Lê Châu Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm chức vụ Phó TGĐ kể từ ngày 14/02/2022

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

+ Tổng số nhân sự đến ngày 31/12/2021: 987 lao động (*trong đó có 304 lao động Nữ*)

Trình độ	Số lượng lao động	Tỷ lệ (%)
1. Lao động đã qua đào tạo		
- Sau đại học	10	1.01%
- Đại học	260	26.31%
- Cao đẳng, trung cấp	268	27.15%
- Công nhân kỹ thuật	205	20.77%
2. Lao động phổ thông	244	24.72%
Tổng số	**987**	**100%**

+ Chế độ làm việc:

✓ Đối với khối văn phòng: Thực hiện làm việc 5 ngày/tuần và 8h/ngày (nghỉ 02 ngày/tuần);

✓ Đối với các Xí nghiệp quản lý vận hành; thi công xây lắp: thực hiện làm việc theo Ca, kíp;

✓ Người lao động làm việc đủ 12 tháng sẽ được nghỉ phép 12 ngày/năm, người lao động làm việc trong môi trường nặng nhọc độc hại và đặt biệt nặng nhọc độc hại thì được nghỉ 14 ngày/năm, cứ 5 năm thâm niên được cộng thêm 1 ngày phép, nếu NLĐ không sử dụng hết số ngày phép sẽ được bảo lưu số ngày phép chưa nghỉ;

✓ Được nghỉ Lễ, Tết theo quy định của Luật lao động và các quy định liên ;

✓ Trong năm 2021 Công ty không xảy ra vụ việc mất an toàn lao, không có khiếu kiện tranh chấp về quyền lợi của Người lao động;

+ Chính sách Nhân viên:

✓ Công ty đã xây dựng và áp dụng thang, bảng lương theo quy định của Bộ luật lao động. Công ty đã thực hiện đầy đủ chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo đúng các quy định của Luật bảo hiểm xã hội và các quy định của Chính phủ.

✓ Công đoàn Công ty luôn là tổ chức đoàn thể đại diện của người lao động, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của người lao động. Công đoàn có trách nhiệm vận động người lao động chấp hành pháp luật của Nhà nước, chấp hành các quy định của doanh nghiệp. Hàng năm Công đoàn thường xuyên tổ chức các hoạt động cho người lao động: tiếng Hát người lao động; hoạt động thể thao giữa các đơn vị; các hoạt động nhân ngày Quốc tế phụ nữ; phát quà cho các cháu thiếu nhi nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6; thăm hỏi

phúng viếng, hiếu hỉ đau ốm; tổ chức khám sức khoẻ hàng năm...

✓ Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để người lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ và công việc giao như bố trí và hỗ trợ chỗ ăn, chỗ ở đối với người lao động ở xa quê làm việc cho các đơn vị của Công ty; hỗ trợ phương tiện đi lại và đưa đón người lao động khi tết đến xuân về để về quê sum họp với gia đình. Hàng tháng, Công ty thực hiện bồi dưỡng bằng hiện vật với hình thức đường, sữa,... đối với người lao động làm việc trong môi trường độc hại tại hầm Hải Vân theo đúng quy định của Nhà nước.

+ **Chính sách đào tạo:**

- Công ty quan tâm, khuyến khích cán bộ công nhân viên tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ
- Ngoài ra, để nâng cao đội ngũ CBNV trẻ, cán bộ nhân sự chiến lược, Công ty cũng cử nhân sự tham gia các khoá học Thạc sỹ, các chứng chỉ nghề...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a. Các khoản đầu tư lớn:

- Trong năm, Công ty đã tăng tỷ lệ đầu tư vào các Công ty sau:

TT	Tên Công ty	Giá trị đầu tư tại 31/12/2020 (tỷ đồng)	Giá trị đầu tư tại 31/12/2021 (tỷ đồng)	Đầu tư tăng trong năm (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2021
1	CTCP Đầu tư Đèo Cả	1.439,83	1.486,03	46,20	71,02%
2	CTCP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	902,30	902,30	-	65,58%
3	CTCP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	124,00	134,00	10,00	31,60%
4	CTCP Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	122,00	122,00	-	47,10%
5	CTCP Phước Tượng - Phú Gia BOT	272,33	272,33	-	99,47%
6	CTCP Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	13,50	13,50	-	21,95%
7	CTCP Đầu tư VINALOG	0	0		Trong năm Công ty đã góp 09 tỷ đồng vào CTCP Đầu tư VINALOG, tuy nhiên đã thoái toàn bộ vốn tại Công ty này. Hiện HHV không còn sở hữu

TT	Tên Công ty	Giá trị đầu tư tại 31/12/2020 (tỷ đồng)	Giá trị đầu tư tại 31/12/2021 (tỷ đồng)	Đầu tư tăng trong năm (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2021
					phần vốn góp nào tại CTCP Đầu tư VINALOG.
	Tổng cộng	**2.873,96**	**2.930,16**	**56,20**	

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021 của HHV)

b. Các Công ty con, Công ty liên kết:

- **Công ty con của HHV:**

Công ty có 3 (ba) công ty con, bao gồm:

Đơn vị: triệu đồng

Stt	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Vốn điều lệ đã đăng ký	Vốn điều lệ thực góp	Vốn thực góp của HHV	Tỷ lệ sở hữu của HHV
1	Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	32 Thạch Thị Thanh, phường Tân Định, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Doanh nghiệp dự án thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm hầm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông, hầm Hải Vân)	2.092.450	2.092.450	1.486.031	71,02 %
2	Công ty cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	Lô 4 BT1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Doanh nghiệp dự án thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình hầm đường bộ Phước Tượng và Phú Gia, QL1A, tỉnh Thừa Thiên Huế	273.786	273.786	272.331	99,47 %
3	Công ty cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Tầng 12 Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, phường Láng	Doanh nghiệp dự án thực hiện Dự án thành phần 1 tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn đoạn	1.375.836	1.375.836	902.304	65,58 %

Đơn vị: triệu đồng

Stt	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Vốn điều lệ đã đăng ký	Vốn điều lệ thực góp	Vốn thực góp của HHV	Tỷ lệ sở hữu của HHV
		Thượng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội	km45+100 - Km108+500, kết hợp tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1+800 - Km106 + 500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn				

Nguồn: Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng giao thông Đèo Cả

- **Công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với HHV:**

  Hiện tại CTCP Tập đoàn Đèo Cả sở hữu 26,77% quyền biểu quyết tại HHV và là công ty mẹ của HHV do nắm quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của HHV thông qua việc nắm đa số các thành viên HĐQT.

- **Công ty liên doanh, liên kết:**

  Công ty có 03 công ty liên kết, bao gồm:

Đơn vị: triệu đồng

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Vốn điều lệ đã đăng ký	Vốn điều lệ thực góp	Vốn thực góp của HHV	Tỷ lệ lợi ích của HHV
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Số 32 Thạch Thị Thanh, phường Tân Định, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng	61.500	61.500	13.500	21,95%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Tầng 12, Tòa Nhà ICON 4,243 A Đê La Thành, P. Láng Thượng, Q. Đống	Doanh nghiệp dự án thực hiện Dự án đầu tư mở rộng QL1 đoạn Km1374+525-Km1392 và Km1405-	305.000	305.000	122.000	47,10%

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Vốn điều lệ đã đăng ký	Vốn điều lệ thực góp	Vốn thực góp của HHV	Tỷ lệ lợi ích của HHV
		Đa, TP Hà Nội	Km1425, tỉnh Khánh Hòa				
3	Công ty cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Tầng 20, số 109 Trần Hưng Đạo, P.Cửa Nam, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội	Doanh nghiệp dự án thực hiện Dự án thành phần 2 tuyến cao tốc từ cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng	424.000	424.000	134.000	31,60%

Nguồn: Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng giao thông Đèo Cả

4. *Tình hình tài chính*

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty có đơn vị tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

a. Tình hình tài chính

Bảng một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	32.416.882	33.963.489	+4,77%
Doanh thu thuần	1.201.343	1.861.340	+54,94%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	178.374	312.489	+75,19%
Lợi nhuận khác	-738	20.699	
Lợi nhuận trước thuế	177.636	333.187	+87,57%
Lợi nhuận sau thuế	175.564	290.647	+65,55%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	+0%

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021 của HHV)

Bảng một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Báo cáo tài chính riêng

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	3.548.373	3.813.663	+7,48%
Doanh thu thuần	544.763	981.270	+80,13%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	45.394	258.778	+470,07%
Lợi nhuận khác	-9	21.117	
Lợi nhuận trước thuế	45.384	279.895	+516,72%
Lợi nhuận sau thuế	40.783	229.716	+463,27%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	+0%

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2021 của HHV)

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Bảng Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu theo BCTC hợp nhất

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021
I	**Khả năng thanh toán**			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn *(Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)*	lần	0,40	0,43
2	Hệ số thanh toán nhanh *(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)*	lần	0,38	0,42
II	**Cơ cấu vốn**			
1	Nợ/Tổng tài sản	lần	0,77	0,77
2	Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	3,39	3,42
III	**Năng lực hoạt động**			
1	Vòng quay tổng tài sản *(Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)*	vòng	0,04	0,06
2	Vòng quay vốn lưu động *(Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân)*	vòng	0,69	1,31
3	Vòng quay hàng tồn kho *(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)*	vòng	5,55	16,87
IV	**Khả năng sinh lời**			
1	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) *(Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)*	%	14,61%	15,61%
2	Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA) *(Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân)*	%	0,44%	0,81%

3	Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) *(Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân)*	%	5,03%	8,67%
4	Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng/cổ phần	563	1.006

Bảng Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu theo BCTC riêng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021
I	**Khả năng thanh toán**			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn *(Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)*	lần	0,89	1,34
2	Hệ số thanh toán nhanh *(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)*	lần	0,75	1,27
II	**Cơ cấu vốn**			
1	Nợ/Tổng tài sản	lần	0,23	0,22
2	Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	0,30	0,28
III	**Năng lực hoạt động**			
1	Vòng quay tổng tài sản *(Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)*	vòng	0,17	0,27
2	Vòng quay vốn lưu động *(Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân)*	vòng	0,94	1,34
3	Vòng quay hàng tồn kho *(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)*	vòng	4,75	10,31
IV	**Khả năng sinh lời**			
1	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) *(Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)*	%	7,49%	23,41%
2	Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA) *(Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân)*	%	1,28%	6,24%
3	Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) *(Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân)*	%	1,62%	8,45%
4	Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng/cổ phần	153	859

5. *Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.*

a) Cổ phần:

Tổng số lượng cổ phần đang lưu hành:	**267.384.090 cổ phần**
Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng:	193.532.260 cổ phần
Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng, trong đó:	73.851.830 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 v/v chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần	*478.383 cổ phần*
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	*73.375.447 cổ phần*

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
I	**Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu**		
1	Cổ đông lớn	67.783.125	25,35%
2	Cổ đông nhỏ	199.600.965	74,65%
II	**Cơ cấu cổ đông tổ chức và cá nhân, cổ đông nhà nước, cổ đông khác**		
1	Cổ đông tổ chức	73.166.280	27,364%
2	Cổ đông nhà nước	0	0
3	Công đoàn Công ty	84.800	0,032%
4	Cổ đông cá nhân	194.133.010	72,604%
III	**Cơ cấu cổ đông trong/ngoài nước**		
1	Cổ đông trong nước	266.370.465	99,621%
2	Cổ đông nước ngoài	1.013.625	0,379%
3	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa	49%	

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Ngày 24/06/2010 Công ty được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 0400101965 do Sở KHĐT Thành phố Đà Nẵng cấp. Từ thời điểm đó đến nay, Công ty đã thực hiện 04 (bốn) lần thay đổi vốn điều lệ, cụ thể như sau:

Bảng 1. Quá trình tăng vốn điều lệ của HHV

Lần	Năm	Số lượng cp phát hành thành công (cổ phiếu)	Giá trị vốn tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ trước phát hành (đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (đồng)	Hình thức tăng vốn
1	2015	1.777.500	17.775.000.000	31.600.000.000	49.375.000.000	Phát hành cho cổ

						đông hiện hữu
2	2018	3.000.000	30.000.000.000	49.375.000.000	79.375.000.000	Phát hành riêng lẻ
3	2019	219.071.590	2.190.715.900.000	79.375.000.000	2.270.090.900.000	Phát hành riêng lẻ để hoán đổi nợ
4	2020	40.375.000	403.750.000.000	2.270.090.900.000	2.673.840.900.000	Phát hành riêng lẻ để hoán đổi nợ

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả

Bảng 2. Thông tin của đợt tăng vốn lần 1

- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu của đợt tăng vốn: Đại hội đồng cổ đông, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng
- Thông tin của đợt tăng vốn:

Đối tượng được mua cổ phiếu	Nội dung chi tiết
1. Phát hành cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu	
- Số lượng phát hành	1.777.500 cổ phiếu
- Tỷ lệ phân bổ quyền	16:9
- Giá phát hành	10.000 đồng/cổ phiếu
- Ngày chốt Danh sách cổ đông	15/10/2015
- Ngày kết thúc chào bán	16/12/2015
- Số lượng cổ đông	2 cổ đông

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả

Bảng 3. Thông tin của đợt tăng vốn lần 2

- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu của đợt tăng vốn: Đại hội đồng cổ đông, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng.
- Thông tin của đợt tăng vốn:

Đối tượng được mua cổ phiếu	Nội dung chi tiết
1. Phát hành riêng lẻ	
- Số lượng phát hành	3.000.000 cổ phiếu

- Giá phát hành	10.000 đồng/cổ phiếu
- Ngày kết thúc phát hành	05/01/2018
- Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng	Từ 17/01/2018 đến 17/01/2019
- Số lượng cổ đông	01

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả

Bảng 4. Thông tin của đợt tăng vốn lần 3

- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu của đợt tăng vốn: Đại Hội đồng cổ đông, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Đà Nẵng.
- Thông tin của đợt tăng vốn:

Đối tượng được mua cổ phiếu	Nội dung chi tiết
1. Phát hành riêng lẻ để hoán đổi nợ	
- Số lượng phát hành	219.071.590 cổ phiếu
- Tỷ lệ hoán đổi	10.000 đồng: 01 cổ phần (10.000 đồng nợ được hoán đổi thành 01 cổ phần mới)
- Giá phát hành	10.000 đồng/cổ phiếu
- Ngày hoàn thành đợt hoán đổi	05/12/2019
- Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng	Từ 05/12/2019 đến 05/12/2020
- Số lượng đối tượng chào bán	05

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả

Bảng 5. Thông tin của đợt tăng vốn lần 4

- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu của đợt tăng vốn: Đại hội đồng cổ đông, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng.
- Thông tin của đợt tăng vốn:

Đối tượng được mua cổ phiếu	Nội dung chi tiết
1. Phát hành riêng lẻ để hoán đổi nợ	
- Số lượng phát hành	40.375.000 cổ phiếu
- Tỷ lệ hoán đổi nợ	10.000 đồng: 01 cổ phần (10.000 đồng nợ được hoán đổi thành 01 cổ phần mới)

Đối tượng được mua cổ phiếu	Nội dung chi tiết
- Giá phát hành	10.000 đồng/cổ phiếu
- Ngày phát hành	04/08/2020
- Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng	Từ 04/08/2020 đến 04/08/2021
- Số lượng đối tượng chào bán	01

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch.

Trong năm Công ty không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ.

e) Các chứng khoán khác: không có

6. *Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty*

6.1. Tác động lên môi trường:

Trong công tác quản lý cũng như biện pháp thi công, Công ty luôn chú trọng việc đảm bảo an toàn lao động cũng như giảm thiểu tối đa các ảnh hưởng đến môi trường xung quanh, đặc biệt những công trình ở gần khu tập trung đông dân cư, khu trường học, công sở, nhà trẻ,… Có biện pháp che chắn bụi đầy đủ trong lúc thi không, giảm tối thiểu tiếng ồn trên công trình.

Thực hiện các biện pháp giảm thiểu phát thải khí, bụi… trên công trường như che phủ bạt, tưới nước khu vực chứa nguyên vật liệu. Các phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị đều được kiểm tra phát thải khí và độ ồn, đồng thời được bảo trì bảo dưỡng thường xuyên đảm bảo khả năng hoạt động.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

Hoạt động chính của Công ty là quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa các dự án hạ tầng giao thông (hầm, đường bộ…) và thi công xây lắp. Nguyên vật liệu đầu vào chủ yếu là vật liệu xây dựng (xi măng, cát, sỏi, sắt thép, đất, đá…), vật tư thiết bị liên quan đến hệ thống thu phí, hệ thống an toàn giao thông, nhiên liệu (xăng, dầu), điện, nước.

b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

Không có.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

Công ty sử dụng nguồn điện từ lưới điện quốc gia để cung cấp cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

Không có

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

Không có

6.4. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

Công ty sử dụng nguồn nước từ nhà máy nước tại địa phương, đồng thời sử dụng các nguồn nước tự khai thác như giếng khoan, nguồn nước suối tại một số địa điểm.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

Không có.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

Không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

Không có.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Tổng số nhân sự đến ngày 31/12/2021: 987 lao động (trong đó có 304 lao động Nữ)
- Mức lương bình quân: 7.488.000 đồng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Thực hiện chăm sóc sức khỏe cho người lao động, bồi dưỡng độc hại cho người lao động làm việc trong môi trường độc hại nguy hiểm.
- Hằng năm, Công ty trang cấp đầy đủ các trang thiết bị bảo vệ cá nhân, dụng cụ,… phục vụ công việc cho từng người. Ngoài ra, Công ty thường xuyên phối hợp với các đơn vị có chuyên môn mở các lớp đào tạo liên quan đến công tác an toàn vệ sinh môi trường, an toàn lao động.
- Thường xuyên động viên, thăm hỏi, chăm lo đời sống cho NLĐ.
- Việc chi trả lương thưởng cho NLĐ hàng tháng được Công ty đặc biệt chú trọng và thực hiện đầy đủ.
- Hằng năm, căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty sẽ xét thưởng lương tháng 13 theo kết quả đánh giá năng lực của từng NLĐ.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Với hoạt động quản lý vận hành, duy tu bảo dưỡng các dự án hạ tầng đường bộ, cán bộ công nhân viên trực tiếp thực hiện công tác này cần có các chứng chỉ ngành nghề liên quan, do đó Công ty cũng thường xuyên tổ chức đào tạo để đảm bảo nhân sự có đủ năng lực chuyên môn và bằng cấp cần thiết theo quy định, cụ thể:

+ Đối với công tác đào tạo PCCC: Theo quy định về công tác đào tạo nghiệp vụ PCCC là đối với các cơ quan, đơn vị thường xuyên làm việc trong môi trường có nguy cơ cháy nổ cao;

người đứng đầu cơ quan doanh nghiệp và những người thuộc Ban chỉ huy PCCC cấp công ty, đội PCCC cơ sở,... bắt buộc phải được đào tạo, huấn luyện và cấp chứng chỉ PCCC do cơ quan chức năng cấp. Đặc biệt là đối với công tác quản lý, vận hành khai tác các hầm đường bộ thì việc đào tạo nghiệp vụ PCCC là yêu cầu bắt buộc. Thời hạn của chứng chỉ PCCC là 05 năm. Hết thời hạn trên yêu cầu phải đào tạo lại. Bên cạnh việc đào tạo do các cơ quan chức năng thực hiện, Công ty cũng phải thường xuyên tự đào tạo và tập luyện hàng ngày, hàng tuần nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và thao tác nhanh đối với các tình huống xử lý sự cố.

+ Công tác đào tạo Tuần đường, hạt trưởng, hạt phó: để đáp ứng yêu cầu hiện nay đối với công tác duy tu bảo dưỡng các tuyến đường, quốc lộ, Công ty đã và đang phối hợp với các trường đào tạo để thực hiện đào tạo, cấp chứng chỉ liên quan cho các vị trị Hạt trưởng, hạt phó, tuần đường...

+ Công tác đào tạo y tế cứu thương: tần suất thực hiện hàng năm. Công tác cứu nạn cứu hộ được Công ty đặc biệt quan tâm và chú trọng. Ngoài hoạt động luyện tập hàng ngày, Công ty thường xuyên thuê các đơn vị có chuyên môn để tập huấn và huấn luyện thêm cho cán bộ nhân viên làm công tác cứu nạn cứu hộ để nâng cao tay nghề.

+ Công tác đào tạo An toàn lao động, Vệ sinh môi trường: tần suất thực hiện hàng năm cho các cán bộ tại vị trí công việc có liên quan.

- Ngoài công tác đào tạo chứng chỉ nghề cho các nhân sự tại công trường, việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn trong công tác quản lý, điều hành từ lãnh đạo cấp trung, lãnh đạo cấp cao là một yếu tố then chốt được Công ty chú trọng. Để nâng cao chất lượng nhân sự cấp lãnh đạo, bên cạnh các chương trình đào tạo nội bộ, Công ty còn tài trợ cho các cán bộ quản lý tham gia chương trình đào tạo thạc sỹ MBA dưới sự giảng dạy của các Giảng viên của Trường đại học kinh tế quốc dân Hà Nội.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Tích cực tham gia các hoạt động tại địa phương; thường xuyên kết hợp với chính quyền địa phương thực hiện các chương trình hỗ trợ xây dựng khu vui chơi thể thao, xử lý các hư hỏng mặt đường,...

- Chú trọng đến công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường sống. Hỗ trợ phương tiện, thiết bị cho địa phương khi có yêu cầu. Công ty thường xuyên thực hiện công tác hỗ trợ đền ơn đáp nghĩa đối với địa phương nơi Công ty đóng quân, hàng năm hỗ trợ quà tết cho các hộ gia đình nghèo, gia đình có công cách mạng, gia đình liệt sỹ trên địa bàn.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Công ty chưa phát sinh các khoản trái phiếu xanh.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (Ban TCKT)

a. Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ:

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kết quả năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Kết quả năm 2021	Tỷ lệ tăng trưởng so với năm 2020	Mức độ hoàn thành kế hoạch năm 2021
1	Doanh thu thuần	544,76	1.143,44	981,27	+80,1%	85,8%
2	Lợi nhuận sau thuế	40,78	213,17	229,72	+463%	107,8%

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021 của HHV)

b. Kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất:

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kết quả năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Kết quả năm 2021	Tỷ lệ tăng trưởng so với năm 2020	Mức độ hoàn thành kế hoạch năm 2021
1	Doanh thu thuần	1.201,34	2.000	1.861,34	+54,9%	93,1%
2	Lợi nhuận sau thuế	175,56	283	290,64	+65,6%	102,7%

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2021 của HHV)

Năm 2021, do tình hình dịch bệnh phức tạp, một số hoạt động của HHV và các doanh nghiệp dự án bị ảnh hưởng nhất định như hoạt động thu phí một số trạm tạm ngưng gần một tháng, hoạt động cung cấp dịch vụ trung chuyển tạm dừng triển khai, một số gói thầu thi công xây lắp bị gián đoạn tạm thời do bùng phát dịch bệnh… Tuy nhiên, vượt qua các khó khăn do điều kiện bất khả kháng thì kết quả sản xuất, kinh doanh của HHV riêng và hợp nhất vẫn có sự tăng trưởng tốt nhờ đẩy mạnh hoạt động thi công, xây lắp một số gói thầu lớn tại dự án cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo và Trung Lương - Mỹ Thuận. Ngoài ra, các hoạt động quản lý, vận hành các công trình đường bộ và các trạm thu phí tiếp tục được duy trì ổn định.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Bảng Tình hình tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 theo BCTC hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị hao mòn luỹ kế	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại/Nguyên giá
I	**Tài sản cố định hữu hình**	**30.118.141**	**1.415.293**	**28.702.848**	**95,30%**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	30.022.560	1.340.188	28.682.372	95,54%

2	Máy móc, thiết bị	15.865	11.534	4.331	27,30%
3	Phương tiện vận tải truyền dẫn	56.665	46.745	9.920	17,51%
4	Thiết bị quản lý	23.051	16.826	6.225	27,01%
II	**Tài sản cố định vô hình**	**1.386**	**617**	**769**	**55,47%**
1	Quyền sử dụng đất	618	64	554	89,58%
2	Phần mềm vi tính	585	480	105	17,96%
3	TSCĐ vô hình khác	183	73	110	60,00%
Tổng cộng		**30.119.527**	**1.415.910**	**28.703.617**	**95,30%**

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021 của HHV)

Bảng Tình hình tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 theo BCTC riêng

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị hao mòn luỹ kế	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại/Nguyên giá
I	**Tài sản cố định hữu hình**	**91.687**	**65.089**	**26.598**	**29,01%**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	26.977	11.737	15.241	56,49%
2	Máy móc, thiết bị	15.254	10.998	4.256	27,90%
3	Phương tiện vận tải truyền dẫn	48.821	41.743	7.078	14,50%
4	Thiết bị quản lý	635	611	24	3,75%
II	**Tài sản cố định vô hình**	**663**	**109**	**554**	**83,50%**
1	Quyền sử dụng đất	618	64	554	89.58%
2	Phần mềm vi tính	45	45	0	0%
3	TSCĐ vô hình khác	0	0	0	-
Tổng cộng		**92.350**	**65.198**	**27.152**	**29.40%**

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2021 của HHV)

b. Tình hình nợ phải trả

Bảng Tổng số nợ phải trả theo BCTC hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
I	**Nợ ngắn hạn**	**2,688,828**	**3,576,985**	**3,234,517**
1	Phải trả người bán ngắn hạn	1,097,330	1,066,861	1,129,433
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13,672	108,803	7,649
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7,984	16,027	43,664
4	Phải trả người lao động	12,778	15,131	11,611
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	179,053	1,067,457	1,219,140
6	Dự phòng phải trả ngắn hạn	0	0	0
7	Phải trả ngắn hạn khác	1,239,494	959,804	585,417
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	137,406	341,156	235,860
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1,112	1,744	1,744
II	**Nợ dài hạn**	**20,331,697**	**21,455,443**	**21,547,544**
1	Phải trả người bán dài hạn	0	424,406	451,366
2	Phải trả dài hạn khác	0	123,424	67,033
3	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20,167,289	20,744,457	20,871,802
4	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	164,408	163,158	157,343
Tổng cộng		**23,020,524**	**25,032,428**	**24,782,061**

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, 2020 và 2021 của HHV)

Bảng Tổng số nợ phải trả theo BCTC riêng

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
I	**Nợ ngắn hạn**	**294,127**	**703,588**	**625,823**
1	Phải trả người bán ngắn hạn	104,254	166,743	230,530

2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13,672	108,803	7,649
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6,012	14,349	42,261
4	Phải trả người lao động	7,522	11,254	8,198
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	17,032	28,119	48,101
6	Dự phòng phải trả ngắn hạn	0	0	0
7	Phải trả ngắn hạn khác	9,718	34,020	54,080
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	134,806	338,556	233,260
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1,112	1,744	1,744
II	**Nợ dài hạn**	**239,858**	**104,970**	**218,309**
1	Phải trả người bán dài hạn	0	0	0
2	Phải trả dài hạn khác	0	10,212	0
3	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	239,858	94,758	218,309
4	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	0	0	0
Tổng cộng		**533,986**	**808,558**	**844,132**

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, 2020 và 2021 của HHV)

c) **Tình hình thanh toán các khoản nợ:** Công ty thực hiện tốt trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn; thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi và gốc các khoản vay; Công ty không có nợ quá hạn.

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý*

Cuối năm 2021, Công ty đã chính thức được chấp thuận niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh. Để đáp ứng yêu cầu quản trị điều hành và đảm bảo quản trị Công ty đạt chuẩn của đơn vị niêm yết. Đầu năm 2022, Công ty đã ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ và chính thức thực hiện công tác kiểm toán nội bộ từ năm 2022, rà soát và chuẩn hoá quy trình hoạt động của các Ban chuyên môn, các xí nghiệp, nâng cao năng suất lao động và tăng tính minh bạch. Đồng thời, Công ty cũng bổ sung thêm 02 PTGĐ phụ trách điều hành hoạt động thi công xây lắp, quản lý vận hành các dự án hạ tầng để đảm bảo đủ nhân sự điều hành đáp ứng kế hoạch kinh doanh tăng trưởng trong giai đoạn tới.

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai*

Trong giai đoạn sắp tới, để đạt được mục tiêu chiến lược đặt ra, Công ty tăng cường mở rộng phát triển mảng xây lắp và đầu tư tài chính vào các dự án phát triển, xây dựng cơ sở hạ tầng đường bộ mới (Dự án Cam Lâm Vĩnh Hảo, Đồng Đăng – Trà Lĩnh, Tân Phú – Bảo Lộc, các dự án tuyến cao tốc Bắc - Nam…).

Ngoài ra, sự tăng trưởng đều hàng năm theo chu kỳ phục hồi kinh tế từ hoạt động thu phí của các công trình cơ sở hạ tầng đã được đưa vào khai thác (hầm Hải Vân, Đèo Cả, Cù Mông, Cổ Mã, Phước Tượng Phú Gia và Cao tốc Bắc Giang – Lạng Sơn,…) sẽ đóng góp một phần đáng kể vào kết quả kinh doanh trong giai đoạn này, nguồn lợi nhuận đến từ hoạt động thu phí sẽ đóng góp một phần vào nguồn vốn để sử dụng đầu tư vào các dự án mới. Công ty sẽ tiếp tục công tác quản lý khai thác các dự án này, đồng thời đấu thầu nhà thầu quản lý vận hành cho các dự án ngoài hệ thống (Trung Lương Mỹ Thuận, La Sơn Tuý Loan, Hầm Mũi Trâu, các dự án cao tốc Bắc Nam sẽ hoàn thành trong giai đoạn 2024-2025….)

5. *Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty*

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải,…)

Công ty không để xảy ra tình trạng làm ô nhiễm môi trường, vi phạm quy định của địa Phương, pháp luật và không bị xử phạt hành chính về hành vi gây ô nhiễm môi trường.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- Thực hiện chăm sóc sức khỏe cho người lao động, bồi dưỡng độc hại cho người lao động làm việc trong môi trường độc hại nguy hiểm.
- Hằng năm, Công ty đều trang cấp đầy đủ các trang thiết bị bảo vệ cá nhân, dụng cụ,… phục vụ công việc cho từng người. Ngoài ra, Công ty thường xuyên phối hợp với các đơn vị có chuyên môn mở các lớp đào tạo liên quan đến công tác an toàn vệ sinh môi trường, an toàn lao động.
- Thường xuyên động viên, thăm hỏi, chăm lo đời sống cho NLĐ.
- Việc chi trả lương thưởng cho NLĐ hàng tháng được Công ty đặc biệt chú trọng và thực hiện đầy đủ.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Chú trọng tuyển dụng nhân sự tại địa phương nơi triển khai thi công dự án, đem lại nguồn thu nhập ổn định và nâng cao chất lượng đời sống tại địa bàn.
- Công ty tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng tại địa phương, bảo vệ môi trường sống và đảm bảo an ninh trật tự an toàn xã hội. Trong năm 2021, Công ty đã tài trợ 200 triệu đồng cho Trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật Võ Hồng Sơn (Đà Nẵng); trao quỹ khuyến học 500 triệu đồng cho 2 ngôi trường tại huyện Nghi Lộc, học bổng "Tiếp sức đến trường" cho hơn 300 tân sinh viên tại tỉnh Phú Yên. Trong bối cảnh dịch bệnh Covid diễn biến phức tạp, Công ty cũng đã có các hoạt động chung tay với cộng đồng như ủng hộ quỹ Văc-xin, tài trợ kit xét nghiệm, xe cứu thương cho các vùng dịch, hỗ trợ trung chuyển người và xe máy miễn phí qua hầm Hải Vân trong mùa dịch, hỗ trợ đón 1.000 người trở về tỉnh Bình Định từ tâm dịch; đảm bảo công tác phòng chống dịch Covid và được Đảng uỷ, UBND phường hoà Hiệp bắc trao khen thưởng…

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

a) Trong năm 2021, mặc dù còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch giao và đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, tạo nền tảng cho mục tiêu, kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo. Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh có sự tăng trưởng tốt, lợi nhuận sau thuế đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó,

xác định các mục tiêu phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường vì tương lai phồn vinh của đất nước, HHV đã quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường tại văn phòng, trụ sở, dự án của Công ty như: áp dụng các quy định, nội quy về tiết kiệm năng lượng, tài nguyên (điện, nước, xăng dầu,…), chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường tại các dự án (che chắc bụi, giảm tiếng ồn,...)...

Công tác quản trị công ty được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ, Quy chế nội bộ của Công ty. Công tác hoạch định, kiện toàn, sắp xếp nhân sự quản lý chủ chốt được thực hiện thận trọng, kỹ lưỡng, có kế hoạch, giúp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý Công ty. Công ty đã thực hiện tốt nguyên tắc công khai minh bạch và công bố thông tin kịp thời đến các cổ đông, các cơ quan quản lý có liên quan; giao dịch phát sinh giữa Công ty với các các bên liên quan đều được trình cơ quan có thẩm quyền thông qua và công bố thông tin theo đúng quy định.

Bên cạnh nhiệm vụ phát triển sản xuất, kinh doanh, trong năm HHV đã phát động thực hiện các hoạt động quyên góp, thiện nguyện, thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp với xã hội như: Ủng hộ quỹ vacxin, mua máy thở tại TP HCM và hỗ trợ công tác phòng, chống covid -19; các hoạt động tình nghĩa, nhân đạo: xây dựng và đóng góp bằng tiền, đồ dùng, phương tiện, nhà ở... nơi địa bàn có dự án của Công ty; ủng hộ, hỗ trợ người dân phòng chống và khắc phục thiên tai; ủng hộ các gia đình khó khăn dịp Tết Nguyên đán, ủng hộ người lao động bị tai nạn và gia đình khó khăn,...

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*

Qua công tác quản trị, chỉ đạo điều hành công ty, HĐQT đánh giá cao sự nỗ lực trong công tác quản lý, điều hành của cá nhân Tổng Giám đốc và tập thể Ban Điều hành Công ty trong năm qua, thể hiện qua các kết quả tích cực sau:

a) TGĐ và Ban Điều hành Công ty đã triển khai thực hiện hoàn thành đạt và vượt các kế hoạch, mục tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT đã thông qua. Trong đó, nhờ những kết quả nổi bật trong hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý điều hành, Công ty đã được Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) chấp thuận để cổ phiếu HHV được niêm yết giao dịch trên sàn HOSE, đồng thời, tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty cũng được nâng từ 0% lên 49%, giúp cho nhiều tổ chức, cá nhân là Nhà đầu tư nước ngoài có cơ hội tìm hiểu và đầu tư vào HHV.

b) Hệ thống báo cáo tài chính được lập và công bố đảm bảo tuân thủ, phù hợp với các quy định, chuẩn mực kế toán hiện hành;

c) Hệ thống tổ chức, quản lý và kiểm soát của Công ty được duy trì, kiện toàn liên tục, hoạt động có hiệu quả, ý thức về kiểm soát rủi ro cao, vị thế, uy tín của Công ty tiếp tục được nâng cao;

d) Đã tổ chức, duy trì được môi trường làm việc công bằng, hợp lý, cạnh tranh và có tính phát triển bền vững. Mặc dù tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động công ty nhưng Ban TGĐ đã triển khai thực hiện kịp thời, quyết liệt các biện pháp phòng chống dịch, vừa duy trì hoạt động sản xuất, thi công, đảm bảo chăm lo tốt cho đời sống của toàn thể cán bộ, nhân viên, người lao động Công ty. Trong năm 2021, lương và các chế độ người lao động được chi trả đầy đủ, đúng thời hạn.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

a) Định hướng hoạt động chung:

- Năm 2022, HĐQT xác định cần tăng cường công tác quản trị, chỉ đạo quản lý hoạt động của Công ty trong năm 2022 để vừa đưa Công ty thích ứng an toàn, linh hoạt với tình hình dịch bệnh, vừa phát triển sản xuất, kinh doanh và đảm bảo sức khỏe cán bộ, nhân viên người lao động và đối tác của HHV cho mục tiêu thực hiện Chiến lược phát triển 05 năm (2021 - 2025) đã được ĐHĐCĐ thông qua trên cơ sở vận dụng sâu rộng, linh hoạt, kiên trì nguyên tắc quản trị *"Quản người - Quản việc - Quản lợi nhuận"*, hướng đến mục tiêu tăng doanh thu, lợi nhuận, tối ưu hóa chi phí và gia tăng giá trị thực mang tính bền vững cho HHV.
- Tiếp tục bám sát, chỉ đạo quyết liệt, kịp thời và nghiêm túc triển khai các quyết nghị, định hướng, kế hoạch phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh và tăng cường hoạt động đầu tư vào các dự án hạ tầng giao thông được ĐHĐCĐ thông qua, đặc biệt là các dự án xây dựng cao tốc Bắc - Nam và các dự án trọng điểm khác. Giám sát, đôn đốc các hoạt động kinh doanh chính, các dự án Công ty đã, đang và sẽ triển khai thực hiện kết hợp chặt chẽ với công tác giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban Điều hành cũng như công tác kiểm soát chi phí, hiệu quả đầu tư nhằm mục tiêu tiết giảm chi phí nhưng vẫn đảm bảo hoạt động hiệu quả và khoa học, tạo ra và gia tăng lợi ích cho Công ty và cổ đông.
- Tiếp tục công tác tái cơ cấu nhân sự phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu công tác quản lý trên cơ sở đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho Ban Điều hành nhằm hoàn thiện bộ máy tổ chức quản lý, đảm bảo công tác quản lý, điều hành được nhanh chóng, hiệu quả, phân công công việc phù hợp nhằm phát huy cao nhất năng lực theo đúng lĩnh vực chuyên môn của từng lãnh đạo quản lý.

b) Mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

Căn cứ kết quả hoạt động đầu tư và sản xuất, kinh doanh của Công ty năm 2021 và các kế hoạch, dự án, hợp đồng Công ty đã và đang triển khai, các dự án, hợp đồng tiếp cận mới, HĐQT dự kiến các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh cho năm 2022 của Công ty cụ thể như sau:

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty mẹ:

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kết quả năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Tỷ lệ tăng trưởng
1	Doanh thu thuần	981,27	1.470	+49,8%
2	Lợi nhuận sau thuế	229,72	400	+74,1%

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh hợp nhất:

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kết quả năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Tỷ lệ tăng trưởng
1	Doanh thu	1.861,34	2.515	+35,1%
2	Lợi nhuận	290,64	396	+36,3%

c) Kế hoạch hoạt động năm 2022 của HĐQT

- Tiếp tục rà soát, kiện toàn, phân công phân cấp nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể cho từng thành viên HĐQT theo hướng tăng cường trách nhiệm, tự chủ và đảm bảo tính độc lập nhằm đáp ứng yêu cầu về quản trị điều hành Công ty.
- Tăng cường phát huy vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của HĐQT trong việc triển khai thực hiện các hoạt động, công tác thuộc thẩm quyền theo Điều lệ, Quy chế của Công ty và quy định của pháp luật. Chỉ đạo kịp thời, quyết liệt, hiệu quả các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; đồng thời, thường xuyên giám sát theo dõi, kịp thời đồng hành cùng Ban Điều hành đề ra các phương án, giải pháp giải quyết khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các mục tiêu, chiến lược và kế hoạch đầu tư, kinh doanh đã đề ra để tiếp tục duy trì và nâng cao vị thế hàng đầu của HHV trong lĩnh vực đầu tư xây dựng và vận hành hạ tầng giao thông.
- Chỉ đạo tiếp tục triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng công tác quản trị, quản lý điều hành của Công ty và các đơn vị trực thuộc; đẩy mạnh toàn diện việc ứng dụng công nghệ hiện đại trong quản trị, quản lý, vận hành; áp dụng sâu rộng hệ thống đánh giá hiệu quả công việc vào công tác đánh giá nhân sự, năng suất, năng lực hoạt động của Công ty.
- Phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để BKS và các cơ quan, tổ chức độc lập, cổ đông giám sát, kiểm tra, kiểm soát hoạt động của Công ty để đảm bảo phát huy và nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của HHV.

V. Quản trị công *ty*

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác)

Tính đến ngày 31/03/2022, HĐQT của Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng giao thông Đèo Cả có 08 thành viên, trong đó có 07 thành viên HĐQT không điều hành, 01 thành viên HĐQT điều hành (kiêm nhiệm chức vụ TGĐ), 02 thành viên độc lập HĐQT.

Trong kỳ báo cáo, Công ty đã có sự thay đổi về thành viên HĐQT, cụ thể: ĐHĐCĐ bất thường ngày 01/11/2021 đã miễn nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Thanh Trang và bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Quang Huy - TGĐ Công ty và 01 thành viên độc lập HĐQT đối với ông Hà Huy Hùng.

Danh sách thành viên HĐQT Công ty cụ thể như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức danh	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Chức danh quản lý tại các công ty khác
1	**Hồ Minh Hoàng**	Chủ tịch HĐQT	1.800.000	0,67%	- Chủ tịch HĐQT CTCP Tập đoàn Đèo Cả - Chủ tịch Công ty TNHH Phát triển hạ tầng và Đầu tư tài chính Đèo Cả - Chủ tịch HĐQT CTCP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận
2	**Nguyễn Tấn Đông**	Phó Chủ tịch HĐQT	Cá nhân sở hữu: 100.000 Đại diện sở hữu của CTCP Tập đoàn Đèo Cả: 3.789.255	1,45%	- Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Tập đoàn Đèo Cả - Thành viên HĐQT, TGĐ CTCP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận - Chủ tịch HĐQT CTCP Phước Tượng Phú Gia BOT - Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn Đầu tư xây dựng cầu đường Sài Gòn - Phú Yên
3	**Trần Văn Thế**	Phó Chủ tịch HĐQT	0	0%	- Thành viên HĐQT CTCP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị
4	**Võ Thụy Linh**	Thành viên HĐQT	Đại diện CTCP Đầu tư Hải Thạch B.O.T sở hữu 67.783.125 cổ phiếu HHV	25,35%	- Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ CTCP Đầu tư Hải Thạch B.O.T - Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Tập đoàn Đèo Cả - Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư Đèo Cả - Thành viên BKS

					CTCP Tập đoàn Hải Thạch
5	**Trần Chủng**	Thành viên HĐQT	0	0%	- Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư Đèo Cả - Thành viên HĐQT CTCP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn
6	**Nguyễn Quang Huy**	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	230.000	0,086%	- Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư Phát triển khu đô thị Nam Quảng Ngãi - Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư VINALOG - Phó TGĐ CTCP Tập đoàn Đèo Cả
7	**Hoàng Văn Hải**	Thành viên độc lập HĐQT	0	0%	Không
8	**Hà Huy Hùng**	Thành viên độc lập HĐQT	0	0%	Không

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hiện HĐQT chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp

- ***Các phiên họp của HĐQT***: Trong năm 2021, HĐQT đã tổ chức 18 cuộc họp và ban hành 36 Nghị quyết, Quyết định để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền. Nội dung các cuộc họp thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT để chỉ đạo, quản lý, giám sát các hoạt động của HHV, cụ thể như sau:

STT	Thời gian	Nội dung	Kết quả
1	14/01/2021	- Điều chỉnh cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các Phòng/Ban chuyên môn của Công ty; - Thông qua chủ trương đầu tư sửa chữa nhà làm việc, mua sắm xe ô tô phục vụ hoạt động của Công ty; - Bổ nhiệm chức vụ PTGĐ đối với ông Trần Văn Dũng	Các Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐQT, 02/2021/NQ-HĐQT, 03/2021/NQ-HĐQT, 04/2021/NQ-HĐQT ngày 14/01/2021.

2	08/3/2021	- Thông qua triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của HHV và thành lập Ban Tổ chức Đại hội; - Thay đổi đại diện quản lý vốn của HHV tại CTCP Phước Tượng - Phú Gia BOT; - Tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của CTCP Đầu tư Đèo Cả.	Các Nghị quyết/Quyết định số 05/2021/NQ-HĐQT, 06/2021/QĐ-HĐQT, 07/2021/NQ-HĐQT, 08/2021/QĐ-HĐQT ngày 08/3/2021.
3	30/3/2021	- Miễn nhiệm chức vụ PTGĐ phụ trách Tài chính đối với ông Lê Thanh Tuấn; - Bổ nhiệm chức vụ PTGĐ phụ trách Tài chính đối với bà Nguyễn Quỳnh Mai; - Thông qua hợp đồng thuê xe giữa HHV và CTCP Xây dựng Đèo Cả.	Các Nghị quyết/Quyết định số 09/2021/QĐ-HĐQT, 10/2021/QĐ-HĐQT, 11/2021/NQ-HĐQT ngày 30/3/2021.
4	24/4/2021	Đầu tư góp vốn để thành lập Công ty cổ phần Đầu tư VINALOG	NQ số 12/2021/NQ-HĐQT ngày 24/4/2021.
5	28/4/2021	- Ban hành Quy chế công bố thông tin; - Lập danh sách cổ đông tại ngày 28/4/2021.	Các Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐQT, 14/2021/NQ-HĐQT ngày 28/4/2021.
6	10/5/2021	Thông qua thế chấp tài sản bảo đảm tại tổ chức tín dụng để	NQ số 15/2021/NQ-HĐQT ngày 10/5/2021.
7	24/5/2021	- Chấm dứt thực hiện Dự án đầu tư "Nhà máy cơ khí Hamadeco"; - Thông qua chủ trương chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất của Công ty.	Các Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐQT, 18/2021/NQ-HĐQT ngày 24/5/2021.
8	10/6/2021	Thông qua phương án vay vốn CTCP Tập đoàn Đèo Cả, CTCP Đầu tư Hải Thạch B.O.T, CTCP Tập đoàn Hải Thạch, CTCP BOT Hưng Phát	Các Nghị quyết/ số 18/2021/QĐ-HĐQT, 19/2021/QĐ-HĐQT, 20/2021/NQ-HĐQT, 21/2021/NQ-HĐQT ngày 10/6/2021.
9	11/6/2021	Thông qua chủ trương phát triển sản xuất, kinh doanh năm 2021	NQ số 22/2021/NQ-HĐQT ngày 11/6/2021.
10	13/7/2021	- Thay đổi địa chỉ trụ sở chính; - Ban hành Quy chế công bố thông tin (sửa đổi, bổ sung)	Các Nghị quyết/Quyết định số 23/2021/NQ-HĐQT, 24/2021/QĐ-HĐQT ngày 13/7/2021.
11	04/8/2021	Thông qua giải tỏa cổ phiếu HHV bị hạn chế chuyển nhượng	NQ số 24/2021/NQ-HĐQT ngày 04/8/2021.

12	05/8/2021	Chỉ đạo tiến hành thủ tục bãi bỏ một số ngành, nghề kinh doanh của HHV theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ	NQ số 25/2021/NQ-HĐQT ngày 05/8/2021.
13	09/8/2021	- Thông qua phương pháp tính giá tham chiếu của cổ phiếu HHV tại ngày giao dịch đầu tiên trên sàn HoSE; - Thông qua chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại CTCP Đầu tư VINALOG.	Các Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐQT, 27/2021/NQ-HĐQT ngày 24/5/2021
14	13/9/2021	Thông qua triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 bằng hình thức trực tuyến	NQ số 28/2021/NQ-HĐQT ngày 05/8/2021
15	16/9/2021	Thông qua chủ trương tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của CTCP BOT Bắc Giang - Lãng Sơn - Hữu Nghị	NQ số 29/2021/NQ-HĐQT ngày 16/9/2021
16	21/9/2021	Thông qua các chủ trương liên quan đến thực hiện Dự án cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng	NQ số 30/2021/NQ-HĐQT ngày 21/9/2021
17	02/11/2021	- Chỉ đạo thực hiện sửa đổi, bổ sung chi tiết một số ngành, nghề kinh doanh theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ; - Thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử (website) chính thức của HHV (hhv.com.vn)	Các Nghị quyết số 32/2021/NQ-HĐQT, 33/2021/NQ-HĐQT ngày 24/5/2021.
18	24/11/2021	- Thông qua chủ trương phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh giai đoạn 2021 - 2022; - Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 riêng lẻ và hợp nhất phát hành lại; Báo cáo tài chính soát xét bán niên 2021 riêng lẻ và hợp nhất phát hành lại	Các Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐQT, 35/2021/NQ-HĐQT ngày 24/5/2021.

Các cuộc họp được tổ chức đảm bảo tuân thủ đúng trình tự, thủ tục quy định, có áp dụng hình thức họp trực tuyến để đảm bảo công tác phòng, chống dịch; các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các phiên họp HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao; các cuộc họp đều được lập Biên bản họp và các Nghị quyết, Quyết định được ban hành và công bố thông tin đảm bảo đúng quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế của Công ty.

- ***Công tác quản trị doanh nghiệp***: Năm 2021 là năm có nhiều khó khăn, thách thức đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của HHV do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, với tinh thần, trách nhiệm cao trên cơ sở nguyên tắc quản trị mang tính chiến lược là "*Quản người - Quản việc - Quản lợi nhuận*", HĐQT Công ty đã triển khai kịp thời, linh hoạt các giải pháp quản trị, chỉ đạo điều hành với nhiệm vụ kép vừa chống dịch, vừa duy

trì và phát triển sản xuất kinh doanh, trong đó nổi bật là:

+ Triển khai rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy định nội bộ làm cơ sở cho hoạt động quản lý, điều hành của Công ty như: Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty; các Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, BKS; Quy chế công bố thông tin; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý nhân sự; Quy chế kiểm toán nội bộ;....

+ Trên cơ sở chủ trương, định hướng phát triển đã được ĐHĐCĐ thông qua, HĐQT đã thực hiện giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 cho Ban Điều hành kết hợp theo dõi, giám sát chặt chẽ quá trình triển khai thực hiện. HĐQT đã đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho TGĐ và Ban Điều hành để phát huy tối đa tính tự quyết, chủ động, linh hoạt trong thực thi nhiệm vụ, giải quyết công việc của đội ngũ lãnh đạo nhưng vẫn đảm bảo cơ chế chỉ đạo, giám sát thường xuyên của HĐQT.

+ Thực hiện công tác tái cấu trúc mô hình tổ chức, nhân sự thuộc thẩm quyền của HĐQT: sắp xếp cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ quyền hạn của các Phòng/Ban; bổ nhiệm, luân chuyển các nhân sự trong Ban Điều hành để đảm bảo đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp phù hợp và đáp ứng được yêu cầu hoạt động quản lý, điều hành công ty trong từng giai đoạn.

+ Thông qua chủ trương, phê duyệt các hoạt động đầu tư, mua bán, giao dịch, thanh lý.... tài sản giữa Công ty với đối tác và các bên liên quan đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật và Điều lệ, Quy chế của Công ty.

- ***Công tác chỉ đạo, giám sát của HĐQT***: Trong năm 2021, HĐQT đã theo dõi, giám sát thường xuyên Ban Điều hành trong quá trình triển khai thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT về kế hoạch sản xuất, kinh doanh và định hướng phát triển của Công ty. Qua kết quả giám sát với nhiều phương thức phù hợp với tình hình thực tiễn tại Công ty, HĐQT đánh giá cao sự nỗ lực, quyết tâm của cá nhân TGĐ và tập thể Ban Điều hành trong tổ chức điều hành hoạt động của Công ty, thể hiện qua:

+ Các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT đã được Ban TGĐ triển khai kịp thời và hiệu quả; đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, các hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty đạt kết quả tốt, như: Hoạt động Thi công các gói thầu xây lắp tại các dự án (Dự án xây dựng cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận, cao tốc Cam Lộ - La Sơn, cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo,....) đảm bảo đúng tiến độ cam kết; hoạt động Quản lý vận hành, thu phí, duy tu bảo dưỡng công trình giao thông (hầm Hải Vân, Đèo Cả, Cù Mông, Phước Tượng - Phú Gia, cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, Quốc lộ 1A đoạn qua tỉnh Khánh Hòa,...) duy trì tốt, đảm bảo đúng kế hoạch; hoạt động các các Xí nghiệp (Xí nghiệp thương mại dịch vụ, gia công cơ khí,...) đảm bảo liên tục, hiệu quả;... Đã chỉ đạo các Phòng ban, bộ phận phục vụ tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 vào ngày 26/4/2021 và cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường bằng hình thức trực tuyến vào ngày 01/11/2021 do HĐQT triệu tập để trình ĐHĐCĐ thông qua các vấn đề quan trọng trong hoạt động của Công ty. Biên bản họp và các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ được triển khai thi hành theo đúng quy định;

+ Đã đề ra nhiều kế hoạch, giải pháp thiết thực để đảm bảo nguồn vốn và tình hình tài chính phục vụ tốt cho hoạt động trong năm. Nguồn vốn đã được huy động từ nhiều nguồn khác nhau, cơ bản đảm bảo cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm;

+ Hệ thống tổ chức, quản lý và kiểm soát của Công ty được duy trì, kiện toàn liên tục, không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn, hoạt động có hiệu quả. Cơ cấu tổ chức, nhân sự của Ban Điều hành được kiện toàn (bổ nhiệm các chức vụ Phó Tổng Giám đốc,...) để phù hợp tình hình thực tế, đáp ứng yêu cầu về nhân sự chuyên môn trong quản lý, điều hành

Công ty. Ban Điều hành đã duy trì tổ chức các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng, quý để đánh giá kết quả hoạt động, nhìn nhận kịp thời các tồn tại, vướng mắc và đề ra các giải pháp giải quyết, khắc phục;

+ Hoạt động công bố thông tin và công tác quan hệ cổ đông được TGĐ - Người đại diện theo pháp luật chỉ đạo triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc theo đúng quy định của pháp luật và Quy chế công bố thông tin của HHV với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch và kịp thời thông tin để cổ đông, nhà đầu tư theo dõi.

+ Đã tổ chức, duy trì được môi trường làm việc chuyên môn cao, chuyên nghiệp, công bằng, hợp lý, cạnh tranh và mang tính phát triển bền vững; cán bộ, nhân viên được tạo điều kiện làm việc và đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn và quy hoạch cán bộ nguồn cho Công ty. Mặc dù tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Công ty nhưng Ban TGĐ đã triển khai kịp thời, quyết liệt các biện pháp phòng chống dịch, vừa duy trì hoạt động sản xuất, thi công, vừa đảm bảo chăm lo tốt cho đời sống của toàn thể cán bộ, nhân viên người lao động của Công ty; trong năm 2021, lương và các chế độ khác của người lao động được chi trả đầy đủ, đúng thời hạn, từ đó góp phần giúp cho người lao động yên tâm công tác, gắn bó với Công ty.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

- Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập:

Trong cơ cấu HĐQT HHV hiện có 02 (*hai*) thành viên độc lập HĐQT là PGS. TS Hoàng Văn Hải và TS. Hà Huy Hùng. Các thành viên độc lập HĐQT có trình độ chuyên môn cao cùng nhiều năm kinh nghiệm trong hoạt động nghiên cứu, quản lý trên các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến hoạt động chính của HHV nên đã có nhiều đóng góp quan trọng trong các chủ trương, quyết sách của HĐQT.

Trong năm 2021, các thành viên độc lập HĐQT đã thực hiện đúng quyền hạn, nhiệm vụ được giao, tham gia đầy đủ các cuộc họp và đưa ra các ý kiến, biểu quyết độc lập đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT, nhất là các quyết định của HĐQT đối với các giao dịch giữa HHV và các bên liên quan để đảm bảo tính hợp pháp, minh bạch, tránh xung đột nhằm bảo vệ lợi ích của Công ty và cổ đông; đồng thời, đã tham gia giám sát hoạt động của Ban Điều hành Công ty để cùng với HĐQT đưa ra các chỉ đạo, giải pháp quản lý phù hợp.

- Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT: Hiện tại HĐQT chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc. Trong thời gian đến, tùy theo yêu cầu quản trị, chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty trong tình hình mới, Ban Điều hành sẽ trình HĐQT quyết định thành lập các tiểu ban trực thuộc để tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong phạm vi thẩm quyền, nhiệm vụ được giao.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

Các thành viên HĐQT của HHV hiện chưa có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty. Trong năm do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh và yêu cầu của nhiệm vụ công tác nên các thành viên HĐQT cũng như người nội bộ khác của Công ty chưa tham gia các chương trình về quản trị công ty. HHV đã liên hệ đăng ký cho HĐQT, BKS, Ban TGĐ và người nội bộ khác của Công ty tham gia khóa học "Quản trị công ty" tại Trung tâm Nghiên cứu

khoa học và Đào tạo chứng khoán thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; dự kiến trong năm 2022 sẽ tham gia theo lịch đào tạo của Trung tâm.

2. *Ban Kiểm soát:*

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Cơ cấu tổ chức của Ban Kiểm soát được kiện toàn đảm bảo đúng, đủ số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật. Trong năm 2021, BKS đã trình ĐHĐCĐ thường niên miễn nhiệm chức vụ thành viên BKS đối với ông Đỗ Thế Vinh theo nguyện vọng và bầu bà Phan Thị Mai làm thành viên BKS thay thế kể từ ngày 26/4/2021 để đảm bảo số lượng theo quy định. Hiện nay, BKS HHV có 03 thành viên với cơ cấu như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Nguyễn Minh Giang	Trưởng BKS	0	0,0%
2	Cam Thị Minh Hải	KSV	0	0,0%
3	Phan Thị Mai	KSV	0	0,0%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Trong năm, Ban Kiểm soát với vai trò, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế của Công ty tích cực chủ động triển khai các chương trình, kế hoạch hoạt động đã được ĐHĐCĐ thông qua, tổ chức giám sát, kiểm tra tính tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ, Quy chế của công ty trên toàn diện các mặt công tác, hoạt động của HHV và các đơn vị thành viên, trực thuộc đảm bảo độc lập, khách quan, không gây cản trở, gián đoạn hoạt động bình thường của cơ quan, đơn vị được giám sát. Cụ thể, BKS đã triển khai thực hiện các công việc trọng tâm như sau:

+ Phối hợp tham gia cùng HĐQT, Ban Điều hành trong việc rà soát, kiểm tra nội dung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, các Quy chế, quy định khác của Công ty để kịp thời phát hiện, điều chỉnh cập nhật các nội dung phù hợp với quy định pháp luật và tình hình thực tế của Công ty trình ĐHĐCĐ thông qua;

+ Đã theo dõi, phối hợp với HĐQT và Ban Điều hành trong công tác chuẩn bị, tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường trong năm 2021: xây dựng Báo cáo kết quả hoạt động của BKS, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS, Tờ trình miễn nhiệm và bầu thay thế KSV; phối hợp xây dựng, hoàn thiện các Báo cáo, Tờ trình, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty trình ĐHĐCĐ thông qua;

+ Tổ chức giám sát, theo dõi việc triển khai thi hành các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT năm 2021. BKS đã chủ động có ý kiến trao đổi, cảnh báo liên quan trong quá trình triển khai thực hiện để HĐQT, Ban Điều hành xem xét toàn diện các mặt, kịp thời đưa ra các quyết định, điều chỉnh nhằm đảm bảo tính hợp pháp và hiệu quả của công tác quản trị, quản lý điều hành và hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty;

+ Thực hiện giám sát, kiểm tra, kiểm soát tính hợp pháp, hợp lý, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác quản lý, điều hành của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, những

người quản lý, điều hành Công ty khác thông qua các phương thức như: Tham dự, tham gia thảo luận tại các cuộc họp của ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của Công ty; yêu cầu được nhận đầy đủ các biên bản họp, nghị quyết, quyết định, các tài liệu, hồ sơ khác của ĐHĐCĐ, HĐQT, Ban Điều hành để thực hiện việc kiểm tra, giám sát; giám sát chặt chẽ, thường xuyên và liên tục tình hình tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp pháp, tuân thủ, đầy đủ và trung thực của các báo cáo liên quan đến tình hình sản xuất kinh doanh, tài chính, nguồn vốn và các tài sản khác của Công ty; giữ mối quan hệ phối hợp giữa BKS với HĐQT, TGĐ, Ban Điều hành và cổ đông đảm bảo thường xuyên, liên tục và tuân thủ đúng các nguyên tắc trong quản trị doanh nghiệp; các hoạt động khác có tính chất định kỳ và đột xuất của BKS;

+ Theo dõi, kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của HĐQT, Ban Điều hành theo quy định của pháp luật và Quy chế công bố thông tin đã ban hành.

+ Thực hiện các nhiệm vụ, công tác khác trong thẩm quyền của BKS theo quy định của pháp luật và Điều lệ, Quy chế công ty.

- Kết quả giám sát, thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021:

Qua kiểm tra, BKS thống nhất với các nội dung của Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2021 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS). Các Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đảm bảo đúng đơn vị kiểm toán do ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, lựa chọn đã phản ánh chính xác, trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu của tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính của Công ty tính đến ngày 31/12/2021, đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp luật có liên quan.

Trong Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 riêng và hợp nhất của HHV không có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối của tổ chức kiểm toán độc lập được chấp thuận (AASCS).

- Các cuộc họp của BKS: Trong năm 2021, BKS đã tổ chức 02 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của các thành viên BKS (đạt tỷ lệ 100%) để thảo luận, xem xét về các vấn đề thuộc phạm vi thẩm quyền kiểm tra, kiểm soát và triển khai các công việc theo chức năng, nhiệm vụ được giao, cụ thể:

STT	Thời gian họp	Nội dung chính	Thành viên tham dự
1	31/3/2021	- Tổng hợp, đánh giá tình hình hoạt động Quý I/2021 của BKS và từng thành viên BKS; - Thông qua dự thảo Báo cáo kết quả hoạt động năm 2020 của BKS; dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS; công tác nhân sự của BKS để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 phê duyệt; - Rà soát, kiểm tra nội dung các Báo cáo, Tờ trình và các tài liệu khác tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	100% thành viên tham dự

2	20/8/2021	- Tổng hợp, đánh giá tình hình hoạt động 06 tháng đầu năm 2021 của BKS và từng thành viên BKS; - Rà soát, kiểm tra nội dung Báo cáo tài chính bán niên năm 2021 kiểm toán của Công ty.	100% thành viên tham dự

Tất cả các cuộc họp đều được lập biên bản họp để lưu trữ cùng với các tài liệu liên quan.

- Đánh giá hoạt động của thành viên BKS:

Trong năm, thành viên BKS thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ, công việc được phân công đảm bảo đúng phạm vi, chức năng, quyền hạn; tham dự đầy đủ các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT, các cuộc họp của BKS và các cuộc họp khác của Công ty khi được thông báo mời. Trưởng BKS đã tổ chức tốt việc điều phối, phân công công việc chung và tạo điều kiện thuận lợi để các KSV hoàn thành nhiệm vụ, công việc theo đúng chức năng, phạm vi quyền hạn của mình. Ngoài ra, theo sự phân công của Trưởng BKS, các KSV đã chủ động triển khai nhiệm vụ giám sát, kiểm tra đối với hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành và các phòng ban, đơn vị trực thuộc đảm bảo đúng thẩm quyền, nội dung công tác.

BKS đánh giá các KSV đã hoàn thành kế hoạch công tác, nhiệm vụ được phân công trong năm đảm bảo đúng chức trách, quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế công ty. Hoạt động giám sát, kiểm tra, kiểm soát của thành viên BKS trong thời gian qua đảm bảo đúng tiến độ theo kế hoạch, tuân thủ quy định của pháp luật và không gây cản trở hoạt động bình thường của Công ty. BKS không nhận được thông tin, phản ánh về trường hợp KSV có hành vi vi phạm trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao

3. *Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát*:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ).

Thù lao, thưởng của HĐQT, BKS và tiền lương, thưởng của Ban Điều hành được chi trả theo quyết định của ĐHĐCĐ và các quy định về lương, thưởng của Công ty. Cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao năm 2021 (đồng)
I	**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**		**562.000.000**
1	Ông Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch	120.000.000
2	Ông Nguyễn Tấn Đông	Phó Chủ tịch	96.000.000
3	Ông Trần Văn Thế	Phó Chủ tịch	96.000.000
4	Ông Võ Thụy Linh	Thành viên	60.000.000

5	Ông Trần Chủng	Thành viên	60.000.000
6	Ông Hoàng Văn Hải	Thành viên độc lập	60.000.000
7	Ông Nguyễn Thanh Trang	Thành viên	50.000.000
8	Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên	10.000.000
9	Ông Hà Huy Hùng	Thành viên độc lập	10.000.000
II	**BAN KIỂM SOÁT**		**215.835.000**
1	Ông Nguyễn Minh Giang	Trưởng ban	96.000.000
2	Bà Cam Thị Minh Hải	Thành viên	60.000.000
3	Ông Đỗ Thế Vinh	Thành viên	19.068.000
4	Bà Phan Thị Mai	Thành viên	40.767.000
III	**BAN ĐIỀU HÀNH**		**1.385.807.453**
1	Ông Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc	315.000.000
2	Ông Võ Ngọc Trung	Phó Tổng Giám đốc	400.000.000
3	Ông Trần Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	264.285.714
4	Bà Nguyễn Quỳnh Mai	Phó Tổng Giám đốc	46.521.739
5	Ông Nguyễn Văn Ân	Kế toán trưởng	360.000.000

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Trong kỳ báo cáo không phát sinh giao dịch cổ phiếu HHV của người nội bộ, có phát sinh các giao dịch cổ phiếu HHV của người có liên quan của người nội bộ, cụ thể như sau:

STT	Người giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	*Tỷ lệ*	*Số cổ phiếu*	*Tỷ lệ*	
1	CTCP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	- Cổ đông lớn; - Người có liên quan của người nội bộ: ông Trần Văn Thế - PCT HĐQT, ông Võ Thụy Linh - TV HĐQT	131,783,125	49.29%	67,783,125	25.35%	Chuyển nhượng cổ phiếu để huy động vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

2	CTCP Đầu tư Hạ tầng miền Bắc	- Cổ đông lớn; - Người có liên quan của người nội bộ: ông Nguyễn Minh Giang – TBKS (đến 30/09/2021)	88,230,365	33%	0	0.00%	Chuyển nhượng cổ phiếu để huy động vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
3	CTCP Tập đoàn Hải Thạch	Người có liên quan của người nội bộ: ông Võ Thụy Linh - TV HĐQT	12.200.000	4,56%	0	0.00%	Bán cổ phiếu cho cổ đông và đối tác chiến lược để huy động vốn cho dự án của công ty
4	CTCP BOT Hưng Phát	- Cổ đông lớn; - Người có liên quan của người nội bộ: ông Trần Văn Thế - PCT HĐQT, ông Nguyễn Văn Ân - KTT	16,400,000	6,13%	0	0.00%	Chuyển nhượng cổ phiếu để huy động vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

Tất cả các giao dịch cổ phiếu HHV của người có liên quan của người nội bộ đều được thông báo, công bố thông tin, thực hiện giao dịch và báo cáo kết quả cho Ủy ban Chứng khoán nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đảm bảo tuân thủ đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên)

Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

STT	Tên tổ chức/cá nhân phát sinh giao dịch	Mối quan hệ liên quan với công ty và người nội bộ của HHV	Nội dung, số lượng, tổng giá trị hợp đồng, giao dịch
1	**CTCP Đầu tư Hải Thạch B.O.T**	Người có liên quan của người nội bộ: ông Trần Văn Thế - PCT HĐQT, ông Võ Thụy Linh - TV HĐQT	- Vay dài hạn: 125.400.000.000 đồng; - Tiền lãi vay: 5.540.931.508 đồng; - Dư nợ vay ngắn hạn: 2.000.000.000 đồng.
2	**CTCP Đầu tư Hạ tầng miền Bắc**	Người có liên quan của người nội bộ: ông Nguyễn Minh	- Dư nợ vay dài hạn: 92.000.000.000 đồng; - Tiền lãi vay: 7.360.000.000 đồng

		Giang – TBKS (đến 30/09/2021)	- Thanh toán lãi vay: 95.000.000 đồng
3	**CTCP Tập đoàn Đèo Cả**	Người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng – CTHĐQT, ông Nguyễn Tấn Đông PCT HĐQT, ông Võ Thuỵ Linh – Thành viên HĐQT, ông Nguyễn Quang Huy – TGĐ kiêm Thành viên HĐQT	- Vay vốn ngắn hạn: 119.600.000.000 đồng; - Thanh toán tiền vay: 282.400.682.811 đồng; - Tiền lãi vay: 6.996.173.417 đồng
			Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ: 271.427.756.746 đồng
5	**CTCP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn**	Người có liên quan của ông Trần Chủng – Thành viên HĐQT	Đặt cọc góp vốn: 82.500.000.000 đồng
			Doanh thu duy tu bảo dưỡng hầm đường, vận hành trạm thu phí: 47.842.900.908 đồng
6	**CTCP Đầu tư Đèo Cả**	Người có liên quan của ông Trần Văn Thế – PCT.HĐQT, ông Võ Thuỵ Linh – Thành viên HĐQT, ông Trần Chủng – Thành viên HĐQT, ông Nguyễn Minh Giang – Trưởng BKS	Đầu tư dài hạn : 46.200.000.000 đồng
			Doanh thu duy tu bảo dưỡng hầm đường, vận hành trạm thu phí, xây lắp: 290.935.381.457 đồng
7	**CTCP Phước Tượng Phú Gia BOT**	Người có liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông – PCT.HĐQT,	- Doanh thu duy tu bảo dưỡng hầm đường, vận hành trạm thu phí, xây lắp: 45.731.756.818 đồng; - CTCP Phước Tượng Phú Gia BOT ứng trước cổ tức năm 2021: 30.652.265.189 đồng.
8	**CTCP Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa**	Người có liên quan của ông Nguyễn Minh Giang – Trưởng BKS	- Doanh thu duy tu bảo dưỡng hầm đường, vận hành trạm thu phí: 38.954.372.035 đồng. - Nhận tiền chia cổ tức năm 2021: 12.000.000.000 đồng
9	**CTCP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị**	Người có liên quan của ông Trần Văn Thế - PCTHĐQT	Góp vốn: 10.000.000.000 đồng
10	**CTCP Đầu tư VINALOG**	Người có liên quan ông Nguyễn Quang Huy – TGĐ kiêm Thành viên HĐQT	Thanh lý tài sản: 28.181.818.182 đồng

11	**CTCP Tư vấn Xây dựng A2Z**	Người có liên quan của bà Phan Thị Mai – thành viên BKS	- Doanh thu cho thuê xe: 381.818.184 đồng; - Doanh thu cung cấp dịch vụ: 8.439.127.235 đồng; - Tiền lãi vay: 19.397.260 đồng; - Thanh toán tiền lãi vay: 160.027.397 đồng.
12	**CTCP An ninh Đèo Cả**	Người có liên quan của ông Nguyễn Minh Giang – Trưởng BKS	Chi phí dịch vụ bảo vệ: 25.925.674.652 đồng
13	**CTCP Tư vấn Xây dựng Hoàng Long**	Người có liên quan ông Nguyễn Quang Huy – TGĐ kiêm Thành viên HĐQT	- Doanh thu thuê xe: 430.909.086 đồng; - Chi phí thí nghiệm công trình: 3.855.407.732
14	**CTCP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận**	Người có liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông – PCT.HĐQT	Doanh thu cho thuê xe: 327.272.728 đồng
15	**CTCP Quản lý và Khai thác đường cao tốc Đèo Cả**	Người có liên quan của bà Phan Thị Mai – thành viên BKS	- Doanh thu thuê xe: 310.909.091 đồng; - Chi phí duy tu cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn: 12.002.472.727 đồng

- Hợp đồng, giao dịch giữa người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ HHV với công ty con, công ty do HHV nắm quyền kiểm soát:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ HHV	Tên công ty con, công ty do HHV nắm quyền kiểm soát	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch (VNĐ)
1	**CTCP Đầu tư Đèo Cả**	Người có liên quan của ông Trần Văn Thế - PCT HĐQT, ông Trần Chủng - TV HĐQT, ông Võ Thụy Linh - TV HĐQT, ông Nguyễn Minh Giang - Trưởng BKS	CTCP Phước Tượng Phú Gia BOT	Nhận chia sẻ doanh thu	225.442.536.364
2	**CTCP Tư vấn Xây dựng A2Z**	Người có liên quan của bà Phan Thị Mai - TV BKS		Cho thuê xe ô tô	349.363.633
				Cho thuê văn phòng	381.818.180
3	**CTCP Tập đoàn Đèo Cả**	Người có liên qua của ông Hồ Minh Hoàng - CT		Chi phí đào tạo	220.000.000

		HĐQT, ông Nguyễn Tấn Đông - PCT HĐQT, ông Võ Thuỵ Linh - TV HĐQT, ông Nguyễn Quang Huy - TGĐ, TV HĐQT		Chi phí đồng phục	24.309.600
				Chi phí Vé máy bay	24.461.286
				Chi phí thiết bị	166.363.636
4	**CTCP Tập đoàn Đèo Cả**	Người có liên qua của ông Hồ Minh Hoàng - CT HĐQT, ông Nguyễn Tấn Đông - PCT HĐQT, ông Võ Thuỵ Linh - TV HĐQT, ông Nguyễn Quang Huy - TGĐ, TV HĐQT	CTCP Đầu tư Đèo Cả	Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	62.885.720.207
5	**CTCP Tư vấn Xây dựng A2Z**	Người có liên quan của bà Phan Thị Mai - TV BKS		Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	4.629.343.123
6	**CTCP An Ninh Đèo Cả**	Người có liên quan của ông Nguyễn Minh Giang - Trưởng BKS		Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	299.909.091
7	**CTCP Tư vấn Xây dựng Hoàng Long**	Người có liên quan của ông Nguyễn Quang Huy - TGĐ, Thành viên HĐQT		Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	1.558.383.389
8	**Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư, Tài chính, Thuế - Kiểm toán Com. PT**	Người có liên quan của ông Nguyễn Minh Giang - Trưởng BKS		Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	1.879.691.169
9	**CTCP Phước Tượng Phú Gia BOT**	Người có liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông - PCT HĐQT, ông Trần Văn Thế - PCT HĐQT, ông Nguyễn Quang Huy - TGĐ, TV HĐQT, bà Phan Thị Mai - TV BKS		Chia sẻ doanh thu	225.442.536.364

10	**CTCP Tập đoàn Đèo Cả**	Người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng - CT HĐQT, ông Nguyễn Tấn Đông - PCT HĐQT, ông Võ Thuỵ Linh - TV HĐQT, ông Nguyễn Quang Huy - TGĐ, TV HĐQT	CTCP BOT Bắc Giang Lạng Sơn	Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	1.950.188.217
11	**CTCP Tư vấn Xây dựng A2Z**	Người có liên quan của bà Phan Thị Mai - TV BKS		Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	23.862.390.589
12	**CTCP An Ninh Đèo Cả**	Người có liên quan của ông Nguyễn Minh Giang - Trưởng BKS		Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	63.000.000
13	**CTCP Quản lý và Khai thác Đường cao tốc Đèo Cả**	Người có liên quan của bà Phan Thị Mai - TV BKS		Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	10.560.532.726

- Hợp đồng, giao dịch giữa HHV với Công ty mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc trong thời gian 03 năm trở lại đây:

STT	Tên Công ty phát sinh giao dịch	Quan hệ với người nội bộ của HHV	Nội dung, số lượng, tổng giá trị hợp đồng, giao dịch
1	CTCP Tập đoàn Đèo Cả	Thành viên HĐQT HHV đang là thành viên HĐQT, PTGĐ của CTCP Tập đoàn Đèo Cả	- Vay vốn ngắn hạn: 119.600.000.000 đồng - Thanh toán tiền vay: 282.400.682.811 đồng - Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ: 271.427.756.746 đồng - Tiền lãi vay: 6.996.173.417 đồng
2	CTCP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Thành viên HĐQT của HHV đang là Thành viên HĐQT, TGĐ của CTCP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ: 327.272.728 đồng
3	CTCP Phước Tượng Phú Gia BOT	Thành viên HĐQT của HHV đang là Thành viên HĐQT của CTCP Phước Tượng - Phú Gia BOT	- Doanh thu duy tu bảo dưỡng hầm đường, vận hành trạm thu phí, xây lắp: 45.731.756.818 đồng; - CTCP Phước Tượng Phú Gia BOT ứng trước cổ tức năm 2021: 30.652.265.189 đồng.
4	CTCP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Thành viên HĐQT của HHV đang là Thành viên	- Vay dài hạn: 125.400.000.000 đồng; - Tiền lãi vay: 5.540.931.508 đồng;

		HĐQT, TGĐ của CTCP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	- Dư nợ vay ngắn hạn: 2.000.000.000 đồng.
5	CTCP Đầu tư Đèo Cả	Thành viên HĐQT của HHV đang là Thành viên HĐQT của CTCP Đầu tư Đèo Cả	- Đầu tư dài hạn: 46.200.000.000 đồng - Doanh thu duy tu bảo dưỡng hầm đường, vận hành trạm thu phí, xây lắp: 290.935.381.457 đồng
6	CTCP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Thành viên HĐQT của HHV đang là Thành viên HĐQT của CTCP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Góp vốn: 10.000.000.000 đồng
7	CTCP Tư vấn Xây dựng A2Z	Thành viên HĐQT của HHV từng là thành viên HĐQT của CTCP Tư vấn Xây dựng A2Z (Ông Nguyễn Thanh Trang thôi làm thành viên HĐQT HHV từ ngày 01/11/2021 và thôi làm thành viên HĐQT CTCP Tư vấn Xây dựng A2Z kể từ ngày 09/7/2021)	- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ: 8.820.945.419 đồng; - Thanh toán tiền lãi vay: 160.027.397 đồng.
8	CTCP Tư vấn Xây dựng Hoàng Long	ông Nguyễn Quang Huy - Thành viên HĐQT, TGĐ của HHV là Thành viên HĐQT của CTCP Tư vấn Xây dựng Hoàng Long (đến 24/03/2022)	- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ: 430.909.086 đồng; - Chi phí thí nghiệm công trình: 3.855.407.732 đồng.
9	CTCP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Thành viên HĐQT của HHV đang là Thành viên HĐQT của CTCP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	- Doanh thu duy tu bảo dưỡng hầm đường, vận hành trạm thu phí: 47.842.900.908 đồng; - Đặt cọc góp vốn: 82.500.000.000 đồng
10	CTCP Đầu tư VINALOG	Ông Nguyễn Quang Huy - Thành viên HĐQT, TGĐ của HHV đang là Phó Chủ tịch HĐQT của CTCP Đầu tư VINALOG	Thanh lý tài sản: 28.181.818.182 đồng
11	CTCP An ninh Đèo Cả	Trưởng BKS của HHV đang là Thành viên HĐQT kiêm TGĐ của CTCP An ninh Đèo Cả	Chi phí dịch vụ bảo vệ: 25.925.674.652 đồng

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công *ty:*

HHV đã triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các mặt công tác về quản trị doanh nghiệp nói chung, quản trị đối với công ty đại chúng nói riêng theo đúng các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản

trị công ty, các quy định, quy chế khác có liên quan. Hoạt động của ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS, Ban Điều hành đảm bảo tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của Công ty; đã đẩy mạnh phân công, phân cấp theo thẩm quyền để phát huy tín chủ động, trách nhiệm gắn liền với quyền lợi để tạo cơ sở và động lực cho việc triển khai các kế hoạch, chỉ tiêu trong các giai đoạn phát triển tiếp theo của Công ty.

Bên cạnh đó, HHV luôn xác định việc công khai, minh bạch, chính xác, kịp thời các thông tin về hoạt động của Công ty đến với cổ đông, nhà đầu tư, đối tác, khách hàng của HHV là nhiệm vụ và là một trong những ưu tiên hàng đầu trong quản trị, quản lý hoạt động của doanh nghiệp. Thời gian qua, HHV đã thực hiện tốt công tác công bố thông tin theo Quy chế công bố thông tin của Công ty và các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, đặc biệt là các thông tin về Báo cáo tài chính, Báo cáo về hoạt động của công ty trong năm, các giao dịch giữa công ty với người nội bộ và người có liên quan, giao dịch cổ phiếu HHV của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ,…

Đối với công tác kiểm toán nội bộ, theo Quyết định số 717/QĐ-SGDHCM ngày 23/12/2021 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE), Công ty đã được chấp thuận niêm yết cổ phiếu HHV trên HOSE và chính thức trở thành công ty niêm yết kể từ ngày 23/12/2021. Do đó, trong năm 2021 Công ty chưa thực hiện công tác kiểm toán nội bộ theo Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về kiểm toán nội bộ do chưa phải là công ty niêm yết. Ngày 20/01/2022, HĐQT Công ty đã có Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐQT ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ để đảm bảo thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ, các quy định về quản trị đối với công ty niêm yết. Trong năm 2022, tùy theo tình hình thực tế tại Công ty, HHV sẽ thành lập Ban Kiểm toán nội bộ hoặc thuê đơn vị độc lập để thực hiện công tác kiểm toán nội bộ cho Công ty theo đúng quy định.

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán:

Ý kiến kiểm toán trong Báo cáo kiểm toán độc lập tại các BCTC hợp nhất và riêng lẻ các năm 2021 của HHV cụ thể như sau:

➢ ***BCTC hợp nhất năm 2021 đã kiểm toán:***

BCTC hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam với Báo cáo kiểm toán độc lập số 251/BCKT/TC/2022/AASCS ngày 28/03/2022. Ý kiến của kiểm toán viên và vấn đề khác mà Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam đưa ra tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 251/BCKT/TC/2022/AASCS đối với BCTC hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty cụ thể như sau:

- Ý kiến của kiểm toán viên:

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất."

- Vấn đề khác: Không có

➢ **BCTC riêng năm 2021 đã kiểm toán**

BCTC riêng năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam với Báo cáo kiểm toán độc lập số 250/BCKT/TC/2022/AASCS ngày 28/03/2022. Ý kiến của kiểm toán viên và vấn đề khác mà Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam đưa ra tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 250/BCKT/TC/2022/AASCS đối với BCTC riêng năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty cụ thể như sau:

- Ý kiến của kiểm toán viên:

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng."

- Vấn đề khác: Không có

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, được lập ngày 28 tháng 03 năm 2022. Mỗi báo cáo tài chính bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT (báo cáo);
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Tổng Giám đốc

Nguyễn Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

đã được kiểm toán

Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán riêng	06 - 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	10 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	11 - 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	13 - 64

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo cả (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Công ty

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0400101965 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24/06/2010; Đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 03 tháng 11 năm 2021.

Cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận niêm yết theo Quyết định số 717/QĐ-SGDHCM ngày 23 tháng 12 năm 2021 và chính thức giao dịch ngày 20 tháng 01 năm 2022 tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán HHV, số lượng chứng khoán niêm yết là 267.384.090 cổ phiếu.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2021 là: **2.673.840.900.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân,P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng, Việt Nam

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ: Quản lý, khai thác, bảo trì hầm đường bộ Hải Vân; Hầm đường bộ Đèo cả, Cổ Mã, Hầm đường bộ Cù Mông, Hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia; quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng các tuyến đường quốc lộ được giao. Đảm bảo giao thông khi có thiên tai địch họa xảy ra trên địa bàn được giao. Dịch vụ thu phí cầu đường; Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, gồm: Chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua hầm đường bộ bằng phương tiện chuyên dùng, kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt; Xây dựng nhà các loại; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Sửa chữa các sản phẩm đúc sẵn; Sửa chữa máy móc thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa thiết bị khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Lắp đặt hệ thống điện;

Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bốc xếp hàng hóa; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Hoạt động tư vấn quản lý; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức du lịch; Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại;

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên Công ty	*Tỷ lệ lợi ích*	*Tỷ lệ biểu quyết*	*Vốn đầu tư (VND)*
Công ty con:			
- Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	65,58%	65,58%	902.303.650.000
- Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	71,02%	71,02%	1.486.031.250.000
- Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	99,47%	99,47%	272.331.000.000
Công ty liên doanh, liên kết:			
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	21,95%	21,95%	13.500.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	47,10%	50,00%	122.000.000.000
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	31,60%	31,60%	134.000.000.000

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên Công ty	*Địa chỉ*
+ Xí Nghiệp Thi Công Xây Lắp Công Trình	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Sản Xuất Dịch Vụ Thương Mại Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm đường bộ Đèo Cả	Thôn Hào Sơn, Xã Hòa Xuân Nam, Huyện Đông Hoà, Phú Yên.
+ Xí nghiệp Quản lý, vận hành hầm đường bộ Cù Mông	Thôn Long Thạch, Xã Xuân Lộc, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên
+ Xí nghiệp Quản lý, vận hành đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	Địa chỉ: Km81+140, Tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, Xã Hồ Sơn, Huyện Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2021 được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng này Công ty có các sự kiện phát sinh sau niên độ như sau:

Cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận niêm yết theo Quyết định số 717/QĐ-SGDHCM ngày 23 tháng 12 năm 2021 và chính thức giao dịch ngày 20 tháng 01 năm 2022 tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán HHV, số lượng chứng khoán niêm yết là 267.384.090 cổ phiếu.

Ngoài các sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu khác nào phát sinh sau ngày 31/12/2021 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:		Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông: Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch	08/08/2019	
Ông: Nguyễn Tấn Đông	Phó chủ tịch	08/08/2019	
Ông: Trần Văn Thế	Phó chủ tịch	05/04/2019	
Ông: Võ Thụy Linh	Thành viên	21/07/2015	
Ông: Hoàng Văn Hải	Thành viên độc lập	17/06/2020	
Ông: Nguyễn Thanh Trang	Thành viên	17/06/2020	01/11/2021
Ông: Trần Chúng	Thành viên	17/06/2020	
Ông: Nguyễn Quang Huy	Thành viên	01/11/2021	
Ông: Hà Huy Hùng	Thành viên độc lập	01/11/2021	

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:		Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông: Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc	21/12/2020	
Ông: Võ Ngọc Trung	Phó Tổng giám đốc	10/12/2020	
Ông: Lê Thanh Tuấn	Phó Tổng giám đốc	01/09/2020	30/03/2021
Ông: Trần Văn Dũng	Phó Tổng giám đốc	14/01/2021	
Bà: Nguyễn Quỳnh Mai	Phó Tổng giám đốc	30/03/2021	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:		Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông: Nguyễn Minh Giang	Trưởng ban	16/04/2018	
Ông: Đỗ Thế Vinh	Thành viên	17/06/2020	26/04/2021
Bà Cam Thị Minh Hải	Thành viên	17/06/2020	
Bà Phan Thị Mai	Thành viên	26/04/2021	

Đại diện theo pháp luật:		
Ông: Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc	21/12/2020
Kế toán trưởng:		
Ông: Nguyễn Văn Ân		17/06/2020

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) là đơn vị được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính riêng của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo cả phê duyệt Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty .

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 03 năm 2022
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ
DEOCA INFRASTRUCTURE
MSDN: 0400101965

NGUYỄN QUANG HUY

Số: 250 /BCKT/TC/2022/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo cả, được lập ngày 28 tháng 03 năm 2022 từ trang 06 đến trang 64, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
Phó Tổng giám đốc

LÊ VĂN TUẤN
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0479-2018-142-1

Kiểm toán viên

LÊ VĂN TÂN
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 4318-2018-142-1

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3820 5944 - (028) 3820 5947 - Fax: (028) 3820 5942
Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**838.451.206.123**	**623.388.235.981**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**V.01**	**11.600.983.258**	**76.734.825.238**
111	1. Tiền		8.100.983.258	7.734.825.238
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.500.000.000	69.000.000.000
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**		-	-
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		-	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**782.361.201.522**	**450.709.629.222**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	627.923.680.598	288.399.822.070
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.04	11.029.529.737	9.706.806.018
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.05	1.000.000.000	-
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.06	155.618.537.918	165.975.402.365
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.07	(13.210.546.731)	(13.372.401.231)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
140	**IV. Hàng tồn kho**	**V.08**	**44.059.032.517**	**94.753.058.598**
141	1. Hàng tồn kho		44.059.032.517	94.753.058.598
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**429.988.826**	**1.190.722.923**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	**V.12**	429.988.826	1.190.722.923
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	5. Tài sản ngắn hạn khác		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**2.975.211.790.305**	**2.924.984.488.743**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**3.094.427.531**	-
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	V.03	3.094.427.531	-
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		-	-
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	-
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn		-	-
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn		-	-
216	6. Phải thu dài hạn khác		-	-
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	-
220	**II. Tài sản cố định**		**27.152.174.909**	**48.078.973.192**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	26.598.323.500	47.512.240.695
222	- Nguyên giá		91.686.904.292	122.523.366.282
223	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(65.088.580.792)	(75.011.125.587)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
225	- Nguyên giá		-	-
226	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.11	553.851.409	566.732.497
228	- Nguyên giá		663.292.634	663.292.634
229	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(109.441.225)	(96.560.137)
230	**III. Bất động sản đầu tư**		-	-
231	- Nguyên giá		-	-
232	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		-	-
240	**IV. Tài sản dở dang dài hạn**	**V.09**	**12.259.242.728**	-
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		12.259.242.728	-
250	**V. Đầu tư tài chính dài hạn**	**V.02**	**2.932.165.900.000**	**2.875.965.900.000**
251	1. Đầu tư vào công ty con		2.660.665.900.000	2.614.465.900.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		269.500.000.000	259.500.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	-
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.000.000.000	2.000.000.000
260	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**540.045.137**	**939.615.551**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	**V.12**	540.045.137	939.615.551
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	-
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**3.813.662.996.428**	**3.548.372.724.724**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
300	**C . NỢ PHẢI TRẢ**		**844.131.880.942**	**808.557.778.549**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**625.822.930.942**	**703.587.938.115**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	230.529.989.839	166.742.868.656
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15	7.648.775.163	108.803.239.940
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	42.260.801.005	14.348.884.546
314	4. Phải trả người lao động		8.197.991.848	11.253.522.652
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	48.101.149.844	28.118.597.627
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		-	-
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.18	54.080.267.206	34.020.233.167
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.13	233.259.659.318	338.556.294.808
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.744.296.719	1.744.296.719
323	13. Quỹ bình ổn giá		-	-
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
330	**II. Nợ dài hạn**		**218.308.950.000**	**104.969.840.434**
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn	V.15	-	10.211.507.100
333	3. Chi phí phải trả dài hạn		-	-
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		-	-
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn		-	-
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	-
337	7. Phải trả dài hạn khác		-	-
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.13	218.308.950.000	94.758.333.334
339	9. Trái phiếu chuyển đổi		-	-
340	10. Cổ phiếu ưu đãi		-	-
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
400	**D . VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**V.19**	**2.969.531.115.486**	**2.739.814.946.175**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**		**2.969.531.115.486**	**2.739.814.946.175**
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.673.840.900.000	2.673.840.900.000
411a	- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*2.673.840.900.000*	*2.673.840.900.000*
411b	- *Cổ phiếu ưu đãi*		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(208.000.000)	(208.000.000)
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		4.851.321.687	4.851.321.687
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		291.046.893.799	61.330.724.488
421a	- *LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*		*61.330.724.488*	*20.548.196.488*
421b	- *LNST chưa phân phối kỳ này*		*229.716.169.311*	*40.782.528.000*
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB		-	-
430	**II. Nguồn kinh phí và quỹ khác**		-	-
431	1. Nguồn kinh phí		-	-
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**3.813.662.996.428**	**3.548.372.724.724**

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc
HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT	NGUYỄN VĂN ÂN	NGUYỄN QUANG HUY

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**VI.01**	**981.270.411.446**	**544.763.273.947**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**981.270.411.446**	**544.763.273.947**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	**VI.02**	**715.582.190.820**	**477.337.289.996**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**265.688.220.626**	**67.425.983.951**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.03	43.785.550.733	28.620.814.527
22	7. Chi phí tài chính	VI.04	25.944.130.547	29.789.067.552
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		25.944.130.547	29.789.067.552
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.05	24.751.225.674	20.863.981.680
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**258.778.415.138**	**45.393.749.246**
31	11. Thu nhập khác	VI.06	21.169.887.644	324.320.371
32	12. Chi phí khác	VI.07	53.326.772	333.651.011
40	**13. Lợi nhuận khác**		**21.116.560.872**	**(9.330.640)**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**279.894.976.010**	**45.384.418.606**
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.08	50.178.806.699	4.601.890.606
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	**17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**229.716.169.311**	**40.782.528.000**

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc
HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT	NGUYỄN VĂN ÂN	NGUYỄN QUANG HUY

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	**1. Lợi nhuận trước thuế**		**279.894.976.010**	**45.384.418.606**
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		6.003.570.483	6.579.604.547
03	- Các khoản dự phòng		(161.854.500)	58.000.000
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(62.602.141.115)	(28.620.814.527)
06	- Chi phí lãi vay		25.944.130.547	29.789.067.552
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	
08	**3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**249.078.681.425**	**53.190.276.178**
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(356.584.145.331)	(74.946.133.175)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		50.694.026.081	11.377.538.299
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(38.945.309.606)	615.642.709.195
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.160.304.511	609.601.122
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(6.239.473.366)	(29.789.067.552)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(17.553.062.468)	(2.295.676.727)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	632.624.644
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(118.388.978.754)**	**574.421.871.984**
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(8.476.213.317)	(4.143.673.094)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		33.891.818.182	408.181.819
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.000.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(33.200.000.000)	(639.790.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	49.083.120.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		43.785.550.733	28.620.814.527
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**35.001.155.598**	**(565.821.556.748)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		623.680.011.240	921.335.901.434
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(605.426.030.064)	(862.685.938.506)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**18.253.981.176**	**58.649.962.928**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(65.133.841.980)**	**67.250.278.164**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**76.734.825.238**	**9.484.547.074**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**		**11.600.983.258**	**76.734.825.238**

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc
HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT	NGUYỄN VĂN ÂN	NGUYỄN QUANG HUY

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0400101965 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24/06/2010; Đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 03 tháng 11 năm 2021.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2021 là: **2.673.840.900.000** **VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân,P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng, Việt Nam

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ: Quản lý, khai thác, bảo trì hầm đường bộ Hải Vân; Hầm đường bộ Đèo cả, Cổ Mã, Hầm đường bộ Cù Mông, Hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia; quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng các tuyến đường quốc lộ được giao. Đảm bảo giao thông khi có thiên tai địch họa xảy ra trên địa bàn được giao. Dịch vụ thu phí cầu đường; Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, gồm: Chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua hầm đường bộ bằng phương tiện chuyên dùng, kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt; Xây dựng nhà các loại; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Sửa chữa các sản phẩm đúc sẵn; Sửa chữa máy móc thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa thiết bị khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Lắp đặt hệ thống điện;

Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bốc xếp hàng hóa; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Hoạt động tư vấn quản lý; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức du lịch; Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại;

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách công ty con bao gồm:

- Tổng số các Công ty con	03
+ Số lượng Công ty con được hợp nhất	03
+ Số lượng Công ty con không được hợp nhất	0
- Danh sách các Công ty con được hợp nhất	03

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

- Danh sách công ty con bao gồm:

Tên công ty	*Địa chỉ*	*Tỷ lệ lợi ích*		*Tỷ lệ quyền biểu quyết*	
		31/12/2021	*01/01/2021*	*31/12/2021*	*01/01/2021*
Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	Tầng 12-243A Đê La Thành-P.Láng Thượng-Q.Đống Đa -TP Hà Nội	65,58%	65,58%	65,58%	65,58%
Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	32 Thạch Thị Thanh-Phường Tân Định-Quận 1 - TP Hồ Chí Minh	71,02%	70,36%	71,02%	70,36%
Công ty cổ phần Phước tượng Phú gia BOT	Lô 4 BT1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	99,47%	99,47%	99,47%	99,47%
- Danh sách công ty liên doanh, liên kết bao gồm:					
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Số 32 Thạch Thị Thanh, P.Tân Định, Quận 1, TP Hồ Chí Minh	21,95%	21,95%	21,95%	21,95%
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Tầng 12 tòa nhà ICON4, số 243A Đê La Thành-P.Láng Thượng-Q.Đống Đa -TP Hà Nội	47,10%	47,04%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	Tầng 20,số 109 Trần Hưng Đạo,P.Cửa Nam,Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	31,60%	29,25%	31,60%	29,25%

Tóm tắt thông tin hoạt động của Công ty con

(1) Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0106987957 ngày 11/09/2015; thay đổi lần thứ 13 ngày 15/11/2021, do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 110/BKHĐT-GNNĐKĐTTN cấp ngày 29/03/2016, điều chỉnh lần thứ nhất ngày 19/10/2016 về việc chấp thuận dự án đầu tư:

+ Dự án Đầu tư xây dựng công trình tuyến cao tốc Bắc Giang – Tp. Lạng Sơn đoạn KM45+100 – KM 108 + 500 kết hợp tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1 + 800 – Km 106 + 500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	12.188.665.000.000	VNĐ
+ Vốn chủ sở hữu:	1.645.470.000.000	VNĐ
+ Vốn vay	10.543.195.000.000	VNĐ

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

(1) Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn (tiếp theo)

Tại ngày 06/2018 hạng mục tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1 + 800 – Km 106 + 500 đã hoàn thành và triển khai thu phí hoàn vốn. Tại ngày 15/01/2020 hạng mục tuyến cao tốc Bắc Giang - TP Lạng Sơn đoạn Km45+100 - Km 108+ 500 đã hoàn thành và triển khai thu phí hoàn vốn. Dự án vẫn tiếp tục hoàn thành và đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

Vốn chủ sở hữu góp đến ngày 31/12/2021:	1.375.836.000.000	VNĐ

(2) Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0104567756 ngày 05 tháng 04 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Đến nay Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 22 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 47/BKHĐT-GCNĐKĐTTN/ĐC1 do Bộ KHĐT chứng nhận ngày 20/6/2017

Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân)

Quyết định số 400/QĐ-BGTVT ngày 04/03/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh phương án tài chính Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân);

Tại ngày 03/09/2017 hạng mục hầm Cổ Mã, hầm Đèo Cả; ngày 01/04/2019 hạng mục hầm Cù Mông bắt đầu đưa vào khai thác sử dụng và phát sinh doanh thu. Tổng mức đầu tư dự án theo Phụ lục 09 của Hợp đồng 26/HĐXD-DEOCA với Bộ Giao thông Vận tải ký ngày 13/03/2019 là 21.612 tỷ đồng.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	21.612.008.175.000	VNĐ
+ Vốn tự có:	1.749.864.583.000	VNĐ
+ Vốn khác	1.438.432.378.000	VNĐ
+ Vốn vay	13.375.708.235.000	VNĐ
+ Vốn Nhà nước hỗ trợ	5.048.002.979.000	VNĐ

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án

Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

Vốn chủ sở hữu góp đến ngày 31/12/2021:	2.092.450.000.000	VNĐ

(3) Công ty cổ phần Phước tượng Phú gia BOT

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0106205342 ngày 12/06/2013; thay đổi lần thứ 9 ngày 22/02/2021 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp.

Giấy chứng nhận đầu tư số 62/BKHĐT-GCNTTN ngày 17/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và đầu tư; điều chỉnh thay đổi lần thứ nhất ngày 17 tháng 08 năm 2015;

+ Dự án Đầu tư xây dựng công trình hầm đường bộ Phước Tượng và Phú Gia, QL1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế;

Phụ lục Hợp đồng BOT số 06/11378/HĐ.BOT-BGTVT ngày 17/07/2019 giữa Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Phước Tượng Phú Gia (Nhà đầu tư) – Công ty cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT về việc Dự án đầu tư xây dựng công trình Hầm đường bộ Phước Tượng và Phú Gia, QL1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

(3) Công ty cổ phần Phước tượng Phú gia BOT (tiếp theo)

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	1.559.231.104.000	VNĐ
+ Vốn chủ sở hữu:	262.000.000.000	VNĐ
+ Vốn vay	1.297.231.104.000	VNĐ
+ Vốn ngân sách Nhà nước		VNĐ
Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án		
Vốn chủ sở hữu góp đến ngày 31/12/2021:	273.786.000.000	VNĐ

Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

Tóm tắt thông tin hoạt động của Công ty liên kết

1. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam

Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng ICV Việt Nam có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0401777280 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày13/07/2016; Đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 18 tháng 11 năm 2020

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng		
Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2021 là:	61.500.000.000	VNĐ

2. *Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa*

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0106159826 ngày 22 tháng 4 năm 2013, Giấy phép thay đổi lần thứ 4 ngày 22 tháng 12 năm 2020, Giấy phép thay đổi lần thứ 4 ngày 22 tháng 12 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hà Nội.

Giấy chứng nhận đầu tư số 60/BKHĐT-GCNĐTTN ngày 25/09/2013

+ Dự án Đầu tư xây dựng mở rộng QL1 đoạn Km1374+525 - Km1392 & Km1405 - Km1425, tỉnh Khánh Hòa theo hình thức Hợp đồng BOT.

- Quyết định 108/QĐ-BGTVT ngày 13 tháng 01 năm 2016 về việc thu phí tại trạm thu phí Ninh An Km1425+200 Quốc lộ 1 để hoàn vốn cho dự án Đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 đoạn Km1374+525 - Km1392 và Km1405 - Km1425+500, tỉnh Khánh Hòa theo hình thức hợp đồng BOT.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	2.644.478.000.000	VNĐ
+ Vốn chủ sở hữu:	339.447.800.000	VNĐ
+ Vốn vay	2.305.030.200.000	VNĐ
+ Vốn ngân sách Nhà nước		VNĐ
Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án		
Vốn chủ sở hữu góp đến ngày 31/12/2021:	305.000.000.000	VNĐ

Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

3. *Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị*

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0108311466 ngày 05 tháng 06 năm 2018. Giấy phép Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 18 tháng 03 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

+ Dự án Đầu tư xây dựng thành phần 2: Tuyến cao tốc từ cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng (Km1+800-Km44+749,67), tỉnh Lạng Sơn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Tuyến cao tốc Cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng được đầu tư xây dựng theo Quyết định số 1833/QĐ-BGTVT ngày 14/06/2016 của Bộ Giao thông vận tải. UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án tại các quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 09/08/2018 và quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 15/10/2018.

Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 05/04/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh Phương án tài chính của Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn đoạn Km1+800-Km108+500, kết hợp tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1+800-Km106+500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	8.743.000.000.000	VNĐ
+ Vốn chủ sở hữu:	1.749.000.000.000	VNĐ
+ Vốn vay	6.994.000.000.000	VNĐ
+ Vốn ngân sách Nhà nước		VNĐ
Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án		
Vốn chủ sở hữu góp đến ngày 31/12/2021:	424.000.000.000	VNĐ

Tại ngày 31/12/2021 Công ty đang trong giai đoạn chuẩn bị dự án đầu tư.

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	*Địa chỉ*
+ Xí Nghiệp Thi Công Xây Lắp Công Trình	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Sản Xuất Dịch Vụ Thương Mại Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm đường bộ Đèo Cả	Thôn Hảo Sơn, Xã Hòa Xuân Nam, Huyện Đông Hoà, Phú Yên.
+ Xí nghiệp Quản lý, vận hành hầm đường bộ Cù Mông	Thôn Long Thạch, Xã Xuân Lộc, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên
+ Xí nghiệp Quản lý, vận hành đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	Địa chỉ: Km81+140, Tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, Xã Hồ Sơn, Huyện Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn

II . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Chế độ kế toán:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

2 . Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

2 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng;

- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

3 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác…

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

+ Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác:
+ Đối với dự phòng khoản đầu tư vào các doanh nghiệp đặc thù (doanh nghiệp BOT) : Không trích dự phòng tổn thất đầu tư đối với các khoản đầu tư vào doanh nghiệp thực hiện dự án BOT, do hợp đồng BOT đảm bảo cho nhà đầu tư được bảo toàn vốn và lãi trên vốn của Nhà đầu tư tham gia dự án theo thỏa thuận hợp đồng BOT được ký kết giữa nhà đầu tư và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong suốt thời gian hoạt động của dự án.

+ Đối với khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết khác nếu Công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

4 . Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- Lập dự phòng phải thu khó đòi: Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

5 . Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

- ***Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:*** cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6 . Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng bao gồm: chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và lãi vay được vốn hóa theo chuẩn mực kế toán số 16. Chi phí hình thành nguyên giá tài sản cố định liên quan đến Dự án BOT. BT.

- Khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình là Phương tiện vận tải và Thiết bị dụng cụ quản lý được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 -30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03- 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao
- Tài sản cố định khác	10 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tổn thất do giảm giá trị.

7 . Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

8 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

9 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

10 . Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính riêng, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

12 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

13 . Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chi những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

14 . Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án … chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:
- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Các công ty con thực hiện tạm ứng lợi nhuận đã cam kết cho các Cổ đông theo phương án tài chính đã được phê duyệt trong hợp đồng BOT dựa vào dòng tiền thực tế thu được thay vì lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

15 . Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
-Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây lắp

Doanh thu hợp đồng xây lắp được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây lắp quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;

- Hợp đồng xây lắp quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

- Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

- Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

- Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

16 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:
- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng;

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

17 . Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

18 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Đối với các dự án BOT, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay tài trợ vốn cho dự án BOT trong giai đoạn vận hành được phân bổ theo tỷ lệ giữa doanh thu thu phí phát sinh trong kỳ và doanh thu theo phương án tài chính của dự án BOT, căn cứ theo Công văn số 2310/TCDN-VP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài Chính được áp dụng từ năm tài chính 2020 . Giá trị chênh lệch giữa chi phí đi vay phát sinh và chi phí đi vay được phân bổ vào kết quả hoạt động trong kỳ sẽ được ghi nhận vào chi phí trả trước, giá trị này được phân bổ vào các kỳ tiếp theo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Công thức tính chi phí lãi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay tài trợ vốn cho dự án BOT trong kỳ:

$$\text{Chi phí lãi vay trong kỳ} = \frac{\text{Tổng chi phí lãi vay theo phương án tài chính}}{\text{Tổng doanh thu theo phương án tài chính}} \times \text{Doanh thu thực hiện trong kỳ}$$

19 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

20 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai cũng như khả năng khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ tính thuế tiếp theo tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

21 . Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

22 . Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23 . Công cụ tài chính

a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;

- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH) : Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	*01/01/2021*
Tiền mặt	**2.093.723.164**	**123.123.405**
- VND	2.093.723.164	123.123.405
Tiền gửi không kỳ hạn	**6.007.260.094**	**7.611.701.833**
- Tiền gửi (VND)	6.007.260.094	7.611.701.833
Các khoản tương đương tiền	**3.500.000.000**	**69.000.000.000**
- Tiền gửi có kỳ hạn	3.500.000.000	69.000.000.000
Cộng	**11.600.983.258**	**76.734.825.238**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

02 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	*Giá trị ghi sổ*	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Giá trị ghi sổ*	*Dự phòng*
a) Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	-	-
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:	-	-	-	-	-	-
b1) Ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
b2) Dài hạn	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-
- Trái phiếu (*)	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-
Cộng	**2.000.000.000**	**2.000.000.000**	-	**2.000.000.000**	**2.000.000.000**	-

(*) Khoản đầu tư bao gồm 200 trái phiếu, mệnh giá 10.000.000 đồng, kỳ hạn 10 năm (2019-2029), lãi suất tham chiếu +1,2%/năm do Vietinbank phát hành

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	*Giá hợp lý*	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Giá hợp lý*	*Dự phòng*
Đầu tư vào công ty con (*)	**2.660.665.900.000**	-	-	**2.614.465.900.000**	-	-
- Công ty Cổ Phần Bot Bắc Giang Lạng Sơn	902.303.650.000	-	-	902.303.650.000	-	-
- Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	1.486.031.250.000	-	-	1.439.831.250.000	-	-
- Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	272.331.000.000	-	-	272.331.000.000	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (*)	**269.500.000.000**	-	-	**259.500.000.000**	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	13.500.000.000	-	-	13.500.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	122.000.000.000	-	-	122.000.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	134.000.000.000	-	-	124.000.000.000	-	-
Cộng	**2.930.165.900.000**	-	-	**2.873.965.900.000**	-	-

(*) : Do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo quy định của Thông tư 200/TT-BT.

- Đối với dự phòng khoản đầu tư vào các doanh nghiệp đặc thù (doanh nghiệp BOT) : Công ty không trích dự phòng tổn thất đầu tư đối với các khoản đầu tư vào doanh nghiệp thực hiện dự án BOT, do hợp đồng BOT đảm bảo cho nhà đầu tư được bảo toàn vốn và lãi trên vốn của Nhà đầu tư tham gia dự án theo thỏa thuận hợp đồng BOT được ký kết giữa nhà đầu tư và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong suốt thời gian hoạt động của dự án.

Tóm tắt hoạt động của các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ: Xem Phụ lục 1

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

03 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		*01/01/2021*	
	Trích lập dự phòng	*Giá trị*	*Trích lập dự phòng*	*Giá trị*
a)Ngắn hạn:	**11.035.892.482**	**627.923.680.598**	**11.035.892.482**	**288.399.822.070**
Bên khác	**11.035.892.482**	**231.336.580.340**	**11.035.892.482**	**18.012.229.520**
Công ty Cổ phần Quản lý và Sửa chữa đường bộ Đắc Lắc	3.399.652.533	3.399.652.533	3.399.652.533	3.399.652.533
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo cả (Tên cũ: Công ty CP ĐTXD Hải Thạch)	-	177.848.367.430	-	-
Công ty Cổ phần xây dựng Cầu đường 19	5.159.490.529	5.159.490.529	5.159.490.529	5.159.490.529
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	-	5.082.418.376	-	5.082.418.376
Công ty XD c.trình GT 502 - Bê tông tươi	139.639.000	139.639.000	139.639.000	139.639.000
Công ty CTGT 503 Đà Nẵng	215.066.430	215.066.430	215.066.430	215.066.430
Công ty TNHH An Bình	193.457.858	193.457.858	193.457.858	193.457.858
Công ty Cổ phần XD GT Quảng Nam - HLM	145.872.585	145.872.585	145.872.585	145.872.585
Công ty TNHH MTV kiểm định KTAT dầu khí Việt Nam - PVEIC	354.000.000	354.000.000	354.000.000	354.000.000
Công ty CP QL & XD ĐB QNĐN	249.999.800	249.999.800	249.999.800	249.999.800
Tổng đội Thanh niên xung phong Nông nghiệp 4	219.676.656	219.676.656	219.676.656	219.676.656
Xí nghiệp đầu tư và phát triển khu CN Bắc Ch/lai - Trạm thu phí Tam Kỳ	278.976.912	278.976.912	278.976.912	278.976.912
Đối tượng khác	680.060.179	38.049.962.231	680.060.179	2.573.978.841
Bên liên quan (*)	-	**396.587.100.258**	-	**270.387.592.550**
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z	-	6.656.906.673	-	2.794.496.852
Công ty CP Đầu tư và xây dựng ICV Việt Nam	-	-	-	1.324.856.876
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Hoàng Long	-	822.000.000	-	348.000.000
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	-	52.007.261.820	-	57.155.927.220
Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	-	26.681.428.257	-	21.821.245.712
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	-	8.018.141.334	-	2.358.205.811
Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	-	161.649.663.847	-	184.404.860.079
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	-	270.000.000	-	180.000.000
Công ty Cổ phần tập đoàn Đèo cả	-	140.481.698.327	-	-

Ghi chú (*): Số dư đầu năm khoản phải thu với các bên liên quan được trình bày và phân loại lại cho phù hợp với số liệu so sánh năm nay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

03 PHẢI THU KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

	31/12/2021		*01/01/2021*	
	Trích lập dự phòng	*Giá trị*	*Trích lập dự phòng*	*Giá trị*
b) Dài hạn	-	**3.094.427.531**	-	-
Bên liên quan	-	-	-	-
Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	-	3.094.427.531	-	-
Cộng	**11.035.892.482**	**631.018.108.129**	**11.035.892.482**	**288.399.822.070**

04 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2021		*01/01/2021*	
	Trích lập dự phòng	*Giá trị*	*Trích lập dự phòng*	*Giá trị*
a) Ngắn hạn:	**1.301.620.413**	**11.029.529.737**	**1.303.951.913**	**9.706.806.018**
Bên khác	**1.301.620.413**	**11.029.529.737**	**1.303.951.913**	**9.623.193.356**
Công ty TNHH Tư Vấn ĐT & XD AMICONS	180.000.000	180.000.000	180.000.000	180.000.000
Công ty cổ phần nhà thép tiền chế Chí Việt	673.571.100	673.571.100	673.571.100	673.571.100
Công ty CP Pacific Dinco	-	-	6.300.000	6.300.000
Công ty TNHH TM & XD Thịnh Quốc	181.774.313	181.774.313	181.774.313	181.774.313
Công ty Cổ phần kỹ thuật Ánh Minh	-	912.353.431	-	-
Công ty TNHH MTV Toyota Đà Nẵng	-	300.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV TM & DV kỹ thuật điện C.D.E	-	3.599.297.300	-	-
Công ty TNHH Đá Hóa An 1	-	2.787.370.611	-	-
Công ty TNHH XNK Thái Châu	-	145.000.000	-	-
Công ty Dịch vụ Điện Lực Miền Trung	-	425.036.000	-	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Sài Gòn	-	-	-	6.500.000.000
Công ty TNHH MTV Minh Đạt	-	-	-	200.000.000
Công ty TNHH sơn dẻo nhiệt Synthetic	-	-	-	250.000.000
Đối tượng khác	266.275.000	1.825.126.982	262.306.500	1.631.547.943
Bên liên quan	-	-	-	**83.612.662**
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Hoàng Long	-	-	-	83.612.662
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**1.301.620.413**	**11.029.529.737**	**1.303.951.913**	**9.706.806.018**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

05 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2021	*01/01/2021*
a) Ngắn hạn	**1.000.000.000**	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Sài Gòn (*)	1.000.000.000	-
b) Dài hạn		
Cộng	**1.000.000.000**	-

Ghi chú (*): Thông tin hợp đồng cho vay:

Bên vay	Hợp đồng	Thời hạn vay	Mục đích vay	Số tiền
Công ty TNHH MTV Đầu tư Sài Gòn	Lãi suất 9%/năm HĐV 15.10	Dưới 12 tháng	Mua nhựa đường	1.000.000.000

06 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021		**01/01/2021**	
	Trích lập dự phòng	*Giá trị*	*Trích lập dự phòng*	*Giá trị*
a) Ngắn hạn:	**873.033.836**	**155.618.537.918**	**1.032.556.836**	**165.975.402.365**
Tạm ứng	-	1.842.628.988	159.523.000	6.532.842.735
Phải thu khác	873.033.836	153.675.908.930	873.033.836	159.342.559.630
Bên khác	***873.033.836***	***994.547.848***	***873.033.836***	***35.564.257.848***
+ Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả (Tên cũ: Công ty CP ĐTXD Hải Thạch)	-	*21.520.587*	-	*34.591.230.587*
+ Cục Quản lý đường bộ III	*837.818.000*	*837.818.000*	*837.818.000*	*837.818.000*
+ Phạm Đình Nam	*3.817.479*	*3.817.479*	*3.817.479*	*3.817.479*
+ Đối tượng khác	*31.398.357*	*131.391.782*	*31.398.357*	*131.391.782*
Bên liên quan	-	***152.681.361.082***	-	***123.778.301.782***
+ Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	-	*137.800.000.000*	-	*55.300.000.000*
+ Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	-	-	-	*32.000.000.000*
+ Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả- Bảo hành công trình	-	*14.881.361.082*	-	*36.478.301.782*
Ký cược, ký quỹ	-	100.000.000	-	100.000.000
Bên liên quan				
Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo cả	-	*100.000.000*	-	*100.000.000*
b) Dài hạn				
Cộng	**873.033.836**	**155.618.537.918**	**1.032.556.836**	**165.975.402.365**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

07 . NỢ XẤU

1. Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

	31/12/2021		*01/01/2021*	
	Giá gốc	*Giá trị có thể thu hồi*	*Giá gốc*	*Giá trị có thể thu hồi*
- Phải thu khách hàng, phải thu khác	**13.210.546.731**	-	**13.440.768.231**	**68.367.000**
+ Công ty CP XD Cầu đường 19	5.159.490.529	-	5.159.490.529	-
+ Công ty QL và SC ĐB Đắc Lắc	3.399.652.533	-	3.399.652.533	-
+ Công ty cổ phần nhà thép tiền chế Chí Việt	673.571.100	-	673.571.100	-
+ Cục Quản lý đường bộ III	837.818.000	-	837.818.000	-
+ Đối tượng khác	3.140.014.569	-	3.370.236.069	68.367.000
Cộng	**13.210.546.731**	-	**13.440.768.231**	**68.367.000**

08 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		*01/01/2021*	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
- Nguyên liệu, vật liệu	5.385.808.582	-	5.027.348.465	-
- Công cụ, dụng cụ	243.035.758	-	259.142.127	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	38.430.188.177	-	89.466.568.006	-
Cộng	**44.059.032.517**	-	**94.753.058.598**	-

Ghi chú:

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: Không có
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: Không có

Ghi chú(*): Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến chi phí của các công trình xây lắp chưa hoàn thành

09 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	31/12/2021	*01/01/2021*
Xây dựng cơ bản	**12.259.242.728**	-
+ Sửa chữa lớn văn phòng và nhà xưởng	*12.259.242.728*	-
Cộng	**12.259.242.728**	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

10 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	**45.312.498.006**	**21.732.477.349**	**51.763.460.332**	**3.714.930.595**	**-**	**122.523.366.282**
2. Số tăng trong năm	**-**	**152.000.000**	**-**	**-**	**-**	**152.000.000**
- Mua trong năm	*-*	*152.000.000*	*-*	*-*	*-*	*152.000.000*
- Tăng khác	*-*	*-*	*-*	*-*	*-*	*-*
3. Số giảm trong năm	**18.335.168.721**	**6.630.589.108**	**2.942.839.831**	**3.079.864.330**	**-**	**30.988.461.990**
- Thanh lý, nhượng bán	*18.335.168.721*	*6.630.589.108*	*2.942.839.831*	*3.079.864.330*	*-*	*30.988.461.990*
- Giảm khác					*-*	
4. Số dư cuối năm	**26.977.329.285**	**15.253.888.241**	**48.820.620.501**	**635.066.265**	**-**	**91.686.904.292**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế						
1. Số dư đầu năm	**16.379.302.760**	**14.214.067.569**	**42.143.992.737**	**2.273.762.521**	**-**	**75.011.125.587**
2. Khấu hao trong năm	**1.507.068.487**	**1.660.354.711**	**2.518.098.760**	**305.167.437**	**-**	**5.990.689.395**
- Khấu hao trong năm	*1.507.068.487*	*1.660.354.711*	*2.518.098.760*	*305.167.437*	*-*	*5.990.689.395*
- Tăng khác	*-*	*-*	*-*	*-*	*-*	*-*
3. Giảm trong năm	**6.149.606.581**	**4.876.698.382**	**2.919.238.137**	**1.967.691.090**	**-**	**15.913.234.190**
- Thanh lý, nhượng bán	*6.149.606.581*	*4.876.698.382*	*2.919.238.137*	*1.967.691.090*	*-*	*15.913.234.190*
- Giảm khác	*-*	*-*	*-*	*-*	*-*	*-*
4. Số dư cuối năm	**11.736.764.666**	**10.997.723.898**	**41.742.853.360**	**611.238.868**	**-**	**65.088.580.792**
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	**28.933.195.246**	**7.518.409.780**	**9.619.467.595**	**1.441.168.074**	**-**	**47.512.240.695**
2. Tại ngày cuối năm	**15.240.564.619**	**4.256.164.343**	**7.077.767.141**	**23.827.397**	**-**	**26.598.323.500**

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 13.393.097.360 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 37.919.175.251 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

11 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	**618.292.634**	-	-	**45.000.000**	-	**663.292.634**
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	**618.292.634**	-	-	**45.000.000**	-	**663.292.634**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế						
1. Số dư đầu năm	**51.560.137**	-	-	**45.000.000**	-	**96.560.137**
2. Khấu hao trong năm	**12.881.088**	-	-	-	-	**12.881.088**
- Khấu hao trong năm	*12.881.088*	-	-	-	-	*12.881.088*
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	**64.441.225**	-	-	**45.000.000**	-	**109.441.225**
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	**566.732.497**	-	-	-	-	**566.732.497**
2. Tại ngày cuối năm	**553.851.409**	-	-	-	-	**553.851.409**

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 553.851.409 VND
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 0 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	*01/01/2021*
a) Ngắn hạn	**429.988.826**	**1.190.722.923**
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	168.140.464	936.823.258
Chi phí sửa chữa, bảo hiểm xe	261.848.362	253.899.665
b) Dài hạn	**540.045.137**	**939.615.551**
Chi phí sửa chữa, bảo hiểm xe	35.294.143	8.985.712
Các khoản khác	504.750.994	559.427.099
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	371.202.740
Cộng	**970.033.963**	**2.130.338.474**

13 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a) Vay ngắn hạn - VND (*)

	31/12/2021		*Phát sinh trong năm*		*01/01/2021*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Tăng*	*Giảm*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Bên khác	**194.527.763.715**	**194.527.763.715**	**377.675.344.574**	**341.071.980.064**	**157.924.399.205**	**157.924.399.205**
- NH Công Thương CN Đà Nẵng	*139.125.695.101*	*139.125.695.101*	*283.384.389.708*	*298.413.674.123*	*154.154.979.516*	*154.154.979.516*
-Vay ngắn hạn NH TP Bank-CN Thăng Long HN	*52.341.293.512*	*52.341.293.512*	*94.290.954.866*	*41.949.661.354*	-	-
- Cán bộ, công nhân viên	*3.060.775.102*	*3.060.775.102*	-	*708.644.587*	*3.769.419.689*	*3.769.419.689*
Bên liên quan	***38.731.895.603***	***38.731.895.603***	***119.600.000.000***	***261.500.000.000***	***180.631.895.603***	***180.631.895.603***
- Công ty Cổ phần tập đoàn Đèo cả	*36.731.895.603*	*36.731.895.603*	*119.600.000.000*	*261.500.000.000*	*178.631.895.603*	*178.631.895.603*
- Công ty Cổ Phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	*2.000.000.000*	*2.000.000.000*	-	-	*2.000.000.000*	*2.000.000.000*
Cộng	**233.259.659.318**	**233.259.659.318**	**497.275.344.574**	**602.571.980.064**	**338.556.294.808**	**338.556.294.808**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

b) Vay dài hạn - VND (**)	*31/12/2021*		*Phát sinh trong năm*		*01/01/2021*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Tăng*	*Giảm*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Trên 1 năm đến 5 năm	**218.308.950.000**	**218.308.950.000**	**126.513.000.000**	**2.962.383.334**	**94.758.333.334**	**94.758.333.334**
Bên khác	**92.908.950.000**	**92.908.950.000**	**1.113.000.000**	**962.383.334**	**758.333.334**	**758.333.334**
- NH CT - CN Đà Nẵng mua 3 chung cư	-	-	-	*758.333.334*	*758.333.334*	*758.333.334*
- NH TP Bank - mua xe ô tô	*908.950.000*	*908.950.000*	*1.113.000.000*	*204.050.000*	-	-
- Công ty cổ phần đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	*92.000.000.000*	*92.000.000.000*	-	-	-	-
Bên liên quan	**125.400.000.000**	**125.400.000.000**	**125.400.000.000**	**2.000.000.000**	**94.000.000.000**	**94.000.000.000**
- Công ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng A2Z	-	-	-	*2.000.000.000*	*2.000.000.000*	*2.000.000.000*
- Công ty Cổ Phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	*125.400.000.000*	*125.400.000.000*	*125.400.000.000*	-	-	-
- Công ty cổ phần đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	-	-	-	-	92.000.000.000	92.000.000.000
Cộng	**218.308.950.000**	**218.308.950.000**	**126.513.000.000**	**2.962.383.334**	**94.758.333.334**	**94.758.333.334**

*** Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay ngắn hạn:**

Bên cho vay	*Hợp đồng*	*Hạn mức/Số tiền vay (VND)*	*Thời hạn vay*	*Lãi suất*	*Mục đích vay*	*Hình thức đảm bảo*
- Ngân hàng TM Cổ phần Công Thương VN - CN Đà Nẵng	HĐ tín dụng số 01/2020-HDCVHM/NHCT480-DII ngày 02/11/2020	100.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 9 tháng	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Cà vẹt xe oto, giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà tại căn hộ Plaza
- Ngân hàng TM Cổ phần Công Thương VN - CN Đà Nẵng	HĐ tín dụng số 02/2020-HDCVHM/NHCT480-DII ngày 02/11/2020	80.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 6 tháng	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

*** Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay ngắn hạn: (tiếp theo)**

Bên cho vay	*Hợp đồng*	*Hạn mức/Số tiền vay (VND)*	*Thời hạn vay*	*Lãi suất*	*Mục đích vay*	*Hình thức đảm bảo*
-Vay ngắn hạn NH TP Bank-CN Thăng Long HN	HĐ tín dụng số 47/2020 /HĐTD/TLG01 ngày 16/9/2020 và PL HĐ tín dụng số 432/2021 /HDTD /TLG01 ngày 14/10/2021	300.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 10 tháng	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo cả	Hợp đồng vay số 0201 ngày 02/01/2020	400.000.000.000	12 tháng	8%/năm	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Hợp đồng vay từng lần, PL	202.000.000.000	12 tháng	8%/năm	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp
- Vay CBCNV Công ty	Hợp đồng và các phụ lục kèm theo ký với từng cá nhân cho vay	Không giới hạn	Từ ngày ký hợp đồng đến khi kết thúc hợp đồng	Lãi suất trả bằng lãi suất tiền gửi kỳ hạn 3 tháng tại NH Công ty đang giao dịch	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp

**** Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay dài hạn:**

Bên cho vay	*Hợp đồng*	*Hạn mức/Số tiền vay (VND)*	*Thời hạn vay*	*Lãi suất*	*Mục đích vay*	*Hình thức đảm bảo*
Công Ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng A2Z	Hợp đồng vay số 30.07/2019/DII-A2Z ngày 30/7/2019, PLHĐ	2.000.000.000	24 tháng	6%/năm	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp
- Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng Miền Bắc	Hợp đồng vay từng lần, PL	92.000.000.000	24 tháng	8%/năm	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp
- Công ty Cổ Phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Hợp đồng vay số 15062021/HTBOT-DII ngày 15/06/2021	125.400.000.000	24 tháng	8%/năm	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp
- Ngân hàng TM Cổ phần Tiên Phong - TPBank	Hợp đồng vay số 19/2021/HDTD/TLG/01 ngày 27/01/2021	1.113.000.000	60 tháng	8%/năm đến ngày 27/1/2022, sau đó điều chỉnh định năm	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Cà vẹt xe ô tô

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2021		*01/01/2021*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
a) Ngắn hạn:	**230.529.989.839**	**230.529.989.839**	**166.742.868.656**	**166.742.868.656**
Bên khác	***174.916.458.873***	***174.916.458.873***	***116.545.094.114***	***116.545.094.114***
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo cả (Tên cũ: Công ty CP ĐTXD Hải Thạch)	721.000.000	721.000.000	-	-
Công ty TNHH Thủy Tùng Châu	112.650.000	112.650.000	412.000.000	412.000.000
Công ty Cổ phần Phú Thịnh Contruction	1.195.304.000	1.195.304.000	-	-
Công ty Cổ phần XDTN điện & trang trí nội thất EMTC3	10.000.000	10.000.000	15.344.365.177	15.344.365.177
Công ty TNHH TM & XD Lâm Tùng Phương	-	-	14.733.684.000	14.733.684.000
Công ty TNHH đầu tư chuyển giao công nghệ Toàn Cầu	989.766.330	989.766.330	28.260.801.916	28.260.801.916
Công ty Cổ phần xây dựng Đại Thành	3.375.133.010	3.375.133.010	3.375.133.010	3.375.133.010
Công ty xăng dầu Tiền Giang	169.301.000	169.301.000	656.002.154	656.002.154
Công ty TNHH MTV Đầu tư Sài gòn	2.552.438.731	2.552.438.731	-	-
Công ty Cổ phần Thép Sao Việt Hưng Yên	2.684.691.660	2.684.691.660	-	-
Công ty cổ phần T.Đ.T	2.384.188.715	2.384.188.715	-	-
Công ty TNHH sơn dẻo nhiệt Synthetic	1.522.642.851	1.522.642.851	-	-
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Trí Nam	122.491.454.000	122.491.454.000	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	36.707.888.576	36.707.888.576	53.763.107.857	53.763.107.857
Bên liên quan	***55.613.530.966***	***55.613.530.966***	***50.197.774.542***	***50.197.774.542***
Công ty Cổ phần Đầu tư và XD ICV Việt Nam	-	-	20.713.793.022	20.713.793.022
Công ty Cổ phần tập đoàn Đèo cả	32.423.041.004	32.423.041.004	15.409.277.220	15.409.277.220
Công ty cổ phần An Ninh Đèo cả	15.548.127.266	15.548.127.266	14.074.704.300	14.074.704.300
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Hoàng Long	1.796.396.412	1.796.396.412	-	-
Công ty cổ phần quản lý và khai thác đường cao tốc Đèo cả	5.845.966.284	5.845.966.284	-	-
b) Dài hạn				
Cộng	**230.529.989.839**	**230.529.989.839**	**166.742.868.656**	**166.742.868.656**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2021	*01/01/2021*
a) Ngắn hạn:	**7.648.775.163**	**108.803.239.940**
Bên khác	***7.648.775.163***	***43.162.246.733***
Công ty xăng dầu Bình Định	-	3.000.000.000
Công ty Cổ phần XD công trình Ngầm	1.495.821.371	1.495.821.371
Công ty xăng dầu khu vực V	3.000.000.000	3.000.000.000
Tổng công ty xây dựng Lũng Lô	2.475.005.925	2.475.005.925
CN Trung tâm phát triển quỹ đất số 3- TP Đà Nẵng	-	2.587.489.000
Đối tượng khác	677.947.867	30.603.930.437
Bên liên quan	-	***65.640.993.207***
Công ty Cổ phần tập đoàn Đèo cả	-	65.640.993.207
b) Dài hạn:	-	**10.211.507.100**
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo cả	-	10.211.507.100
Cộng	**7.648.775.163**	**119.014.747.040**

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		*Số phải nộp trong năm*	*Số đã thực nộp trong năm*	*Số cuối năm*	
	Phải thu	*Phải trả*			*Phải thu*	*Phải trả*
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.601.890.608	50.178.806.699	17.553.062.468	-	37.227.634.839
Thuế thu nhập cá nhân	-	241.916.995	89.700.502	261.891.239	-	69.726.258
Thuế giá trị gia tăng	-	9.505.076.943	49.498.480.719	54.040.117.754	-	4.963.439.908
Thuế tài nguyên	-	-	133.969.826	133.969.826	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	466.476.469	466.476.469	-	-
Thuế khác	-	-	326.588.589	326.588.589	-	-
Cộng	-	**14.348.884.546**	**100.694.022.804**	**72.782.106.345**	-	**42.260.801.005**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2021	*01/01/2021*
a) Ngắn hạn	**48.101.149.844**	**28.118.597.627**
Trích trước chi phí vận hành Hầm, thu phí	461.157.037	24.106.146.737
Trích trước lãi vay ngân hàng	173.450.166	206.670.702
Trích trước chi phí gói thầu xây dựng	47.466.542.641	3.805.780.188
b) Dài hạn	-	-
Cộng	**48.101.149.844**	**28.118.597.627**

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2021	*01/01/2021*
a) Ngắn hạn:	**54.080.267.206**	**34.020.233.167**
Bên khác	**20.489.208.012**	**8.525.613.373**
Kinh phí công đoàn	1.173.133.467	1.160.774.965
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	-
Quỹ ủng hộ	418.533.926	418.533.926
Tạm ứng (số dư có 141)	362.061.688	153.292.087
Các khoản phải trả, phải nộp khác	18.535.478.931	6.793.012.395
Công ty France Emulsion tiền lợi nhuận hợp tác kinh doanh	*1.606.087.366*	*1.606.087.366*
Đối tượng khác	*16.929.391.565*	*5.186.925.029*
Bên liên quan (*)	***33.591.059.194***	***25.494.619.794***
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng A2Z	-	*140.630.137*
Công ty cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	*11.487.780.823*	*5.946.849.315*
Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng Miền Bắc	-	*4.120.035.388*
Công ty cổ phần tập đoàn Đèo Cả	*22.103.278.371*	*15.287.104.954*
b) Dài hạn	-	-
Cộng	**54.080.267.206**	**34.020.233.167**

Ghi chú (*): Số dư đầu năm khoản phải trả khác với các bên liên quan được trình bày và phân loại lại cho phù hợp với số liệu so sánh năm nay.

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Năm trước

	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư năm trước	**2.270.090.900.000**	-	**3.200.097.043**	**23.878.778.474**	**2.297.169.775.517**
Tăng vốn trong năm trước	403.750.000.000	(208.000.000)	-	-	403.542.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	40.782.528.000	40.782.528.000
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	-	-	1.651.224.644	-	1.651.224.644
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(1.651.224.644)	(1.651.224.644)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.651.224.644)	(1.651.224.644)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(28.132.698)	(28.132.698)
Số dư cuối năm trước	**2.673.840.900.000**	**(208.000.000)**	**4.851.321.687**	**61.330.724.488**	**2.739.814.946.175**
Năm nay					
Số dư đầu năm nay	**2.673.840.900.000**	**(208.000.000)**	**4.851.321.687**	**61.330.724.488**	**2.739.814.946.175**
Tăng vốn trong năm này	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	229.716.169.311	229.716.169.311
Tăng do trích từ lợi nhuận	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Trích quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm này	**2.673.840.900.000**	**(208.000.000)**	**4.851.321.687**	**291.046.893.799**	**2.969.531.115.486**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

19 . 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2021	*%*	*01/01/2021*	*%*
- Công ty cổ phần Tập Đoàn Đèo cả (*)	*37.892.550.000*	*1,42%*	*37.892.550.000*	*1,42%*
- Hồ Minh Hoàng	*18.000.000.000*	*0,67%*	*18.000.000.000*	*0,67%*
- Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	*677.831.250.000*	*25,35%*	*1.317.831.250.000*	*49,29%*
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	-	-	*882.303.650.000*	*33,00%*
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hải Thạch	-	-	*122.000.000.000*	*4,56%*
- Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Quốc tế Hà Thành	-	-	*108.331.000.000*	*4,05%*
- Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát	-	-	*164.000.000.000*	*6,13%*
- Vốn góp của các đối tượng khác	*1.940.117.100.000*	*72,56%*	*23.482.450.000*	*0,88%*
Cộng	**2.673.840.900.000**	**100,00%**	**2.673.840.900.000**	**100,00%**

(*) Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả là Công ty mẹ của Công ty thông qua quyền sở hữu, quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp tại các Công ty con đầu tư vào Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả với tỷ lệ quyền sở hữu và biểu quyết như sau:

(*) Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo cả	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Quyền sở hữu trực tiếp	1,42%	1,42%
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	*1,42%*	*1,42%*
Quyền sở hữu và biểu quyết gián tiếp	*21,22%*	*25,35%*
- Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	21,22%	*25,35%*
Cộng	**22,64%**	**26,77%**

Hiện tại, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả (DCG) đang nắm tỷ lệ quyền biểu quyết là 26,77%, tuy nhiên Tập đoàn vẫn là Công ty mẹ do đang nắm quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty thông qua việc nắm đa số thành viên trong Hội Đồng Quản trị.

19 . 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	*Năm trước*
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	-	-
- Vốn góp đầu năm	2.673.840.900.000	2.270.090.900.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	403.750.000.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	2.673.840.900.000	2.673.840.900.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

19 . 4. Cổ phiếu	*31/12/2021*	*01/01/2021*
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	267.384.090	267.384.090
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	267.384.090	267.384.090
- Cổ phiếu phổ thông	*267.384.090*	*267.384.090*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

19 . 5. Các quỹ của công ty:	*31/12/2021*	*01/01/2021*
Quỹ đầu tư phát triển	4.851.321.687	4.851.321.687
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

01 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
a) Doanh thu		
Doanh thu hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường	253.706.355.450	273.882.087.781
Doanh thu hoạt động xây lắp	634.211.145.006	191.579.031.010
Doanh thu cung cấp dịch vụ trung chuyển	8.702.727.273	12.256.638.637
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	4.664.914.551
Doanh thu vận hành các trạm thu phí	59.704.736.459	57.490.029.421
Doanh thu khác	24.945.447.258	4.890.572.547
Cộng	**981.270.411.446**	**544.763.273.947**
Trong đó doanh thu đối với các bên liên quan	***704.811.511.042***	***479.053.785.424***
Doanh thu hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường	*253.706.355.450*	*273.882.087.781*
Doanh thu hoạt động xây lắp	*380.186.811.511*	*139.269.989.215*
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	*4.664.914.551*
Doanh thu vận hành các trạm thu phí	*59.704.736.459*	*57.490.029.421*
Doanh thu khác	*11.213.607.622*	*3.746.764.456*

02 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường	123.092.255.018	200.818.532.766
Giá vốn hoạt động xây lắp	523.586.657.108	203.801.514.683
Giá vốn cung cấp dịch vụ trung chuyển	8.583.292.401	15.611.765.591
Giá vốn kinh doanh bất động sản		2.134.302.804
Giá vốn vận hành các trạm thu phí	47.041.091.228	46.540.260.538
Giá vốn khác	13.278.895.065	8.430.913.614
Cộng	**715.582.190.820**	**477.337.289.996**

03 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.133.285.544	487.913.600
Cổ tức, lợi nhuận được chia	42.652.265.189	28.132.900.927
- Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	*30.652.265.189*	*28.132.900.927*
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	*12.000.000.000*	-
Cộng	**43.785.550.733**	**28.620.814.527**

04 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	25.944.130.547	29.789.067.552
Cộng	**25.944.130.547**	**29.789.067.552**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

05 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
05 . 1. Chi phí bán hàng	-	-
05 . 2. Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Chi phí nguyên, vật liệu	23.282.286	39.912.504
Chi phí công cụ, dụng cụ	81.457.207	160.370.815
Chi phí nhân công	10.281.685.646	10.271.254.173
Chi phí khấu hao	885.408.729	1.747.966.326
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.419.181.602	1.778.325.115
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	9.000.000
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(161.854.500)	(14.000.000)
Các khoản chi phí khác	10.219.064.704	6.799.152.747
Cộng	**24.751.225.674**	**20.863.981.680**

06 . THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	18.816.590.382	315.158.532
Thanh lý xe lu, xe tải, xe san	*3.932.288.039*	-
Chuyển nhượng văn phòng, nhà xưởng, nhà để xe	*14.884.302.343*	-
Các khoản khác	2.353.297.262	9.161.839
Cộng	**21.169.887.644**	**324.320.371**

07 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
Các khoản bị phạt	53.192.182	268.076.549
Các khoản khác	134.590	65.574.462
Cộng	**53.326.772**	**333.651.011**

08 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	48.063.318.649	4.601.890.606
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	2.115.488.050	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**50.178.806.699**	**4.601.890.606**

09 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	314.619.680.605	120.524.348.003
Chi phí nhân công	258.286.508.563	222.307.443.718
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.003.570.483	6.953.762.941
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.974.817.936	47.204.231.403
Chi phí khác bằng tiền	78.839.346.375	85.926.837.425
Cộng	**697.723.923.962**	**482.916.623.490**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

10 . THU NHẬP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIAM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	777.835.000	748.500.000
Tiền lương	1.385.807.453	1.209.435.596

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

01 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không có

02 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có

03 . Số tiền đi vay thực thu trong năm:	Năm nay	Năm trước
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	623.680.011.240	921.335.901.434

04 . Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:	Năm nay	Năm trước
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường:	605.426.030.064	862.685.938.506

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

02 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng này Công ty có các sự kiện phát sinh sau ngày 31/12/2021 như sau:

Cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận niêm yết theo Quyết định số 717/QĐ-SGDHCM ngày 23 tháng 12 năm 2021 và chính thức giao dịch ngày 20 tháng 01 năm 2022 tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán HHV, số lượng chứng khoán niêm yết là 267.384.090 cổ phiếu.

Ngoài các sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu khác nào phát sinh sau ngày 31/12/2021 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

03 . Thông tin về các bên liên quan: Xem Phụ lục 1

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

04 . Thông tin bộ phận

a. Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý của Công ty, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán theo các đơn vị sản phẩm và lĩnh vực kinh doanh do đó báo cáo bộ phận theo các các sản phẩm sản xuất và cung cấp dịch vụ như sau:

Năm trước	Doanh thu khác	Dịch vụ trung chuyển	Kinh doanh bất động sản	Hoạt động duy tu bảo dưỡng, hầm	Vận hành các trạm thu phí	Hoạt động xây lắp	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	4.890.572.547	12.256.638.637	4.664.914.551	273.882.087.781	57.490.029.421	191.579.031.010	544.763.273.947
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**4.890.572.547**	**12.256.638.637**	**4.664.914.551**	**273.882.087.781**	**57.490.029.421**	**191.579.031.010**	**544.763.273.947**
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(3.540.341.067)	(3.355.126.954)	2.530.611.747	73.063.555.015	10.949.768.883	(12.222.483.673)	67.425.983.951
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận							(20.863.981.680)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh							**46.562.002.271**
Doanh thu hoạt động tài chính							28.620.814.527
Chi phí tài chính							(29.789.067.552)
Thu nhập khác							324.320.371
Chi phí khác							(333.651.011)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							(4.601.890.606)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp							**40.782.528.000**
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác							**4.143.673.094**
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn							**6.579.604.547**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

a. Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Năm nay	Doanh thu khác	Dịch vụ trung chuyển	Kinh doanh bất động sản	Hoạt động duy tu bảo dưỡng, hầm	Vận hành các trạm thu phí	Hoạt động xây lắp	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	24.945.447.258	8.702.727.273	-	253.706.355.450	59.704.736.459	634.211.145.006	981.270.411.446
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**24.945.447.258**	**8.702.727.273**	**-**	**253.706.355.450**	**59.704.736.459**	**634.211.145.006**	**981.270.411.446**
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	11.666.552.193	119.434.872	-	130.614.100.432	12.663.645.231	110.624.487.898	265.688.220.626
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận							(24.751.225.674)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh							**240.936.994.952**
Doanh thu hoạt động tài chính							43.785.550.733
Chi phí tài chính							(25.944.130.547)
Thu nhập khác							21.169.887.644
Chi phí khác							(53.326.772)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							(50.178.806.699)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp							**229.716.169.311**
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác							**8.476.213.317**
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn							**6.003.570.483**

- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

01/01/2021	Doanh thu khác	Dịch vụ trung chuyển	Bất động sản đầu tư	Vận hành, bảo dưỡng Hầm	Vận hành các trạm thu phí	Hoạt động xây lắp	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	18.200.668.612	13.014.731.404	7.590.950.704	1.305.536.361	257.253.285	7.709.832.826	48.078.973.192
Tài sản không phân bổ							3.500.293.751.532
Tổng tài sản	**18.200.668.612**	**13.014.731.404**	**7.590.950.704**	**1.305.536.361**	**257.253.285**	**7.709.832.826**	**3.548.372.724.724**
Nợ phải trả bộ phận	-	-	-	248.903.276.058	-	117.462.661.034	366.365.937.092
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	442.191.841.457
Tổng nợ phải trả	-	-	-	**248.903.276.058**	-	**117.462.661.034**	**808.557.778.549**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

31/12/2021	Doanh thu khác	Dịch vụ trung chuyển	Bất động sản đầu tư	Vận hành, bảo dưỡng Hầm	Vận hành các trạm thu phí	Hoạt động xây lắp	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	185.299.348.082	13.111.179.415	-	220.107.118.112	52.077.037.344	388.262.005.101	858.856.688.054
Tài sản không phân bổ							2.954.806.308.374
Tổng tài sản	**185.299.348.082**	**13.111.179.415**	**-**	**220.107.118.112**	**52.077.037.344**	**388.262.005.101**	**3.813.662.996.428**
Nợ phải trả bộ phận	4.464.620.734	-	-	62.216.045.126	-	219.428.097.295	286.108.763.155
Nợ phải trả không phân bổ							558.023.117.787
Tổng nợ phải trả	**4.464.620.734**	**-**	**-**	**62.216.045.126**	**-**	**219.428.097.295**	**844.131.880.942**

b. Báo cáo thứ yếu theo Khu vực địa lý

Năm trước	Đà Nẵng	Huế	Phú yên, Khánh Hòa	Bắc Giang, Lạng Sơn	Tiền giang	Khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	191.218.295.102	85.890.944.369	195.475.837.399	53.146.343.397	-	19.031.853.680	544.763.273.947
Tài sản bộ phận							3.548.372.724.724
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài							4.143.673.094

Năm nay	Đà Nẵng	Huế	Phú yên, Khánh Hòa	Bắc Giang, Lạng Sơn	Tiền giang	Khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	257.356.500.593	59.254.669.092	234.070.477.900	47.842.900.908	382.745.862.953	-	981.270.411.446
Tài sản bộ phận							3.813.662.996.428
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác							8.476.213.317

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

05 . Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

a) Tài sản tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	31/12/2021		*01/01/2021*		*31/12/2021*	*01/01/2021*
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*		
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.600.983.258	-	76.734.825.238	-	11.600.983.258	76.734.825.238
Phải thu khách hàng	631.018.108.129	11.035.892.482	288.399.822.070	11.035.892.482	619.982.215.647	277.363.929.588
Trả trước cho người bán	11.029.529.737	1.301.620.413	9.706.806.018	1.303.951.913	9.727.909.324	8.402.854.105
Các khoản phải thu khác	155.618.537.918	873.033.836	165.975.402.365	1.032.556.836	154.745.504.082	164.942.845.529
Đầu tư tài chính dài hạn	2.932.165.900.000	-	2.875.965.900.000	-	2.932.165.900.000	2.875.965.900.000
Cộng	**3.741.433.059.042**	**13.210.546.731**	**3.416.782.755.691**	**13.372.401.231**	**3.728.222.512.311**	**3.403.410.354.460**

b) Nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	31/12/2021		*01/01/2021*		*31/12/2021*	*01/01/2021*
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*		
Phải trả cho người bán	230.529.989.839	-	166.742.868.656	-	230.529.989.839	166.742.868.656
Người mua trả tiền trước	7.648.775.163	-	108.803.239.940	-	7.648.775.163	108.803.239.940
Vay và nợ	451.568.609.318	-	433.314.628.142	-	451.568.609.318	433.314.628.142
Phải trả người lao động	8.197.991.848	-	11.253.522.652	-	8.197.991.848	11.253.522.652
Các khoản phải trả khác	54.080.267.206	-	34.020.233.167	-	54.080.267.206	34.020.233.167
Cộng	**752.025.633.374**		**754.134.492.557**		**752.025.633.374**	**754.134.492.557**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

06 . Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty

a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

b. Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	230.529.989.839	-	-	230.529.989.839
Người mua trả tiền trước	7.648.775.163	-	-	7.648.775.163
Vay và nợ	233.259.659.318	218.308.950.000	-	451.568.609.318
Chi phí phải trả	48.101.149.844	-	-	48.101.149.844
Các khoản phải trả phải nộp khác	54.080.267.206	-	-	54.080.267.206
Cộng	**573.619.841.370**	**218.308.950.000**	-	**791.928.791.370**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

c. . Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chuyển đổi, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giả trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Do Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Công ty là không trọng yếu. Tại thời điểm cuối kỳ, Công ty có số dư gốc ngoại tệ không đáng kể nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

- Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc của công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

07 . Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

08 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc
HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT	NGUYỄN VĂN ÂN	NGUYỄN QUANG HUY

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đơn vị tính: VND

01 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt		*Năm 2021*	*Năm 2020*
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		**777.835.000**	**748.500.000**
Hồ Minh Hoàng	*Chủ tịch HĐQT*	*120.000.000*	*120.000.000*
Nguyễn Tấn Đông	*Phó CT HĐQT*	*96.000.000*	*96.000.000*
Đỗ Văn Nam	*Thành viên HĐQT*	-	*27.500.000*
Nguyễn Xuân Hường	*Phó CT HĐQT*	-	*44.000.000*
Trần Văn Thể	*Phó CT HĐQT*	*96.000.000*	*96.000.000*
Võ Thụy Linh	*Thành viên HĐQT*	*60.000.000*	*60.000.000*
Nguyễn Đình Chinh	*Thành viên độc lập HĐQT*	-	*27.500.000*
Hoàng Văn Hải	*Thành viên độc lập HĐQT*	*60.000.000*	*32.500.000*
Nguyễn Thanh Trang	*Thành viên HĐQT*	*50.000.000*	*32.500.000*
Trần Chủng	*Thành viên HĐQT*	*60.000.000*	*32.500.000*
Nguyễn Quang Huy	*Thành viên HĐQT*	*10.000.000*	-
Hà Huy Hùng	*Thành viên độc lập HĐQT*	*10.000.000*	-
Nguyễn Minh Giang	*Trưởng ban kiểm soát*	*96.000.000*	*84.000.000*
Phạm Lê Huy	*Thành viên BKS*	-	*22.000.000*
Lưu Tuấn Vũ	*Thành viên BKS*	-	*22.000.000*
Cam Thị Minh Hải	*Thành viên BKS*	*60.000.000*	*26.000.000*
Đỗ Thế Vinh	*Thành viên BKS*	*19.068.000*	*26.000.000*
Phan Thị Mai	*Thành viên BKS*	*40.767.000*	-
Tiền lương		**1.385.807.453**	**1.209.435.596**
Nguyễn Quang Huy	*Tổng giám đốc*	*315.000.000*	-
Nguyễn Xuân Hường	*Phó Tổng giám đốc*	-	*240.000.000*
Lê Hồng Vũ	*Phó Tổng giám đốc*	-	*100.434.783*
Võ Ngọc Trung	*Phó Tổng giám đốc*	*400.000.000*	*176.500.000*
Lê Châu Thắng	*Phó Tổng giám đốc*	-	*282.854.074*
Trần Văn Dũng	*Phó Tổng giám đốc*	*264.285.714*	-
Nguyễn Quỳnh Mai	*Phó Tổng giám đốc*	*46.521.739*	-
Lưu Tuấn Vũ	*Thành viên BKS*	-	*78.000.000*
An Văn Thiện	*Kế toán trưởng*	-	*142.391.304*
Nguyễn Văn Ẩn	*Kế toán trưởng*	*360.000.000*	*189.255.435*

02 Giao dịch với các bên liên quan khác:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
- Công ty cổ phần Tập Đoàn Đèo cả	*Công ty mẹ*
- Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	*Công ty con*
- Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	*Công ty con*
- Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	*Công ty con*
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	*Công ty liên kết*
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	*Công ty liên kết*
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	*Công ty liên kết*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đơn vị tính: VND

02 Giao dịch với các bên liên quan khác: (tiếp theo)

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
- Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch HĐQT
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hải thạch B.O.T	Cổ đông lớn
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Người có liên quan của Trưởng BKS Nguyễn Minh Giang đến 30 tháng 09 năm 2021
- Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát	Công ty con của công ty mẹ
- Công ty Cổ phần tập đoàn Hải Thạch	Người có liên quan của Thành viên HĐQT Võ Thụy Linh
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z	Người có liên quan của Thành viên BKS Phan Thị Mai
- Công ty Cổ phần Đầu tư ViNaLog	Người có liên quan của Thành viên HĐQT, TGĐ Nguyễn Quang Huy
- Công ty Cổ phần An ninh Đèo Cả	Người có liên quan của Trưởng BKS Nguyễn Minh Giang
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long	Người có liên quan của Thành viên HĐQT, TGĐ Nguyễn Quang Huy
- Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Người có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng, PCT. HĐQT Nguyễn Tấn Đông, Trưởng BKS Nguyễn Minh Giang
- Công ty cổ phần quản lý và khai thác đường cao tốc Đèo cả	Người có liên quan của Thành viên BKS Phan Thị Mai
- Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Đèo Cả (*)	Người có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng

(*) Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Đèo Cả được đổi tên từ Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Hạ tầng Giao thông Việt Nam theo Giấy phép đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05 tháng 02 năm 2021.

Tên Công ty	*Tỷ lệ lợi ích*	*Tỷ lệ quyền biểu quyết*	*Lợi nhuận sau thuế*	*Lợi nhuận chưa phân phối*
- Công ty con : 03 Công ty				
- Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	65,58%	65,58%	55.737.110.756	3.071.340.052
- Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	71,02%	71,02%	26.772.038.222	(382.949.036.865)
- Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	99,47%	99,47%	26.569.040.243	10.352.587.623
- Công ty liên doanh, liên kết: 03 Công ty				
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	21,95%	21,95%	5.289.006.438	13.409.217.284
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	47,10%	50,00%	60.996.887.185	174.683.797.868
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	31,60%	31,60%	3.211.049.480	5.015.380.129

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đơn vị tính: VND

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm 2021*	*Năm 2020*
- Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	Công ty con	***Bán hàng hóa, dịch vụ***		
		Doanh thu hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường	21.862.595.453	28.259.692.192
		Doanh thu vận hành các trạm thu phí	25.980.305.455	24.695.154.841
		Cộng	**47.842.900.908**	**52.954.847.033**
		Giao dịch khác		
		Đầu tư dài hạn	-	82.000.000.000
		Đặt cọc góp vốn	82.500.000.000	95.800.000.000
		Cộng	**82.500.000.000**	**177.800.000.000**
- Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con	***Bán hàng hóa, dịch vụ***		
		Doanh thu hoạt động xây lắp	62.037.603.636	102.849.923.639
		Doanh thu vận hành trạm thu phí	19.033.371.461	20.020.978.404
		Doanh thu hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường	209.864.406.360	196.980.628.180
		Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	2.070.775.458
		Cộng	**290.935.381.457**	**321.922.305.681**
		Giao dịch khác		
		Tiền bảo hành các công trình	-	79.892.000
		Đặt cọc góp vốn	-	180.700.000.000
		Đầu tư dài hạn	46.200.000.000	525.750.000.000
		Cộng	***46.200.000.000***	***706.529.892.000***

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đơn vị tính: VND

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm 2021*	*Năm 2020*
		Bán hàng hóa, dịch vụ		
- Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	Công ty con	Doanh thu hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường	19.466.994.545	43.553.335.591
		Doanh thu hoạt động xây lắp	20.149.656.365	11.560.120.909
		Doanh thu vận hành trạm thu phí	6.115.105.908	4.666.375.362
		Cộng	**45.731.756.818**	**59.779.831.862**
		Doanh thu hoạt động tài chính		
		Tạm ứng cổ tức	30.652.265.189	28.132.900.927
		Cộng	**30.652.265.189**	**28.132.900.927**
		Bán hàng hóa, dịch vụ		
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty liên kết	Doanh thu dầu	-	33.843.264
		Doanh thu nước uống đóng chai	1.196.364	24.359.090
		Doanh thu cho thuê thiết bị, văn phòng	-	113.636.363
		Doanh thu thép	28.110.390	-
		Cộng	**29.306.754**	**171.838.717**
		Bán hàng hóa, dịch vụ		
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên kết	Doanh thu hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường	2.512.359.092	5.088.431.818
		Doanh thu vận hành trạm thu phí	8.575.953.635	8.107.520.814
		Doanh thu trung tu	27.866.059.308	-
		Cộng	**38.954.372.035**	**13.195.952.632**
		Doanh thu hoạt động tài chính		
		Tạm ứng cổ tức	12.000.000.000	-
		Cộng	**12.000.000.000**	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đơn vị tính: VND

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	**Mối quan hệ**	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm 2021*	*Năm 2020*
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	Công ty liên kết	***Đầu tư***		
		Đầu tư dài hạn	10.000.000.000	30.000.000.000
		Cộng	**10.000.000.000**	**30.000.000.000**
		Thu nhập khác		
- Công ty Cổ phần Đầu tư ViNaLog	Người có liên quan của Thành viên HĐQT, TGĐ Nguyễn Quang Huy	Thu nhập về thanh lý tài sản	28.181.818.182	-
		Cộng	**28.181.818.182**	-
- Công ty cổ phần Tập Đoàn Đèo cả	Công ty mẹ	***Bán hàng hóa, dịch vụ***		
		Doanh thu cho thuê thiết bị, phương tiện	1.291.363.636	154.545.453
		Doanh thu hoạt động xây lắp	270.133.492.202	24.859.944.667
		Doanh thu nước uống đóng chai	2.900.908	42.685.452
		Doanh thu khác	-	514.622.364
		Cộng	**271.427.756.746**	**25.571.797.936**
- Công ty cổ phần Tập Đoàn Đèo cả	Công ty mẹ	**Mua hàng hóa, dịch vụ**		
		Chi phí vé máy bay	727.367.948	431.591.612
		Chi phí cung cấp công nghệ thông tin	1.066.590.000	1.110.936.750
		Chi phí mua vật tư	30.352.498.005	4.756.706.259
		Chi phí đào tạo thạc sĩ	-	180.000.000
		Chi phí bán tài sản cố định, công cụ dụng cụ	-	558.936.253
		Chi phí mua đồng phục	-	1.304.174.025
		Chi phí vận hành trạm thu phí	-	6.467.378.826
		Cho Công ty Vay tiền	119.600.000.000	280.131.895.603
		Cộng	**151.746.455.953**	**294.941.619.328**
		Chi phí tài chính		
		Chi phí lãi vay	6.996.173.417	13.872.460.460
		Cộng	**6.996.173.417**	**13.872.460.460**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đơn vị tính: VND

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm 2021*	*Năm 2020*
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hải thạch B.O.T	Cổ đông lớn	**Giao dịch khác**		
		Cho Công ty vay tiền	125.400.000.000	202.000.000.000
		Tiền lãi vay	5.540.931.508	5.946.849.315
		Nhận trả nợ góp vốn	-	203.750.000.000
		Mua cổ phần của Công ty thông qua hoán đổi nợ	-	403.750.000.000
		Cộng	**130.940.931.508**	**815.446.849.315**
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Người có liên quan của Trưởng BKS Nguyễn Minh Giang đến 30 tháng 9 năm 2021	**Chi phí tài chính**		
		Chi phí lãi vay	7.360.000.000	4.310.035.388
		Cộng	**7.360.000.000**	**4.310.035.388**
		Giao dịch khác		
		Thanh toán tiền lãi	95.000.000	190.000.000
		Cho Công ty vay tiền	-	92.000.000.000
		Cộng	**95.000.000**	**92.190.000.000**
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z	Người có liên quan của Thành viên BKS Phan Thị Mai	**Bán hàng hóa, dịch vụ**		
		Doanh thu cho thuê xe	381.818.184	1.190.909.107
		Doanh thu cho thuê bất động sản	-	2.386.866.365
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.439.127.235	1.208.527.000
		Cộng	**8.820.945.419**	**4.786.302.472**
		Chi phí tài chính		
		Lãi vay	19.397.260	102.410.959
		Cộng	**19.397.260**	**102.410.959**
		Giao dịch khác		
		Thanh toán tiền vay	2.000.000.000	-
		Thanh toán tiền lãi vay	160.027.397	-
		Cộng	**2.160.027.397**	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đơn vị tính: VND

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm 2021*	*Năm 2020*
		Mua hàng hóa, dịch vụ		
- Công ty Cổ phần An ninh Đèo Cả	Người có liên quan của Trưởng BKS Nguyễn Minh Giang	Chi phí dịch vụ bảo vệ	25.925.674.652	27.548.753.500
		Cộng	**25.925.674.652**	**27.548.753.500**
		Giao dịch khác		
		Thanh toán tiền dịch vụ bảo vệ	27.044.819.152	20.434.000.000
		Cộng	**27.044.819.152**	**20.434.000.000**
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long		**Bán hàng hóa, dịch vụ**		
	Người có liên quan của Thành viên HĐQT, TGĐ Nguyễn Quang Huy	Doanh thu thuê xe	430.909.086	109.090.911
		Doanh thu cho thuê bất động sản	-	207.272.728
		Cộng	**430.909.086**	**316.363.639**
		Mua hàng hóa, dịch vụ		
		Chi phí thí nghiệm công trình, tư vấn	3.855.407.732	1.236.788.848
		Cộng	**3.855.407.732**	**1.236.788.848**
- Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận		**Bán hàng hóa, dịch vụ**		
	Người có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng, PCT. HĐQT Nguyễn Tấn Đông, Trưởng BKS Nguyễn Minh Giang	Doanh thu thuê xe	327.272.728	354.545.452
		Cộng	**327.272.728**	**354.545.452**
		Giao dịch khác		
		Thu tiền thuê xe	270.000.000	210.000.000
		Cộng	**270.000.000**	**210.000.000**
- Công ty cổ phần quản lý và khai thác đường cao tốc Đèo cả	Người có liên quan của Thành viên BKS Phan Thị Mai	**Bán hàng hóa, dịch vụ**		
		Doanh thu thuê xe	310.909.091	-
		Cộng	**310.909.091**	-
		Mua hàng hóa, dịch vụ		
		Chi phí duy tu cao tốc BGLS	12.002.472.727	-
		Cộng	**12.002.472.727**	-
		Thanh toán chi phí duy tu	7.946.829.716	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đơn vị tính: VND

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

- PHẢI THU NGẮN HẠN

Bên liên quan	Mối quan hệ	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm 2021*	*Năm 2020*
- Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	Công ty con	Phải thu duy tu bảo dưỡng hầm, đường	22.607.397.457	20.603.812.712
		Phải thu vận hành trạm thu phí	4.074.030.800	1.217.433.000
		Ứng trước công trình	-	-
		Cộng	**26.681.428.257**	**21.821.245.712**
- Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con	Phải thu duy tu bảo dưỡng hầm, đường	63.860.155.250	143.001.325.500
		Phải thu vận hành trạm thu phí	5.463.215.005	2.786.170.997
		Phải thu thi công hoạt động xây lắp	91.361.215.322	37.652.285.312
		Phải thu dịch vụ khác	965.078.270	965.078.270
		Cộng	**161.649.663.847**	**184.404.860.079**
- Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	Công ty con	Phải thu tiền vận hành trạm thu phí	1.006.945.800	614.754.900
		Phải thu tiền thi công công trình xây lắp	31.167.934.320	13.017.985.320
		Phải thu Vận hành bảo dưỡng hầm, đường	19.832.381.700	43.523.187.000
		Cộng	**52.007.261.820**	**57.155.927.220**
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty liên kết	Phải thu	-	1.324.856.876
		Cộng	-	**1.324.856.876**
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên kết	Phải thu duy tu bảo dưỡng hầm, đường	775.564.000	1.367.286.600
		Phải thu Vận hành các trạm thu phí	2.346.951.400	990.919.211
		Phải thu thi công trung tu	4.895.625.934	-
		Cộng	**8.018.141.334**	**2.358.205.811**
- Công ty cổ phần Tập Đoàn Đèo cả	Công ty mẹ	Phải thu	140.481.698.327	-
		Cộng	**140.481.698.327**	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z	Người có liên quan của Thành viên BKS Phan Thị Mai	Phải thu cho thuê xe	420.000.000	-
		Phải thu cho thuê bất động sản	-	287.557.252
		Phải thu cung cấp dịch vụ	6.236.906.673	2.506.939.600
		Cộng	**6.656.906.673**	**2.794.496.852**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đơn vị tính: VND

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	*Nội dung nghiệp vụ*	*31/12/2021*	*01/01/2021*
- PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN				
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty liên kết	Phải trả	-	20.713.793.022
		Cộng	-	**20.713.793.022**
- Công ty cổ phần Tập Đoàn Đèo cả	Công ty mẹ	Phải trả tiền vé máy bay	1.496.249.851	749.145.107
		Phải trả tiền cung cấp công nghệ thông tin	2.746.185.750	1.572.936.750
		Phải trả mua công cụ dụng cụ, tài sản	558.936.253	558.936.253
		Phải trả mua vật tư	19.270.116.299	4.756.706.259
		Phải trả mua đồng phục	1.304.174.025	1.304.174.025
		Phải trả khác	6.467.378.826	6.467.378.826
		Phải trả chi phí đào tạo thạc sĩ	580.000.000	-
		Cộng	**32.423.041.004**	**15.409.277.220**
- Công ty Cổ phần An ninh Đèo Cả	Người có liên quan của Trưởng BKS Nguyễn Minh Giang	Phải trả cung cấp dịch vụ	15.548.127.266	14.074.704.300
		Cộng	**15.548.127.266**	**14.074.704.300**
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long	Người có liên quan của Thành viên HĐQT, TGĐ Nguyễn Quang Huy	Phải trả cung cấp dịch vụ	1.796.396.412	-
		Cộng	**1.796.396.412**	-
- Công ty cổ phần quản lý và khai thác đường cao tốc Đèo cả	Người có liên quan của Thành viên BKS Phan Thị Mai	Phải trả cung cấp dịch vụ	5.845.966.284	-
		Cộng	**5.845.966.284**	-
- NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN				
- Công ty cổ phần Tập Đoàn Đèo cả	Công ty mẹ	Ứng trước thi công hoạt động xây lắp	-	65.640.993.207
		Cộng	-	**65.640.993.207**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đơn vị tính: VND

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	**Mối quan hệ**	*Nội dung nghiệp vụ*	*31/12/2021*	*01/01/2021*
- PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC				
- Công ty cổ phần Tập Đoàn Đèo cả	Công ty mẹ	Tiền lãi vay	22.808.627.028	15.812.453.611
		Phải trả tiền đào tạo thạc sĩ	-	180.000.000
		Bù trừ công nợ các gói công trình	(705.348.657)	(705.348.657)
		Cộng	**22.103.278.371**	**15.287.104.954**
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hải thạch B.O.T	Cổ đông lớn	Tiền lãi vay	11.487.780.823	5.946.849.315
		Cộng	**11.487.780.823**	5.946.849.315
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Người có liên quan của Trưởng BKS Nguyễn Minh Giang đến 30 tháng 9 năm 2021	Tiền lãi vay	-	4.120.035.388
		Cộng	-	**4.120.035.388**
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z	Người có liên quan của Thành viên BKS Phan Thị Mai	Tiền lãi vay	-	140.630.137
		Cộng	-	**140.630.137**
VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN				
- Công ty cổ phần Tập Đoàn Đèo cả	Công ty mẹ	Cho Công ty vay tiền	36.731.895.603	178.631.895.603
		Cộng	**36.731.895.603**	**178.631.895.603**
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hải thạch B.O.T	Cổ đông lớn	Cho Công ty vay tiền	2.000.000.000	2.000.000.000
		Cộng	**2.000.000.000**	**2.000.000.000**
NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC DÀI HẠN				
- Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con	Ứng trước thi công xây lắp	-	10.211.507.100
		Cộng	-	**10.211.507.100**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đơn vị tính: VND

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	**Mối quan hệ**	*Nội dung nghiệp vụ*	*31/12/2021*	*01/01/2021*
VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN				
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hải thạch B.O.T	Cổ đông lớn	Cho Công ty vay tiền	125.400.000.000	-
		Cộng	**125.400.000.000**	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Người có liên quan của Trưởng BKS Nguyễn Minh Giang đến 30 tháng 09 năm 2021	Cho Công ty vay tiền	-	92.000.000.000
		Cộng	-	**92.000.000.000**
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z	Người có liên quan của Thành viên BKS Phan Thị Mai	Cho Công ty vay tiền	-	2.000.000.000
		Cộng	-	**2.000.000.000**

Ghi chú: Các giao dịch với bên liên quan đã thực hiện đúng theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và quy định pháp lý có liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 78

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo cả (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Công ty

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0400101965 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24/06/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 3 tháng 11 năm 2021.

Cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận niêm yết theo Quyết định số 717/QĐ-SGDHCM ngày 23 tháng 12 năm 2021 và chính thức giao dịch ngày 20 tháng 01 năm 2022 tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán HHV, số lượng chứng khoán niêm yết là 267.384.090 cổ phiếu.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2021 là: **2.673.840.900.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, P. Hòa Hiệp Bắc, Q.Liên Chiểu, TP Đà Nẵng, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ: Quản lý, khai thác, bảo trì hầm đường bộ Hải Vân; Hầm đường bộ Đèo cả, Cổ Mã, Hầm đường bộ Củ Mông, Hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia; quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng các tuyến đường quốc lộ được giao. Đảm bảo giao thông khi có thiên tai địch họa xảy ra trên địa bàn được giao. Dịch vụ thu phí cầu đường; Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, gồm: Chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua hầm đường bộ bằng phương tiện chuyên dùng, kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt; Xây dựng nhà các loại; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Sửa chữa các sản phẩm đúc sẵn; Sửa chữa máy móc thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa thiết bị khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Lắp đặt hệ thống điện;

Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bốc xếp hàng hóa; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Hoạt động tư vấn quản lý; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức du lịch; Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại;

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên Công ty	*Tỷ lệ lợi ích*	*Tỷ lệ biểu quyết*	*Vốn đầu tư (VND)*
Công ty con: 03 Công ty			
- Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	65,58%	65,58%	902.303.650.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	71,02%	71,02%	1.486.031.250.000
- Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	99,47%	99,47%	272.331.000.000
Công ty liên doanh, liên kết: 03 Công ty			
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	21,95%	21,95%	13.500.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	47,10%	50,00%	122.000.000.000
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	31,60%	31,60%	134.000.000.000

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên Công ty	*Địa chỉ*
+ Xí Nghiệp Thi Công Xây Lắp Công Trình	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Sản Xuất Dịch Vụ Thương Mại Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Đèo Cả	Thôn Hảo Sơn, Xã Hòa Xuân Nam, Huyện Đông Hoà, Phú Yên.
+ Xí nghiệp Quản lý, vận hành hầm đường bộ Cù Mông	Thôn Long Thạch, Xã Xuân Lộc, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên
+ Xí nghiệp Quản lý, vận hành đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	Km81+140, Tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, Xã Hồ Sơn, Huyện Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2021 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất này Công ty có các sự kiện phát sinh sau niên độ như sau:

Cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận niêm yết theo Quyết định số 717/QĐ-SGDHCM ngày 23 tháng 12 năm 2021 và chính thức giao dịch ngày 20 tháng 01 năm 2022 tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán HHV, số lượng chứng khoán niêm yết là 267.384.090 cổ phiếu.

Ngoài các sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2021 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông:	Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch	08/08/2019	
Ông:	Nguyễn Tấn Đông	Phó chủ tịch	08/08/2019	
Ông:	Trần Văn Thế	Phó chủ tịch	05/04/2019	
Ông:	Võ Thụy Linh	Thành viên	21/07/2015	
Ông:	Nguyễn Thanh Trang	Thành viên	17/06/2020	01/11/2021
Ông:	Trần Chúng	Thành viên	17/06/2020	
Ông:	Nguyễn Quang Huy	Thành viên	01/11/2021	
Ông:	Hoàng Văn Hải	Thành viên độc lập	17/06/2020	
Ông:	Hà Huy Hùng	Thành viên độc lập	01/11/2021	

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông:	Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc	21/12/2020	
Ông:	Võ Ngọc Trung	Phó Tổng giám đốc	10/12/2020	
Ông:	Lê Thanh Tuấn	Phó Tổng giám đốc	01/09/2020	30/03/2021
Ông:	Trần Văn Dũng	Phó Tổng giám đốc	14/01/2021	
Bà:	Nguyễn Quỳnh Mai	Phó Tổng giám đốc	30/03/2021	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông:	Nguyễn Minh Giang	Trưởng ban	16/04/2018	
Ông:	Đỗ Thế Vinh	Thành viên	17/06/2020	26/04/2021
Bà:	Cam Thị Minh Hải	Thành viên	17/06/2020	
Bà:	Phan Thị Mai	Thành viên	26/04/2021	

Đại diện theo pháp luật:

Ông:	Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc	21/12/2020

Kế toán trưởng:

Ông:	Nguyễn Văn Ân	17/06/2020

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) là đơn vị được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo cả phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty .

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ
DEOCA INFRASTRUCTURE
M.S.D.N: 0400101965

NGUYỄN QUANG HUY

Số: 251 /BCKT/TC/2022/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, được lập ngày 28 tháng 03 năm 2022 từ trang 06 đến trang 78, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính	**Kiểm toán viên**
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)	
Phó Tổng giám đốc	
LÊ VĂN TUẤN	**LÊ VĂN TÂN**
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0479-2018-142-1	Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 4318-2018-142-1

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3820 5944 - (028) 3820 5947 - Fax: (028) 3820 5942
Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**1.389.055.404.965**	**1.443.804.463.663**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**V.01**	**262.383.481.328**	**276.956.612.840**
111	1. Tiền		204.774.707.674	128.712.099.958
112	2. Các khoản tương đương tiền		57.608.773.654	148.244.512.882
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**		**70.208.972.303**	-
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		-	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.02	70.208.972.303	-
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**645.893.190.770**	**394.742.869.439**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	404.339.772.954	41.264.674.059
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.04	37.429.539.433	110.415.227.458
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.05	1.000.000.000	-
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.06	216.334.425.114	256.435.369.153
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.07	(13.210.546.731)	(13.372.401.231)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	**IV. Hàng tồn kho**		**38.283.709.106**	**72.723.163.771**
141	1. Hàng tồn kho	V.08	38.283.709.106	72.723.163.771
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**372.286.051.458**	**699.381.817.613**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.12	221.286.052.685	444.579.720.735
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		148.478.994.259	252.379.324.977
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.15	2.521.004.514	2.412.200.279
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	5. Tài sản ngắn hạn khác		-	10.571.622

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**32.574.433.838.425**	**30.973.077.606.383**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**358.573.863.429**	**429.411.877.796**
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn	V.04	232.915.325.487	256.576.072.558
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	-
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn		-	-
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn		-	-
216	6. Phải thu dài hạn khác	V.06	125.658.537.942	172.835.805.238
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	-
220	**II. Tài sản cố định**		**28.703.617.191.211**	**23.692.263.507.949**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	28.702.848.297.729	23.691.330.061.226
222	- Nguyên giá		30.118.141.203.981	24.863.147.093.911
223	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(1.415.292.906.252)	(1.171.817.032.685)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
225	- Nguyên giá		-	-
226	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.11	768.893.482	933.446.723
228	- Nguyên giá		1.386.196.956	1.386.196.956
229	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(617.303.474)	(452.750.233)
230	**III. Bất động sản đầu tư**		-	-
231	- Nguyên giá		-	-
232	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		-	-
240	**IV. Tài sản dở dang dài hạn**	V.09	**12.259.242.728**	**5.474.686.863.072**
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		12.259.242.728	5.474.686.863.072
250	**V. Đầu tư tài chính dài hạn**		**478.373.903.946**	**456.987.446.758**
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.02	461.373.903.946	439.987.446.758
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	-
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.02	17.000.000.000	17.000.000.000
260	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**3.021.609.637.111**	**919.727.910.808**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.12	2.998.429.434.682	895.915.895.373
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		4.153.710.142	2.330.491.884
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	-
268	4. Tài sản dài hạn khác		-	-
269	5. Lợi thế thương mại		19.026.492.287	21.481.523.551
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**33.963.489.243.390**	**32.416.882.070.046**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
300	**C . NỢ PHẢI TRẢ**		**26.287.351.952.886**	**25.032.427.964.869**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**3.234.517.131.998**	**3.576.984.540.979**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	1.129.432.579.788	1.066.861.291.201
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15	7.648.775.163	108.803.239.940
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	43.664.338.370	16.027.112.439
314	4. Phải trả người lao động		11.610.951.228	15.131.354.050
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	1.219.139.570.799	1.067.457.417.597
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		-	-
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.18	585.416.960.613	959.803.534.225
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.13	235.859.659.318	341.156.294.808
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.744.296.719	1.744.296.719
323	13. Quỹ bình ổn giá		-	-
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
330	**II. Nợ dài hạn**		**23.052.834.820.888**	**21.455.443.423.890**
331	1. Phải trả người bán dài hạn	V.14	451.366.071.030	424.405.555.795
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn		-	-
333	3. Chi phí phải trả dài hạn	V.17	1.505.290.708.706	-
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		-	-
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn		-	-
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	-
337	7. Phải trả dài hạn khác	V.18	67.032.980.636	123.423.822.378
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.13	20.871.802.343.134	20.744.456.507.724
339	9. Trái phiếu chuyển đổi		-	-
340	10. Cổ phiếu ưu đãi		-	-
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		157.342.717.382	163.157.537.993
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
400	**D . VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**V.19**	**7.676.137.290.504**	**7.384.454.105.177**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**		**4.403.328.977.702**	**4.112.681.792.375**
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.673.840.900.000	2.673.840.900.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*2.673.840.900.000*	*2.673.840.900.000*
411b	*- Cổ phiếu ưu đãi*		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(208.000.000)	(208.000.000)
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		4.851.321.687	4.851.321.687
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		556.552.113.920	287.678.877.300
421a	*- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*		*287.678.877.300*	*188.643.168.723*
421b	*- LNST chưa phân phối kỳ này*		*268.873.236.620*	*99.035.708.577*
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB		-	-
429	13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		1.168.292.642.095	1.146.518.693.388
430	**II. Nguồn kinh phí và quỹ khác**		**3.272.808.312.802**	**3.271.772.312.802**
431	1. Nguồn kinh phí		-	-
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		3.272.808.312.802	3.271.772.312.802
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**33.963.489.243.390**	**32.416.882.070.046**

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc
HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT	NGUYỄN VĂN ÂN	NGUYỄN QUANG HUY

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Cả năm	
			2021	2020
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**VI.01**	**1.861.340.178.631**	**1.202.532.597.940**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.02	-	1.189.110.727
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**1.861.340.178.631**	**1.201.343.487.213**
11	**4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**	**VI.03**	**936.332.401.985**	**499.445.581.858**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**925.007.776.646**	**701.897.905.355**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.04	21.826.327.951	7.754.138.462
22	7. Chi phí tài chính	VI.05	550.795.413.210	480.298.079.400
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		550.795.413.210	480.298.079.400
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh		11.386.457.188	50.755.064.942
25	9. Chi phí bán hàng			
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.06	94.936.165.786	101.735.107.247
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**312.488.982.789**	**178.373.922.112**
31	11. Thu nhập khác	VI.07	21.170.634.855	3.143.537.021
32	12. Chi phí khác	VI.08	471.664.486	3.881.228.751
40	**13. Lợi nhuận khác**		**20.698.970.369**	**(737.691.730)**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**333.187.953.158**	**177.636.230.382**
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.10	50.178.806.699	4.601.890.606
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	VI.11	(7.638.038.868)	(2.529.999.418)
60	**17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**290.647.185.327**	**175.564.339.194**
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		268.873.236.620	137.187.847.817
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		21.773.948.707	38.376.491.377
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.12	1.006	563
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.13	503	563

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc
HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT	NGUYỄN VĂN ÂN	NGUYỄN QUANG HUY

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Cả năm 2021	Cả năm 2020
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	**1. Lợi nhuận trước thuế**		**333.187.953.158**	**177.636.230.382**
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		262.008.692.262	201.194.337.626
03	- Các khoản dự phòng		(161.854.500)	58.000.000
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(56.308.557.339)	(7.754.138.462)
06	- Chi phí lãi vay		550.795.413.210	480.298.079.400
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	**3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**1.089.521.646.791**	**851.432.508.946**
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(136.557.326.662)	(319.204.023.140)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		34.439.454.665	34.538.042.240
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(172.773.084.602)	475.074.762.157
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		5.145.105.837	10.139.499.468
14	- Tiền lãi vay đã trả		(641.036.577.482)	(1.110.739.493.630)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(17.553.062.468)	(2.295.676.727)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.036.000.000	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(1.018.600.000)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**162.222.156.079**	**(62.072.980.686)**
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn		(238.841.815.462)	(1.319.639.376.739)
22	- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn		38.171.000.000	3.446.686.485
23	- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.000.000.000)	-
24	- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(19.000.000.000)	-
26	- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	49.083.120.000
27	- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		21.826.327.951	12.730.695.540
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**(198.844.487.511)**	**(1.254.378.874.714)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Cả năm 2021	Cả năm 2020
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
33	- Tiền thu từ đi vay		799.719.015.674	2.244.489.547.189
34	- Tiền trả nợ gốc vay		(777.669.815.754)	(1.463.571.838.391)
35	- Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**22.049.199.920**	**780.917.708.798**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(14.573.131.512)**	**(535.534.146.602)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**276.956.612.840**	**812.490.759.442**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**		**262.383.481.328**	**276.956.612.840**

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc
HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT	NGUYỄN VĂN ÂN	NGUYỄN QUANG HUY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

I . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0400101965 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24/06/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 3 tháng 11 năm 2021.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2021 là: **2.673.840.900.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, P. Hòa Hiệp Bắc, Q.Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

2 . Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, xây lắp.

3 . Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ: Quản lý, khai thác, bảo trì hầm đường bộ Hải Vân; Hầm đường bộ Đèo cả, Cổ Mã, Hầm đường bộ Củ Mông, Hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia; quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng các tuyến đường quốc lộ được giao. Đảm bảo giao thông khi có thiên tai địch họa xảy ra trên địa bàn được giao. Dịch vụ thu phí cầu đường; Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, gồm: Chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua hầm đường bộ bằng phương tiện chuyên dùng, kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt; Xây dựng nhà các loại; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Sửa chữa các sản phẩm đúc sẵn; Sửa chữa máy móc thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa thiết bị khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Lắp đặt hệ thống điện;

Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bốc xếp hàng hóa; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Hoạt động tư vấn quản lý; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức du lịch; Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại;

4 . Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng

5 . Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách công ty con bao gồm:

- Tổng số các Công ty con	: 03
+ Số lượng Công ty con được hợp nhất	: 03
+ Số lượng Công ty con không được hợp nhất	: 0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Danh sách các Công ty con được hợp nhất

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			31/12/2021	*01/01/2021*	*31/12/2021*	*01/01/2021*
1	Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	Tầng 12-243A Đê La Thành -P.Láng Thượng - Q.Đống Đa -TP Hà Nội	65,58%	65,58%	65,58%	65,58%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	32 Thạch Thị Thanh - P.Tân Định - Q1 - TP Hồ Chí Minh	71,02%	70,36%	71,02%	70,36%
3	Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú gia BOT	Lô 4 BT1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam	99,47%	99,47%	99,47%	99,47%

- Danh sách công ty liên doanh, liên kết bao gồm:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			31/12/2021	*01/01/2021*	*31/12/2021*	*01/01/2021*
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	32 Thạch Thị Thanh - P.Tân Định - Q1 - TP Hồ Chí Minh	21,95%	21,95%	21,95%	21,95%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Tầng 12 tòa nhà ICON4, số 243A Đê La Thành- P.Láng Thượng-Q.Đống Đa -TP Hà Nội	47,10%	47,04%	50,00%	50,00%
3	Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	Tầng 20,số 109 Trần Hưng Đạo, P.Cửa Nam, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	31,60%	29,25%	31,60%	29,25%

Tóm tắt thông tin hoạt động của Công ty con

(1) Công ty Cổ Phần Bot Bắc Giang Lạng Sơn

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0106987957 ngày 11/09/2015; thay đổi lần thứ 13 ngày 15/11/2021, do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 110/BKHĐT-GNNĐKĐTTN cấp ngày 29/03/2016, điều chỉnh lần thứ nhất ngày 19/10/2016 về việc chấp thuận dự án đầu tư:

+ Dự án Đầu tư xây dựng công trình tuyến cao tốc Bắc Giang – Tp. Lạng Sơn đoạn KM45+100 – KM 108 + 500 kết hợp tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1 + 800 – Km 106 + 500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	**12.188.665.000.000**	**VNĐ**
+ Vốn chủ sở hữu:	1.645.470.000.000	VNĐ
+ Vốn vay	10.543.195.000.000	VNĐ

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án

Dự án vẫn tiếp tục hoàn thành và đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

Vốn chủ sở hữu góp đến ngày 31/12/2021:	1.375.836.000.000	VNĐ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

(2) Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0104567756 ngày 05 tháng 04 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Đến nay Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 22 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 47/BKHĐT-GCNĐKĐTTN/ĐC1 do Bộ KHĐT chứng nhận ngày 20/6/2017

Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Củ Mông và hầm Hải Vân)

Quyết định số 400/QĐ-BGTVT ngày 04/03/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh phương án tài chính Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Củ Mông và hầm Hải Vân);

Tổng mức đầu tư dự án theo Phụ lục 09 của Hợp đồng 26/HĐXD-DEOCA với Bộ Giao thông Vận tải ký ngày 13/03/2019 là 21.612 tỷ đồng.

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	**21.612.008.175.000**	**VND**
+ Vốn tự có	1.749.864.583.000	VND
+ Vốn khác	1.438.432.378.000	VND
+ Vốn vay	13.375.708.235.000	VND
+ Vốn Nhà nước hỗ trợ	5.048.002.979.000	VND
Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án		
Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.		
Vốn chủ sở hữu góp đến ngày 31/12/2021:	2.092.450.000.000	VND

(3) Công ty cổ phần Phước Tượng Phú gia BOT

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0106205342 ngày 12/06/2013; thay đổi lần thứ 9 ngày 22/02/2021 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp.

Giấy chứng nhận đầu tư số 62/BKHĐT-GCNTTN ngày 17/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và đầu tư; điều chỉnh thay đổi lần thứ nhất ngày 17 tháng 08 năm 2015;

+ Dự án Đầu tư xây dựng công trình hầm đường bộ Phước Tượng và Phú Gia, QL1A, Tỉnh Thừa Thiên Phụ lục Hợp đồng BOT số 06/11378/HĐ.BOT-BGTVT ngày 17/07/2019 giữa Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Phước Tượng Phú Gia (Nhà đầu tư) – Công ty cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT về việc Dự án đầu tư xây dựng công trình Hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia và Phú Gia, QL1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế;

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	**1.559.231.104.000**	**VND**
+ Vốn chủ sở hữu:	262.000.000.000	VND
+ Vốn vay	1.297.231.104.000	VND
+ Vốn ngân sách Nhà nước		
Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án		
Vốn chủ sở hữu góp đến ngày 31/12/2021:	273.786.000.000	VND

Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

Tóm tắt thông tin hoạt động của Công ty liên kết:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

(1) Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam

Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng ICV Việt Nam có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0401777280 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày13/07/2016; Đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 18 tháng 11 năm 2020

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2021 là: 61.500.000.000 VNĐ

(2) Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0106159826 ngày 22 tháng 4 năm 2013, Giấy phép thay đổi lần thứ 4 ngày 22 tháng 12 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hà Nội.

Giấy chứng nhận đầu tư số 60/BKHĐT-GCNĐTTN ngày 25/09/2013

+ Dự án Đầu tư xây dựng mở rộng QL1 đoạn Km1374+525 - Km1392 & Km1405 - Km1425, tỉnh Khánh Hòa theo hình thức Hợp đồng BOT.

+ Quyết định 108/QĐ-BGTVT ngày 13 tháng 01 năm 2016 về việc thu phí tại trạm thu phí Ninh An Km1425+200 Quốc lộ 1 để hoàn vốn cho dự án Đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 đoạn Km1374+525 - Km1392 và Km1405 - Km1425+500, tỉnh Khánh Hòa theo hình thức hợp đồng BOT.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	2.644.478.000.000	VNĐ
+ Vốn chủ sở hữu:	339.447.800.000	VNĐ
+ Vốn vay	2.305.030.200.000	VNĐ
+ Vốn ngân sách Nhà nước		VNĐ
Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án		
Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2021 là:	305.000.000.000	VNĐ

Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

(3) Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0108311466 ngày 05 tháng 06 năm 2018. Giấy phép Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 18 tháng 03 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

+ Dự án Đầu tư xây dựng thành phần 2: Tuyến cao tốc từ cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng (Km1+800-Km44+749,67), tỉnh Lạng Sơn.

Tuyến cao tốc Cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng được đầu tư xây dựng theo Quyết định số 1833/QĐ-BGTVT ngày 14/06/2016 của Bộ Giao thông vận tải. UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án tại các quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 09/08/2018 và quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 15/10/2018.

Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 05/04/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh Phương án tài chính của Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn đoạn Km1+800-Km108+500, kết hợp tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1+800-Km106+500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	8.743.000.000.000	VNĐ
+ Vốn chủ sở hữu:	1.749.000.000.000	VNĐ
+ Vốn vay	6.994.000.000.000	VNĐ
+ Vốn ngân sách Nhà nước		VNĐ
Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án		
Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2021 là:	424.000.000.000	VNĐ

Tại ngày 31/12/2021 Công ty đang trong giai đoạn chuẩn bị dự án đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	*Địa chỉ*
+ Xí Nghiệp Thi Công Xây Lắp Công Trình	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Sản Xuất Dịch Vụ Thương Mại Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Đèo Cả	Thôn Hảo Sơn, Xã Hòa Xuân Nam, Huyện Đông Hoà, Phú Yên.
+ Xí nghiệp Quản lý, vận hành hầm đường bộ Cù Mông	Thôn Long Thạch, Xã Xuân Lộc, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên
+ Xí nghiệp Quản lý, vận hành đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	Km81+140, Tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, Xã Hồ Sơn, Huyện Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn

II . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Chế độ kế toán:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2 . Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

2 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

3 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác…

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

+ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

+ Công ty con

Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn và ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu

Công ty con là doanh nghiệp mà Công ty có quyền kiểm soát, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp ở Công ty con. Kết quả kinh doanh của Công ty con phải được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát Công ty con và chấm dứt vào ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát Công ty con. Khoản đầu tư vào doanh nghiệp phải hạch toán theo Chuẩn mực kế toán " Công cụ tài chính" kể từ khi doanh nghiệp đó không còn là Công ty con và cũng không trở thành Công ty liên doanh, liên kết.

Phương pháp kế toán mua được Công ty sử dụng để hạch toán mua Công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả được phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào kết quả kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đầu tư ban đầu và đầu tư tăng thêm tại công ty con:

Nếu sau khi đã kiểm soát Công ty con, nếu công ty mẹ tiếp tục đầu tư vào Công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư tăng thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của Công ty con mua thêm phải được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu.

Thoái vốn tại công ty con:

Số chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn tại Công ty con và giá trị phần tài sản thuần của Công ty con bị thoái vốn cộng với giá trị phần lợi thế thương mại chưa được phân bổ hết được ghi nhận ngay trong kỳ phát sinh theo nguyên tắc:

- Nếu giao dịch thoái vốn không làm Công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với Công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

- Nếu giao dịch thoái vốn dẫn đến Công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với Công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Khoản đầu tư vào Công ty con sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi Công ty mẹ không còn nắm giữ quyền kiểm soát Công ty con.

Công ty con, liên kết mua cổ phiếu quỹ:

- Khi công ty con mua lại cổ phiếu quỹ từ cổ đông không kiểm soát, tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ trong tài sản thuần của Công ty con sẽ tăng lên. Tuy nhiên sau khi Công ty con mua cổ phiếu quỹ, phần giá trị tài sản thuần của Công ty con do Công ty mẹ nắm giữ có thể tăng hoặc giảm so với trước khi Công ty con mua cổ phiếu quỹ tùy thuộc vào giá mua cổ phiếu quỹ. Công ty mẹ phải xác định phần sở hữu của mình trong giá trị tài sản thuần của Công ty con tại thời điểm trước và sau khi Công ty con mua cổ phiếu quỹ. Phần chênh lệch trong giá trị tài sản thuần đó được ghi nhận trực tiếp vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

- Khi công ty liên kết mua cổ phiếu quỹ, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của Công ty liên kết sẽ tăng lên và nếu đủ để kiểm soát, nhà đầu tư sẽ trở thành Công ty mẹ, công ty liên kết trở thành Công ty con.

Công ty con đầu tư ngược lại công ty mẹ:

Đối với các Công ty con không bị hạn chế bởi pháp luật khi mua lại cổ phiếu của Công ty mẹ, kế toán phải trình bày giá trị ghi sổ khoản cổ phiếu Công ty con mua của công ty mẹ trong chỉ tiêu "Cổ phiếu quỹ" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán của Công ty con, kế toán ghi giảm giá trị số cổ phiếu của công ty mẹ đang được nắm giữ bởi Công ty con.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích Công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát nắm giữ tại công ty con bao gồm lợi ích trực tiếp và gián tiếp có được thông qua Công ty con khác. Việc xác định lợi ích của các bên được căn cứ vào tỷ lệ vốn góp (trực tiếp và gián tiếp) tương ứng của từng bên trong Công ty con, trừ khi có thoả thuận khác.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các Công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất.

+ Các khoản đầu tư vào công ty, liên kết

Công ty liên kết là Công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát, chi phối hoạt động kinh doanh, nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết của Công ty đó. Khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của nhà đầu tư trong lãi hoặc lỗ của bên được đầu tư sau ngày đầu tư. Phần sở hữu của nhà đầu tư trong kết quả kinh doanh của bên được đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của nhà đầu tư. Các khoản được chia từ bên được đầu tư phải hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải thực hiện khi lợi ích của nhà đầu tư thay đổi phát sinh từ các khoản thu nhập được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của bên được đầu tư, như việc đánh giá lại TSCĐ, chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ các giao dịch giữa tập đoàn với các công ty liên doanh, liên kết chỉ được ghi nhận trong Báo cáo tài chính hợp nhất tương ứng với phần sở hữu của các bên

Khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày bên được đầu tư trở thành công ty liên doanh hoặc liên kết. Khi mua khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và phần sở hữu của nhà đầu tư trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của bên được đầu tư được kế toán như sau:

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Doanh nghiệp không được phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Phần chênh lệch giữa phần sở hữu của nhà đầu tư trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của bên được đầu tư lớn hơn giá phí khoản đầu tư được ghi nhận ngay là thu nhập khi xác định phần sở hữu của nhà đầu tư trong kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết phù hợp với kỳ mua khoản đầu tư.

Khi phần sở hữu của nhà đầu tư trong khoản lỗ của công ty liên kết bằng hoặc vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, nhà đầu tư không phải tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó. Sau khi phần sở hữu của nhà đầu tư trong vốn chủ của công ty liên doanh, liên kết giảm xuống bằng không, nhà đầu tư chỉ phải ghi nhận thêm khoản lỗ hoặc nợ phải trả nếu nhà đầu tư có nghĩa vụ pháp lý theo hợp đồng hoặc thực hiện thanh toán thay cho công ty liên doanh, liên kết các khoản nợ mà nhà đầu tư đã đảm bảo hoặc cam kết trả. Nếu sau đó công ty liên doanh, liên kết hoạt động có lãi, nhà đầu tư chỉ được ghi nhận phần sở hữu của mình trong khoản lãi đó sau khi đã bù đắp được phần lỗ thuần chưa được hạch toán trước đây.

Phương pháp loại trừ các giao dịch với bên liên kết

Các giao dịch của Công ty liên kết với các Công ty con, Công ty mẹ sẽ được loại trừ tương ứng với phần lợi ích của Công ty mẹ trong các bên liên kết.

+ Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác:

+ Đối với dự phòng khoản đầu tư vào các doanh nghiệp đặc thù (doanh nghiệp BOT) : Không trích dự phòng tổn thất đầu tư đối với các khoản đầu tư vào doanh nghiệp thực hiện dự án BOT, do hợp đồng BOT đảm bảo cho nhà đầu tư được bảo toàn vốn và lãi trên vốn của Nhà đầu tư tham gia dự án theo thỏa thuận hợp đồng BOT được ký kết giữa nhà đầu tư và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong suốt thời gian hoạt động của dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

+ Đối với khoản tổn thất do công ty liên doanh, liên kết khác nếu Công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

4 . Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- Lập dự phòng phải thu khó đòi: Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

5 . Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6 . Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Nguyên giá tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng bao gồm: chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và lãi vay được vốn hóa theo chuẩn mực kế toán số 16. Chi phí hình thành nguyên giá tài sản cố định liên quan đến Dự án BOT. BT.

- Nguyên giá TSCĐ hình thành từ dự án BOT.:

Tài sản cố định được tạm ghi nhận tăng nguyên giá từ khi có kết quả của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước về việc thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa vào khai thác, sử dụng. Chất lượng hạng mục cơ bản đáp ứng yêu cầu thiết kế được duyệt, các tiêu chuẩn áp dụng và các chỉ dẫn kỹ thuật của Dự án đủ điều kiện thông xe kỹ thuật đưa vào khai thác, sử dụng.

Công ty sẽ điều chỉnh việc ghi nhận Nguyên giá khi hoàn thành việc quyết toán các hạng mục với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình là Phương tiện vận tải và Thiết bị dụng cụ quản lý được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng đối với tài sản cố định không hình thành từ dự án BOT.BT. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 -30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03- 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao
- Tài sản cố định khác	10 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao đối với tài sản hình thành từ dự án BOT,BT. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Đối với dự án đầu tư theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (B.O.T), thời gian trích khấu hao tài sản cố định được xác định là thời gian khai thác hoàn vốn đầu tư của chủ đầu tư tại dự án. Việc trích khấu hao tài sản cố định hình thành từ dự án theo tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng năm phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án (tương tự như phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm). Việc xác định giá trị tài sản cố định hình thành từ dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng cơ bản."

7 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang đang trong quá trình thực hiện dự án được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Chi phí này bao gồm: Chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và chi phí lãi vay được vốn hóa theo quy định Chuẩn mực 16 - Chi phí lãi vay thực tế phát sinh trong năm tài chính và được ghi nhận lũy kế từ khi Dự án được triển khai thực hiện theo quyết định của Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt đối với Dự án BOT và Hợp đồng BOT được ký giữa Bộ Giao thông vận tải và doanh nghiệp dự án.

8 . Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao (B.O.T)

Hợp đồng xây dựng – chuyển giao – kinh doanh (sau đây gọi tắt là hợp đồng B.O.T) là hình thức đầu tư được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng; sau khi xây dựng xong, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án được quyền kinh doanh công trình trong một thời hạn nhất định; hết thời hạn, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án chuyển giao công trình đó cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

9 . Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kể toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

10 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

11 . Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được ghi giảm đến giá trị có thể thu hồi khi Ban Điều hành xác định rằng khoản này không thể thu hồi đầy đủ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

12 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

13 . Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

14 . Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

15 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

16 . Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.
Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

17 . Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Khoản tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ các ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư cổ phần.

- Mua lại và tái phát hành cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu phổ thông đã phát hành khi Công ty mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Giá trị của cổ phiếu quỹ ghi giảm vốn chủ sở hữu bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua cổ phiếu quỹ.

Khi cổ phiếu quỹ được bán ra (tái phát hành cổ phiếu quỹ), giá vốn của cổ phiếu quỹ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Khoản chênh lệch giữa giá bán cổ phiếu quỹ và giá vốn của cổ phiếu quỹ được ghi nhận vào tài khoản Thặng dư vốn cổ phần.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Các công ty con thực hiện tạm ứng lợi nhuận đã cam kết cho các Cổ đông theo phương án tài chính đã được phê duyệt trong hợp đồng BOT dựa vào dòng tiền thực tế thu được thay vì lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

18 . Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

- Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Doanh thu phí giao thông

Doanh thu từ hoạt động thu phí giao thông đường bộ trong giai đoạn thu phí được ghi nhận dựa trên doanh số bán vé đường bộ, cầu đường bộ, hầm đường bộ theo mức phí được Nhà nước quy định áp dụng trên mỗi tuyến đường bộ, hầm đường bộ, cầu đường bộ nhất định mà Công ty được phép thu để hoàn vốn đầu tư các dự án B.O.T.

- Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng

- Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập

- Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

- Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

19 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:
- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất;

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

20 . Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

21 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Đối với các dự án BOT, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay tài trợ vốn cho dự án BOT trong giai đoạn vận hành được phân bổ theo tỷ lệ giữa doanh thu thu phí phát sinh trong kỳ và doanh thu theo phương án tài chính của dự án BOT, căn cứ theo Công văn số 2310/TCDN-VP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài Chính được áp dụng từ năm tài chính 2020 . Giá trị chênh lệch giữa chi phí đi vay phát sinh và chi phí đi vay được phân bổ vào kết quả hoạt động trong kỳ sẽ được ghi nhận vào chi phí trả trước, giá trị này được phân bổ vào các kỳ tiếp theo.

Công thức tính chi phí lãi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay tài trợ vốn cho dự án BOT trong kỳ:

$$\text{Chi phí lãi vay trong kỳ} = \frac{\text{Tổng chi phí lãi vay theo phương án tài chính}}{\text{Tổng doanh thu theo phương án tài chính}} \times \text{Doanh thu thực hiện trong kỳ}$$

22 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

23 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:
- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN trên báo cáo công ty mẹ và các công ty con do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai cũng như khả năng khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ tính thuế tiếp theo tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

24 . Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

25 . Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

26 . Công cụ tài chính

a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;

- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;

- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

26 . Công cụ tài chính (tiếp theo)

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH) : Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

HỢP NHẤT KINH DOANH

Đầu tư vào Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị

Ngày 26/01/2021, Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả đã mua lại cổ phần của Công ty cổ phần bê tông Hà Thanh nên tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị tăng thêm 2,36%.

Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị sau khoản đầu tư trên là 31,60%, tương ứng với khoản đầu tư tăng thêm tại Công ty liên kết số tiền 10.000.000.000 đồng.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	3.211.049.480
Tỷ lệ lợi ích	31,60%
Giá gốc khoản đầu tư lũy kế tại ngày 01.01.2021	124.000.000.000
Đầu tư tăng thêm	10.000.000.000
Lũy kế các khoản ghi tăng, giảm giá trị đầu tư đầu kỳ	633.990.701
Lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết kỳ này	1.014.691.636
Giá trị ghi sổ khoản đầu tư đến kỳ này	135.648.682.337

V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	*01/01/2021*
Tiền mặt	**4.154.232.281**	**3.177.549.731**
- VND	4.154.232.281	3.177.549.731
Tiền gửi không kỳ hạn	**199.954.275.393**	**124.813.490.227**
- Tiền gửi (VND)	199.954.275.393	124.813.490.227
Tiền đang chuyển	**666.200.000**	**721.060.000**
Các khoản tương đương tiền	**57.608.773.654**	**148.244.512.882**
- Tiền gửi có kỳ hạn	57.608.773.654	148.244.512.882
Cộng	**262.383.481.328**	**276.956.612.840**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

02 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

	31/12/2021		*01/01/2021*	
	Giá gốc	*Giá trị ghi sổ*	*Giá gốc*	*Giá trị ghi sổ*
a1) Ngắn hạn	70.208.972.303	70.208.972.303	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	*70.208.972.303*	*70.208.972.303*	-	-
a2) Dài hạn	17.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000
- Tiền gửi tại Ngân hàng Vietinbank (**)	*15.000.000.000*	*15.000.000.000*	*15.000.000.000*	*15.000.000.000*
- Trái phiếu (***)	*2.000.000.000*	*2.000.000.000*	*2.000.000.000*	*2.000.000.000*
Cộng	**87.208.972.303**	**87.208.972.303**	**17.000.000.000**	**17.000.000.000**

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất là 3,7%/năm

(**) Khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng với lãi suất là 3%/năm

(***) Khoản đầu tư bao gồm 200 trái phiếu mệnh giá 10.000.000 đồng, kỳ hạn 10 năm (2019 - 2029); lãi suất: Lãi suất tham chiếu + 1,2%/năm; do Vietinbank phát

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2021	*Đầu tư tăng thêm*	*Các khoản điều chỉnh tăng giảm*	*Phân chia lãi lỗ từ các công ty liên doanh liên kết*	*01/01/2021*
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (****)					
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	16.141.582.478	-	-	1.160.936.913	14.980.645.565
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	309.583.639.131	-	-	9.210.828.639	300.372.810.492
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	135.648.682.337	10.000.000.000	-	1.014.691.636	124.633.990.701
- Công ty Cổ phần Đầu tư Vinalog	-	9.000.000.000	(9.000.000.000)	-	-
Cộng	**461.373.903.946**	**19.000.000.000**	**(9.000.000.000)**	**11.386.457.188**	**439.987.446.758**

(****) : Do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của Thông tư 200/TT-BT.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

03 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Trích lập dự phòng	*Giá trị*	*Trích lập dự phòng*	*Giá trị*
a) Ngắn hạn	**11.035.892.482**	**404.339.772.954**	**11.035.892.482**	**41.264.674.059**
Bên Khác	***11.035.892.482***	***247.391.026.620***	***11.035.892.482***	***33.559.114.520***
Công ty Quản lý và Sửa chữa đường bộ Đắc Lắc	3.399.652.533	3.399.652.533	3.399.652.533	3.399.652.533
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo cả (Tên cũ: Công ty CP ĐTXD Hải Thạch)	-	177.848.367.430	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường 19	5.159.490.529	5.159.490.529	5.159.490.529	5.159.490.529
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	-	5.082.418.376	-	5.082.418.376
Công ty TNHH thu phí tự động VECT	-	907.780.000	-	558.010.000
Nguyễn Tuấn Phong	-	-	-	400.000.000
Công ty CTGT 503 Đà Nẵng	215.066.430	215.066.430	215.066.430	215.066.430
Công ty TNHH MTV kiểm định KTAT dầu khí Việt Nam - PVEIC	354.000.000	354.000.000	354.000.000	354.000.000
Công ty Cổ phần QL & XD ĐB QNĐN	249.999.800	249.999.800	249.999.800	249.999.800
Tổng đội Thanh niên xung phong Nông nghiệp 4	219.676.656	219.676.656	219.676.656	219.676.656
Xí nghiệp đầu tư và phát triển khu CN Bắc Chu Lai	278.976.912	278.976.912	278.976.912	278.976.912
Đối tượng khác	1.159.029.622	53.675.597.954	1.159.029.622	17.641.823.284
Bên liên quan : (*)	-	***156.948.746.334***	-	***7.705.559.539***
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z	-	6.656.906.673	-	2.794.496.852
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng ICV Việt Nam	-	-	-	1.324.856.876
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương-Mỹ Thuận	-	270.000.000	-	180.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long	-	822.000.000	-	348.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	-	8.018.141.334	-	2.358.205.811
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác đường Cao tốc Đèo Cả	-	700.000.000	-	700.000.000
Công ty Cổ phần tập đoàn Đèo Cả	-	140.481.698.327	-	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**11.035.892.482**	**404.339.772.954**	**11.035.892.482**	**41.264.674.059**

Ghi chú (*): Số dư đầu năm khoản phải thu với các bên liên quan được phân loại lại cho phù hợp với số liệu so sánh năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

04 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Trích lập dự phòng	*Giá trị*	*Trích lập dự phòng*	*Giá trị*
a) Ngắn hạn	**1.301.620.413**	**37.429.539.433**	**1.303.951.913**	**110.415.227.458**
Bên khác	***1.301.620.413***	***37.429.539.433***	***1.303.951.913***	***110.415.227.458***
Công ty TNHH MTV TM & DV kỹ thuật điện C.D.E	-	3.599.297.300	-	-
Công ty TNHH Đá Hóa An 1	-	2.787.370.611	-	-
Công ty Cổ phần kỹ thuật Ánh Minh	-	912.353.431	-	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Sài Gòn	-	-	-	6.500.000.000
Công ty TNHH Tư Vấn ĐT & XD AMICONS	180.000.000	180.000.000	180.000.000	180.000.000
Công ty Cổ phần Nhà thép tiền chế Chí Việt	673.571.100	673.571.100	673.571.100	673.571.100
Công ty TNHH Hãng kiểm toán và Định giá ASCO	-	-	-	506.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Apollomedia	-	-	-	575.750.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Đông Á	-	14.359.029.400	-	14.359.029.400
Công ty Cổ phần XNK Ô tô và xe chuyên dụng Việt Nam	-	5.992.200.000	-	5.992.200.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo cả (Tên cũ: Công ty CP ĐTXD Hải Thạch)	-	-	-	73.254.403.184
Công ty TNHH MTV Minh Đạt	-	-	-	200.000.000
Công ty TNHH Sơn dẻo nhiệt Synthetic	-	-	-	250.000.000
Đối tượng khác	448.049.313	7.925.717.591	450.380.813	6.924.273.774
Bên liên quan :	-	-	-	-
b) Dài hạn	**-**	**232.915.325.487**	**-**	**256.576.072.558**
Bên khác	-	***222.472.820.487***	-	***233.633.567.558***
Ban Quản lý dự án An toàn giao thông	-	5.092.000.000	-	5.092.000.000
Ban Quản lý dự án ĐTXD Tỉnh Lạng Sơn	-	8.575.350.000	-	7.275.350.000
Ban quản lý dự án 85	-	21.807.969.484	-	21.307.969.484
Công ty Cổ phần Sông đà 10	-	9.381.606.667	-	9.381.606.667
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải	-	1.195.842.793	-	1.195.842.793

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

04 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

	31/12/2021		01/01/2021	
b) Dài hạn (tiếp theo)	*Trích lập dự phòng*	*Giá trị*	*Trích lập dự phòng*	*Giá trị*
Bên khác (tiếp theo)				
Tổng Công ty XD CT giao thông 8 - CTCP	-	7.176.702.514	-	7.176.702.514
Tổng Công ty xây dựng Lũng Lô	-	14.067.301.993	-	24.653.511.432
Công ty Cổ phần Xây Dựng Công Trình Ngầm	-	94.082.320.759	-	94.082.320.759
Công ty TNHH Hợp Tiến	-	-	-	2.434.678.767
Công ty TNHH Đầu Tư Và Xây Dựng HPT	-	-	-	10.926.764.026
Các đối tượng khác	-	61.093.726.277	-	50.106.821.116
Bên liên quan	-	***10.442.505.000***	-	***22.942.505.000***
Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng Hoàng Long	-	86.491.000	-	12.586.491.000
Công ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng A2Z	-	10.356.014.000	-	10.356.014.000
Cộng	**1.301.620.413**	**270.344.864.920**	**1.303.951.913**	**366.991.300.016**

c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Xem Phụ lục 1

05 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2021	01/01/2021
a) Ngắn hạn	**1.000.000.000**	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Sài Gòn (*)	1.000.000.000	-
b) Dài hạn	-	-
Cộng	**1.000.000.000**	-

Ghi chú (*): Thông tin hợp đồng cho vay:

Bên vay	Hợp đồng	Thời hạn vay	Mục đích vay	Số tiền
Công ty TNHH MTV Đầu tư Sài Gòn	Lãi suất 9%/năm HĐV 15.10	Dưới 12 tháng	Mua nhựa đường	1.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

06 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	**216.334.425.114**	**873.033.836**	**256.435.369.153**	**1.032.556.836**
Tạm ứng	51.718.557.418	-	94.859.295.749	159.523.000
Phải thu khác	**164.615.867.696**	**873.033.836**	**161.576.073.404**	**873.033.836**
Bên Khác	***148.431.595.696***	***873.033.836***	***133.391.801.404***	***873.033.836***
+ Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả (Tên cũ là: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Thạch)	6.839.007.547	-	42.685.248.547	-
+ Cục Quản lý đường bộ III	837.818.000	837.818.000	837.818.000	837.818.000
+ Ban Giải phóng mặt bằng quận Liên Chiểu	3.115.835.244	-	2.291.844.944	-
+ BQL dự án các công trình trọng điểm - UBND tỉnh Khánh Hòa	4.919.720.000	-	4.919.720.000	-
+ Công ty Bảo hiểm PVI Gia Định	22.041.701	-	224.466.097	-
+ Công ty Cổ phần Xây Dựng Công Trình Ngầm	3.070.496.900	-	3.070.496.900	-
+ Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư 492	-	-	4.217.137.636	-
+ Hội đồng bồi thường hỗ trợ TĐC các dự án trọng điểm trên địa bàn huyện Phú Lộc	26.058.512.000	-	26.439.285.000	-
+ Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Đông Hòa	1.720.647.866	-	1.720.647.866	-
+ Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng	1.520.085.456	-	1.520.085.456	-
+ Trung tâm phát triển quỹ đất thành Phố Quy Nhơn	8.670.686.533	-	8.670.686.533	-
+Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Sông Cầu	2.592.976.012	-	2.592.976.012	-
+ Các đối tượng khác	89.063.768.437	35.215.836	34.201.388.413	35.215.836
Bên liên quan	***16.184.272.000***	-	***28.184.272.000***	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	3.758.872.000	-	3.758.872.000	-
+ Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Đèo Cả	12.325.400.000	-	24.325.400.000	-
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	100.000.000	-	100.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

06 . PHẢI THU KHÁC (Tiếp theo)

	31/12/2021		*01/01/2021*	
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
b) Dài hạn	**125.658.537.942**	-	**172.835.805.238**	-
Ký cược, ký quỹ	2.166.503.000	-	9.275.234.987	-
Phải thu khác	**38.375.950.044**	-	**78.444.485.353**	-
+ Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Chi Lăng	4.860.513.038	-	11.826.510.370	-
+ Trung tâm phát triển quỹ đất và Cụm công nghiệp huyện Lạng Giang	12.301.719.456	-	29.067.818.096	-
+ Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Hữu Lũng	5.033.084.500	-	7.155.040.100	-
+ Phải thu tiền sửa chữa, bảo hành dự án	14.238.250.544	-	481.120.623	-
+ Phải thu khác	1.942.382.506	-	29.913.996.164	-
Phải thu tạm ứng cổ tức	**85.116.084.898**	-	**85.116.084.898**	-
Bên khác	***34.191.100.394***	-	***239.057.455***	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây Dựng Việt Thành	239.057.455		239.057.455	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư TMQT Hà Thành	33.952.042.939	-	-	-
Bên liên quan	***50.924.984.504***	-	***84.877.027.443***	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư TMQT Hà Thành	-	-	33.952.042.939	-
+ Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát	50.924.984.504	-	50.924.984.504	-
Cộng	**341.992.963.056**	**873.033.836**	**429.271.174.391**	**1.032.556.836**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

07 . NỢ XẤU

1. Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

	31/12/2021		*01/01/2021*	
	Giá gốc	*Giá trị có thể thu hồi*	*Giá gốc*	*Giá trị có thể thu hồi*
- Phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, phải thu khác	**13.210.546.731**	**-**	**13.440.768.231**	**68.367.000**
+ Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường 19	5.159.490.529	-	5.159.490.529	-
+ Công ty Quản lý và Sửa chữa đường bộ Đắc Lắc	3.399.652.533	-	3.399.652.533	-
+ Cục Quản lý đường bộ III	837.818.000	-	837.818.000	-
+ Công ty Cổ phần nhà thép tiền chế Chí Việt	673.571.100	-	673.571.100	-
+ Đối tượng khác	3.140.014.569	-	3.370.236.069	68.367.000
Cộng	**13.210.546.731**	**-**	**13.440.768.231**	**68.367.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

08 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi đường	-	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	5.385.808.582	-	5.027.348.465	-
- Công cụ, dụng cụ	243.035.758	-	259.142.127	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	32.654.864.766	-	67.436.673.179	-
Cộng	**38.283.709.106**		**72.723.163.771**	

Ghi chú:

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến chi phí của các công trình xây lắp chưa hoàn thành.

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: Không có
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: Không có

09 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021	01/01/2021
Mua sắm	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	-	5.474.686.863.072
- Dự án đầu tư xây dựng hầm đường bộ Đèo Cả	-	5.474.686.863.072
+ Chi phí mua sắm tài sản cố định	-	-
+ Chi phí các gói thầu giải phóng mặt bằng, tái định cư	-	*3.924.253.724*
+ Chi phí các gói thầu khác	-	*382.122.425.177*
+ Chi phí lãi vay	-	*1.083.806.786.967*
+ Chi phí quản lý dự án	-	*31.801.023.295*
+ Chi phí các gói thầu thiết bị	-	*796.342.960.970*
+ Chi phí các gói thầu tư vấn	-	*267.886.773.097*
+ Chi phí xây dựng các gói thầu xây lắp	-	*2.694.293.514.361*
+ Hạng mục khác	-	*214.509.125.481*
- Sửa chữa văn phòng, nhà xưởng	12.259.242.728	-
Cộng	**12.259.242.728**	**5.474.686.863.072**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

10 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	**24.753.843.683.964**	**22.383.257.596**	**60.224.436.604**	**26.695.715.747**	**24.863.147.093.911**
2. Số tăng trong năm	**5.628.476.919.272**	**152.000.000**	**-**	**58.090.909**	**5.628.687.010.181**
- Mua trong năm	-	152.000.000	-	58.090.909	210.090.909
- Đầu tư XDCB hoàn thành	5.627.197.528.364	-	-	-	5.627.197.528.364
- Tăng khác	1.279.390.908	-	-	-	1.279.390.908
3. Số giảm trong năm	**359.760.215.934**	**6.670.478.608**	**3.559.135.285**	**3.703.070.284**	**373.692.900.111**
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	18.335.168.721	6.630.589.108	2.942.839.831	3.079.864.330	30.988.461.990
- Giảm khác	341.425.047.213	39.889.500	616.295.454	623.205.954	342.704.438.121
4. Số dư cuối năm	**30.022.560.387.302**	**15.864.778.988**	**56.665.301.319**	**23.050.736.372**	**30.118.141.203.981**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế					
1. Số dư đầu năm	**1.095.790.748.930**	**14.701.489.655**	**46.222.963.360**	**15.101.830.740**	**1.171.817.032.685**
2. Khấu hao trong năm	**250.547.092.927**	**1.709.292.534**	**3.441.168.999**	**3.691.553.297**	**259.389.107.757**
- Khấu hao trong năm	250.547.092.927	1.709.292.534	3.441.168.999	3.691.553.297	259.389.107.757
- Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	**6.149.606.581**	**4.876.698.382**	**2.919.238.137**	**1.967.691.090**	**15.913.234.190**
- Thanh lý, nhượng bán	6.149.606.581	4.876.698.382	2.919.238.137	1.967.691.090	15.913.234.190
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	**1.340.188.235.276**	**11.534.083.807**	**46.744.894.222**	**16.825.692.947**	**1.415.292.906.252**
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	**23.658.052.935.034**	**7.681.767.941**	**14.001.473.244**	**11.593.885.007**	**23.691.330.061.226**
2. Tại ngày cuối năm	**28.682.372.152.026**	**4.330.695.181**	**9.920.407.097**	**6.225.043.425**	**28.702.848.297.729**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

09 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:	27.913.077.610.323	VNĐ
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:	45.382.092.336	VNĐ

- Giá trị còn lại TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai;

Nguyên giá tạm tính của tài sản hình thành từ dự án BOT như sau:

Nguyên giá tạm tính của Dự án đầu tư xây dựng hầm đường bộ qua Đèo Cả:

- Hạng mục hầm Cổ Mã và đường dẫn là 3.038.620.880.732 đồng;
- Hạng mục hầm Đèo Cả là 6.374.947.625.414 đồng;
- Hạng mục hầm Củ Mông là 2.898.117.355.184 đồng;
- Hạng mục hầm Hải Vân là 5.126.521.395.924 đồng.

Nguyên giá tạm tính của dự án hạng mục tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1 + 800 – Km 106 + 500 là 1.761.415.098.541 đồng

Nguyên giá tạm tính của dự án hạng mục tuyến cao tốc Bắc Giang – Tp. Lạng Sơn đoạn KM45+100 – KM 108 + 500 là 10.399.445.194.018 đồng

Nguyên giá tạm tính của dự án Hầm đường bộ Phước Tượng và Phú Gia, QL1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế là 1.373.336.011.198 đồng

- Đối với dự án đầu tư theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (B.O.T) thời gian trích khấu hao tài sản cố định được xác định là thời gian khai thác hoàn vốn đầu tư của chủ đầu tư tại dự án. Việc trích khấu hao tài sản cố định hình thành từ dự án theo tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng năm phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án (tương tự như phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

11 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	**618.292.634**	**584.500.850**	**183.403.472**	**1.386.196.956**
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ DN	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	**618.292.634**	**584.500.850**	**183.403.472**	**1.386.196.956**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế				
1. Số dư đầu năm	**51.560.137**	**401.190.096**	-	**452.750.233**
2. Khấu hao trong năm	**12.881.088**	**78.310.765**	**73.361.388**	**164.553.241**
- Khấu hao trong năm	12.881.088	78.310.765	73.361.388	164.553.241
- Tăng khác	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	**64.441.225**	**479.500.861**	**73.361.388**	**617.303.474**
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	**566.732.497**	**183.310.754**	**183.403.472**	**933.446.723**
2. Tại ngày cuối năm	**553.851.409**	**104.999.989**	**110.042.084**	**768.893.482**

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 105.000.000 VND
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 868.352.259 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	*01/01/2021*
a) Ngắn hạn	**221.286.052.685**	**444.579.720.735**
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	168.140.464	936.823.258
Chi phí sửa chữa, báo hiểm xe	261.848.362	253.899.665
Lãi vay chờ phân bổ	195.828.759.432	419.623.699.573
Các khoản khác	25.027.304.427	23.765.298.239
b) Dài hạn	**2.998.429.434.682**	**895.915.895.373**
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	714.503.183	4.871.583.571
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	59.199.595
Chi phí sửa chữa, báo hiểm xe	35.294.143	8.985.712
Chi phí sửa chữa trung tu mặt đường	3.351.695.283	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	371.202.740
Lãi vay chờ phân bổ	2.991.383.533.735	883.223.616.498
Các khoản khác	2.944.408.338	7.381.307.257
Cộng	**3.219.715.487.367**	**1.340.495.616.108**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

13 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a) Vay ngắn hạn

	31/12/2021		*Trong năm*		*01/01/2021*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Tăng*	*Giảm*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Vay ngắn hạn - VND	235.859.659.318	235.859.659.318	497.275.344.574	602.571.980.064	341.156.294.808	341.156.294.808
Bên khác	***194.527.763.715***	***194.527.763.715***	***377.675.344.574***	***341.071.980.064***	***157.924.399.205***	***157.924.399.205***
- Ngân hàng Công Thương - CN Đà Nẵng	*139.125.695.101*	*139.125.695.101*	*283.384.389.708*	*298.413.674.123*	*154.154.979.516*	*154.154.979.516*
- Ngân hàng TP Bank - CN Thăng Long Hà Nội	*52.341.293.512*	*52.341.293.512*	*94.290.954.866*	*41.949.661.354*	-	-
- Cán bộ, công nhân viên	*3.060.775.102*	*3.060.775.102*	-	*708.644.587*	*3.769.419.689*	*3.769.419.689*
Bên liên quan	***41.331.895.603***	***41.331.895.603***	***119.600.000.000***	***261.500.000.000***	***183.231.895.603***	***183.231.895.603***
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo cả	*36.731.895.603*	*36.731.895.603*	*119.600.000.000*	*261.500.000.000*	*178.631.895.603*	*178.631.895.603*
- Công ty Cổ Phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	*2.000.000.000*	*2.000.000.000*	-	-	*2.000.000.000*	*2.000.000.000*
- Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát	*2.600.000.000*	*2.600.000.000*	-	-	*2.600.000.000*	*2.600.000.000*
Cộng	**235.859.659.318**	**235.859.659.318**	**497.275.344.574**	**602.571.980.064**	**341.156.294.808**	**341.156.294.808**

b) Vay dài hạn	*31/12/2021*		*Trong năm*		*01/01/2021*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Tăng*	*Giảm*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Trên 1 năm đến 5 năm	**218.308.950.000**	**218.308.950.000**	**218.513.000.000**	**94.962.383.334**	**94.758.333.334**	**94.758.333.334**
Bên khác	92.908.950.000	92.908.950.000	93.113.000.000	962.383.334	758.333.334	758.333.334
- Vay mua chung cư	-	-	-	*758.333.334*	*758.333.334*	*758.333.334*
- Vay Ngân hàng TP Bank - mua xe ô tô	*908.950.000*	*908.950.000*	*1.113.000.000*	*204.050.000*	-	-
- Công ty Cổ phần đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	*92.000.000.000*	*92.000.000.000*	*92.000.000.000*	-	-	-
Bên liên quan	125.400.000.000	125.400.000.000	125.400.000.000	94.000.000.000	94.000.000.000	94.000.000.000
- Công ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng A2Z	-	-	-	*2.000.000.000*	*2.000.000.000*	*2.000.000.000*
- Công ty Cổ Phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	*125.400.000.000*	*125.400.000.000*	*125.400.000.000*	-	-	-
- Công ty Cổ phần đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	-	-	-	*92.000.000.000*	*92.000.000.000*	*92.000.000.000*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

13 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Vay dài hạn	31/12/2021		Trong năm		01/01/2021	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Tăng*	*Giảm*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Trên 5 năm	**20.653.493.393.134**	**20.653.493.393.134**	**175.930.671.100**	**172.135.452.356**	**20.649.698.174.390**	**20.649.698.174.390**
-Ngân hàng TM Cổ phần Công thương Việt Nam - CN Hà Nội	19.693.052.822.777	19.693.052.822.777	175.740.899.695	166.218.452.356	19.683.530.375.438	19.683.530.375.438
+ Hợp đồng tín dụng số 01/2015-HDTDDA/NHCT106-DEOCA	*2.174.867.320.571*	*2.174.867.320.571*	-	*31.547.744.818*	*2.206.415.065.389*	*2.206.415.065.389*
+ Hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTDDA/NHCT106-DEOCA	*3.224.700.940.683*	*3.224.700.940.683*	*175.740.899.695*	*29.613.000.000*	*3.078.573.040.988*	*3.078.573.040.988*
+ Hợp đồng tín dụng số 02-2013-HDTDDA/NHCT106-DEOCA	*4.605.403.867.855*	*4.605.403.867.855*	-	*43.000.000.000*	*4.648.403.867.855*	*4.648.403.867.855*
+ Hợp đồng tín dụng số 02/2015-HDTDDA/NHCT106-DEOCA	*1.037.991.240.733*	*1.037.991.240.733*	-	*8.599.000.000*	*1.046.590.240.733*	*1.046.590.240.733*
+ Hợp đồng tín dụng số 01/2017-HĐTDDA/NHCT106-BOT BGLS	*8.650.089.452.935*	*8.650.089.452.935*	-	*53.458.707.538*	*8.703.548.160.473*	*8.703.548.160.473*
- Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Hà Nội	960.440.570.357	960.440.570.357	189.771.405	5.917.000.000	966.167.798.952	966.167.798.952
Cộng	**20.871.802.343.134**	**20.871.802.343.134**	**394.443.671.100**	**267.097.835.690**	**20.744.456.507.724**	**20.744.456.507.724**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

13 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

a) Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay ngắn hạn:

Bên cho vay	Hợp đồng	Hạn mức/Số tiền vay (VND)	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
- Ngân hàng TM Cổ phần Công Thương VN - CN Đà Nẵng	HĐTD số 01/2020-DCVHM /NHCT480-DII ngày 02/11/2020	100.000.000.000	Theu từng lần nhận nợ nhưng không quá 9 tháng	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Cà vẹt xe ô tô, giấy CNQSD nhà tại căn hộ Plaza
- Ngân hàng TM Cổ phần Công Thương VN - CN Đà Nẵng	HĐTD số 02/2019/-HĐTD số 02/2020-HDCVHM/NHCT480-DII ngày 02/11/2020	80.000.000.000	Theu từng lần nhận nợ nhưng không quá 6 tháng	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp
- Ngân hàng TP Bank - CN Thăng Long, Hà Nội	HĐTD số 247/2020/ HĐTD/TLG01 ngày 16/9/2020 và PL HĐTD số 432/2021 /HDTD/TLG01 ngày 14/10/2021	300.000.000.000	Theu từng lần nhận nợ nhưng không quá 10 tháng	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp
- Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát	HĐTD số 2609/2019/ HP-DCIC ngày 26/9/2019 và PL	2.600.000.000	12 tháng từ ngày ký hợp đồng	4%/năm	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo cả	HĐTD số 0201/2020 ngày 02/01/2020	400.000.000.000	12 tháng	8%/năm	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Hợp đồng vay từng lần, PL	202.000.000.000	12 tháng	8%/năm	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp
- Vay CBCNV Công ty	Hợp đồng và các phụ lục kèm theo ký với từng cá nhân cho vay	Không giới hạn	Từ ngày ký hợp đồng đến khi kết thúc hợp đồng	Lãi suất bằng lãi tiền gửi kỳ hạn 3 tháng tại NH Công ty đang giao dịch	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

b) Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay dài hạn:

Bên cho vay	Hợp đồng	Hạn mức/Số tiền vay (VND)	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
- Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng A2Z	HĐTD số 30.07/ 2019/DII-A2Z ngày 30/7/2019, PLHĐ	2.000.000.000	24 tháng	6%/năm	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp
- Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng Miền Bắc	Hợp đồng vay từng lần, PL	92.000.000.000	24 tháng	8%/năm	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	HĐTD số 15062021/HTBOT-DII ngày 15/06/2021	125.400.000.000	24 tháng	8%/năm	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp
- Ngân hàng TM Cổ phần Tiên Phong - TPBank	HĐTD số 19/2021/HDTD/TLG/ 01 ngày 27/01/2021	1.113.000.000	60 tháng	8%/năm đến ngày 27/01/2022, sau đó được điều chỉnh định kỳ	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Cà vẹt xe ô tô

(1) Theo Hợp đồng số 01/2015 - HĐTDDA/NHCT106-DEOCA ngày 28/07/2015 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hà Nội và các Phụ lục Hợp đồng. Hạn mức vay là 2.500 tỷ đồng để thực hiện Hạng mục đầu tư Hầm đường bộ qua đèo Cù Mông, QL1 tỉnh Phú Yên và tỉnh Bình Định thuộc Dự án đầu tư xây dựng hầm đường bộ qua Đèo Cả - QL1, tỉnh Phú Yên và tỉnh Khánh Hòa theo hình thức BT và BOT. Thời hạn vay là 204 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian giải ngân là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất nhận nợ là lãi suất ghi trên từng Giấy nhận Nợ.

(2) Theo Hợp đồng số 01/2016 - HĐTDDA/NHCT106-DEOCA ngày 02/02/2016 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hà Nội. Hạn mức vay là 4.182 tỷ đồng để thực hiện Giai đoạn 2 - Mở rộng Hầm Hải Vân thuộc Hạng mục đầu tư ở rộng Hầm Đường bộ Hải Vân QL1, tỉnh Thừa Thiên Huế và TP Đà Nẵng). Thời hạn vay là 20 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian giải ngân là 4 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay là lãi suất ghi trên từng Giấy nhận Nợ.

(3) Theo Hợp đồng vay số 02/2013/NHCT106-DEOCA với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hà Nội ngày 22/10/2013 và các Phụ lục Hợp đồng. Hạn mức vay là: 4.800 tỷ đồng, mục đích sử dụng tiền vay là thanh toán các chi phí hợp lý để thực hiện Công trình BOT thuộc Dự án Xây dựng Hầm đường bộ qua Đèo Cả - Quốc lộ 1, tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa. Thời hạn vay là 180 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

b) Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay dài hạn (tiếp theo):

(4) Theo Hợp đồng số 02/2015 - HĐTDDA/NHCT106-DEOCA ngày 11/12/2015 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hà Nội. Hạn mức vay là 1.190 tỷ đồng để thực hiện nâng cấp, sửa chữa, cải tạo Hầm Hải Vân 1 và Đoạn tuyến QL1 qua Đèo Hải Vân (Giai đoạn 1 của Hạng mục Đầu tư mở rộng Hầm đường bộ qua Đèo Hải Vân, QL1, tỉnh Thừa Thiên Huế và TP Đà Nẵng) được bổ sung vào Dự án Đầu tư xây dựng hầm đường bộ qua Đèo Cả - QL1 theo hình thức BT và BOT (Bao gồm cả cho vay lãi nhập gốc trong thời gian xây dựng và cho vay phần Thuế GTGT). Thời hạn vay là 192 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian giải ngân là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất nhận nợ là lãi suất ghi trên từng Giấy nhận Nợ.

(5) Theo Hợp đồng số 01/2017 - HĐTDDA/NHCT106-BOT BGLS với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hà Nội. Hạn mức vay là 10.169 tỷ đồng để thực hiện dự án cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn. Thời hạn vay là 17 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian giải ngân là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất nhận nợ là lãi suất ghi trên từng Giấy nhận Nợ.

(6) Theo Hợp đồng số 23072014/HDDH với Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh thành phố Hà Nội. Hạn mức vay là 1.149 tỷ đồng để thực hiện dự án xây dựng công trình hầm đường bộ Phước Tượng-Phú Gia, quốc lộ 1A, tỉnh Thừa Thiên Huế, theo hình thức hợp đồng BOT. Thời hạn vay là 233 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất nhận nợ là lãi suất ghi trên từng Giấy nhận Nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	**1.129.432.579.788**	**1.129.432.579.788**	**1.066.861.291.201**	**1.066.861.291.201**
Bên Khác	***691.075.166.887***	***691.075.166.887***	***522.807.229.996***	***522.807.229.996***
Công ty cổ phần tập đoàn EMTC3	10.000.000	10.000.000	15.344.365.177	15.344.365.177
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo cả (Tên cũ: Công ty CP ĐTXD Hải Thạch)	24.473.155.816	24.473.155.816	-	-
Công ty TNHH Hòa Hiệp	56.746.314.256	56.746.314.256	47.652.786.937	47.652.786.937
Công ty TNHH Xây dựng Mỹ Đà	75.356.917.682	75.356.917.682	39.017.659.104	39.017.659.104
Công ty Cổ phần LICOGI 16	126.120.568.337	126.120.568.337	125.106.781.619	125.106.781.619
Công ty TNHH MTV Xây dựng 470	34.549.076.453	34.549.076.453	11.245.075.350	11.245.075.350
Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Đồng Hới	24.033.539.459	24.033.539.459	3.342.365.050	3.342.365.050
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Hoàng Long	6.605.075.302	6.605.075.302	22.619.448.065	22.619.448.065
Công ty TNHH MTV Minh Đăng	17.966.582.114	17.966.582.114	17.966.582.114	17.966.582.114
Công Ty Cổ Phần Giao Thông Xây Dựng Số 1	13.356.138.053	13.356.138.053	17.282.608.904	17.282.608.904
Tổng công ty Xây dựng Lũng Lô	12.000.378.308	12.000.378.308	12.000.378.308	12.000.378.308
Công ty Cổ phần Nam Tân	13.243.783.828	13.243.783.828	13.243.783.828	13.243.783.828
Công ty TNHH TM & XD Lâm Tùng Phương	-	-	14.733.684.000	14.733.684.000
Công ty TNHH đầu tư chuyển giao công nghệ Toàn Cầu	989.766.330	989.766.330	28.260.801.916	28.260.801.916
Công ty Cổ phần xây dựng Đại Thành	3.375.133.010	3.375.133.010	3.375.133.010	3.375.133.010
Tổng Công ty Xây Dựng Hà Nội	2.254.195.200	2.254.195.200	2.254.195.200	2.254.195.200
Công ty Cổ phần Xây dựng Lũng Lô 9	4.415.429.595	4.415.429.595	4.415.429.595	4.415.429.595
Công ty TNHH Nhạc Sơn	1.413.813.206	1.413.813.206	1.413.813.206	1.413.813.206
Công ty Cổ phần ĐT Giáo dục phát triển công nghệ năng lượng VN	4.964.896.734	4.964.896.734	4.964.896.734	4.964.896.734
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trí Nam	122.491.454.000	122.491.454.000	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	146.708.949.204	146.708.949.204	138.567.441.879	138.567.441.879

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

a) Ngắn hạn (tiếp theo)	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Bên liên quan (*)	***438.357.412.901***	***438.357.412.901***	***544.054.061.205***	***544.054.061.205***
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	17.409.382.266	17.409.382.266	15.706.059.300	15.706.059.300
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo cả	392.737.560.387	392.737.560.387	507.513.916.466	507.513.916.466
Công ty Cổ phần Đầu tư và XD ICV Việt Nam	-	-	20.713.793.022	20.713.793.022
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hải Thạch	-	-	120.292.417	120.292.417
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long	1.796.396.412	1.796.396.412	-	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	8.256.472.379	8.256.472.379	-	-
Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng A2Z	18.157.601.457	18.157.601.457	-	-
b) Dài hạn	**451.366.071.030**	**451.366.071.030**	**424.405.555.795**	**424.405.555.795**
Bên khác	***397.559.759.439***	***397.559.759.439***	***373.735.238.976***	***373.735.238.976***
Chi nhánh Công ty TNHH MTV BCA - Thăng Long tại TP Hồ Chí Minh	22.066.275.015	22.066.275.015	22.066.275.015	22.066.275.015
Công ty Cổ phần kỹ thuật công nghiệp Á Châu	18.019.220.715	18.019.220.715	18.019.220.715	18.019.220.715
Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu	63.324.714.138	63.324.714.138	63.586.665.138	63.586.665.138
Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam	6.649.125.023	6.649.125.023	6.649.125.023	6.649.125.023
Công ty TNHH APAVE Châu Á - Thái Bình Dương	20.646.941.214	20.646.941.214	20.646.941.214	20.646.941.214
Công ty TNHH MTV BCA-Thăng Long	34.783.028.365	34.783.028.365	22.039.842.365	22.039.842.365
Công ty TNHH NIPPON KOEI Việt Nam Internationallle	13.569.057.653	13.569.057.653	13.950.086.253	13.950.086.253
Công ty Cổ phần Xây Dựng và Đầu tư 492	8.594.572.647	8.594.572.647	5.132.599.283	5.132.599.283
Chi nhánh Công ty TNHH MTV BCA Thăng Long - Xí nghiệp Đại Việt	114.873.463.105	114.873.463.105	114.873.463.105	114.873.463.105
Các đối tượng khác	95.033.361.564	95.033.361.564	86.771.020.865	86.771.020.865
Bên liên quan	***53.806.311.591***	***53.806.311.591***	***50.670.316.819***	***50.670.316.819***
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long	18.758.222.245	18.758.222.245	22.966.302.717	22.966.302.717
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	2.719.148.000	2.719.148.000	-	-
Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng A2Z	32.328.941.346	32.328.941.346	27.704.014.102	27.704.014.102
Cộng	**1.580.798.650.818**	**1.580.798.650.818**	**1.491.266.846.996**	**1.491.266.846.996**

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

Ghi chú (*): Số dư đầu năm khoản phải trả người bán với các bên liên quan được phân loại lại cho phù hợp với số liệu so sánh năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2021	*01/01/2021*
a) Ngắn hạn	**7.648.775.163**	**108.803.239.940**
Bên khác	***7.648.775.163***	***43.162.246.733***
Công ty xăng dầu Bình Định	-	3.000.000.000
Công ty CP XD công trình Ngầm	1.495.821.371	1.495.821.371
Công ty xăng dầu khu vực V	3.000.000.000	3.000.000.000
Tổng công ty xây dựng Lũng Lô	2.475.005.925	2.475.005.925
CN Trung tâm phát triển quỹ đất số 3- TP Đà Nẵng	-	2.587.489.000
Đối tượng khác	677.947.867	30.603.930.437
Bên liên quan	-	***65.640.993.207***
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	-	65.640.993.207
b) Dài hạn	-	-
Cộng	**7.648.775.163**	**108.803.239.940**

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		*Số phải nộp trong năm*	*Số đã thực nộp trong năm*	*Số cuối năm*	
	Phải thu	*Phải trả*			*Phải thu*	*Phải trả*
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.601.890.608	50.178.806.699	17.553.062.468	-	37.227.634.839
Thuế thu nhập cá nhân	-	957.998.402	735.038.822	1.250.847.110	-	442.190.114
Thuế GTGT	2.293.289.206	9.505.076.943	64.243.446.588	68.893.887.858	2.402.093.441	4.963.439.908
Thuế tài nguyên	-	-	133.969.826	133.969.826	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	466.476.469	466.476.469	-	-
Thuế khác	118.911.073	962.146.486	11.291.680.284	11.222.753.261	118.911.073	1.031.073.509
Cộng	**2.412.200.279**	**16.027.112.439**	**127.049.418.688**	**99.520.996.992**	**2.521.004.514**	**43.664.338.370**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2021	*01/01/2021*
a) Ngắn hạn	**1.219.139.570.799**	**1.067.457.417.597**
Trích trước chi phí vận hành Hầm	461.157.037	24.228.631.337
Trích trước chi phí trung tu, đại tu Hầm	66.482.416.518	38.647.987.896
Trích trước lãi vay	2.359.364.187	42.353.583.583
Chi phí lãi vay phải trả	691.871.624.000	675.147.192.036
Các khoản khác	457.965.009.057	287.080.022.745
b) Dài hạn	**1.505.290.708.706**	-
Chi phí lãi vay phải trả	1.478.746.521.189	-
Trích trước lãi vay	26.544.187.517	-
Cộng	**2.724.430.279.505**	**1.067.457.417.597**

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2021	*01/01/2021*
a) Ngắn hạn	**585.416.960.613**	**959.803.534.225**
Tài sản thừa chờ giải quyết	46.449.775	46.449.775
Kinh phí công đoàn	1.304.582.009	1.326.301.706
Bảo hiểm xã hội	-	640
Quỹ ủng hộ	418.533.926	418.533.926
Tạm ứng (số dư có 141)	362.061.688	153.292.087
Các khoản phải trả, phải nộp khác	549.694.274.021	932.364.336.297
Bên khác	***549.694.274.021***	***932.364.336.297***
Các khoản phải trả bảo lãnh thực hiện hợp đồng bảo hành, khối lượng chờ quyết toán	*448.677.975.373*	*896.916.349.721*
Công ty France Emulsion tiền lợi nhuận hợp tác kinh doanh	*1.606.087.366*	*1.606.087.366*
Đối tượng khác	*99.410.211.282*	*33.841.899.210*
Bên liên quan (*)	***33.591.059.194***	***25.494.619.794***
Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	*11.487.780.823*	*5.946.849.315*
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	*22.103.278.371*	*15.287.104.954*
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	-	*4.120.035.388*
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z	-	*140.630.137*
b) Dài hạn	**67.032.980.636**	**123.423.822.378**
Gói thầu Hợp phần quốc lộ 1 - Bảo hành chờ quyết toán	37.449.235.354	37.449.235.354
Phải trả bảo đảm thực hiện hợp đồng các nhà thầu	26.379.852.645	30.355.562.145
Các khoản phải thu khác	3.203.892.637	55.619.024.879
Cộng	**652.449.941.249**	**1.083.227.356.603**

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

Ghi chú (*): Số dư đầu năm khoản phải trả khác với các bên liên quan được phân loại lại cho phù hợp với số liệu so sánh năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Nguồn kinh phí và quỹ khác	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư năm trước	**2.270.090.900.000**	**-**	**3.200.097.043**	**209.068.996.126**	**3.452.924.767.484**	**1.048.278.923.830**	**6.983.563.684.483**
Tăng vốn trong năm trước	403.750.000.000	-	-	-	-	1.808.581.540	405.558.581.540
Lãi trong năm trước	-	-	-	137.187.847.817	-	38.376.491.377	175.564.339.194
Trích quỹ từ lợi nhuận	-	-	1.651.224.644	-	-	-	1.651.224.644
Tăng khác	-	-	-	-	-	58.577.966.643	58.577.966.643
Giảm khác	-	(208.000.000)	-	(58.577.966.643)	(181.152.454.682)	(523.270.002)	(240.461.691.327)
Số dư đầu năm nay	**2.673.840.900.000**	**(208.000.000)**	**4.851.321.687**	**287.678.877.300**	**3.271.772.312.802**	**1.146.518.693.388**	**7.384.454.105.177**
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm này	-	-	-	268.873.236.620	-	21.773.948.707	290.647.185.327
Tăng khác	-	-	-	-	1.036.000.000	-	1.036.000.000
Số dư cuối kỳ này	**2.673.840.900.000**	**(208.000.000)**	**4.851.321.687**	**556.552.113.920**	**3.272.808.312.802**	**1.168.292.642.095**	**7.676.137.290.504**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

19 . 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2021	%	*01/01/2021*	%
- Công ty CP Tập Đoàn Đèo Cả (*)	37.892.550.000	1,42%	37.892.550.000	1,42%
- Hồ Minh Hoàng	18.000.000.000	0,67%	18.000.000.000	0,67%
- Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	677.831.250.000	25,35%	1.317.831.250.000	49,29%
- Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	-	0,00%	882.303.650.000	33,00%
- Công ty CP tập đoàn Hải Thạch	-	0,00%	122.000.000.000	4,56%
- Công ty CP Đầu tư thương mại Quốc tế Hà Thành	-	0,00%	108.331.000.000	4,05%
- Công ty CP BOT Hưng Phát	-	0,00%	164.000.000.000	6,13%
- Vốn góp của các đối tượng khác	1.940.117.100.000	72,56%	23.482.450.000	0,88%
Cộng	**2.673.840.900.000**	**100,00%**	**2.673.840.900.000**	**100,00%**

Ghi chú:

(*) Công ty CP Tập Đoàn Đèo Cả trở thành Công ty mẹ của Công ty thông qua quyền sở hữu, quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp tại các Công ty con đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả với tỷ lệ quyền sở hữu và biểu quyết như sau:

	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Quyền sở hữu trực tiếp	1,42%	1,42%
Quyền sở hữu và biểu quyết gián tiếp	*21,22%*	*25,35%*
- Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	21,22%	*25,35%*
Cộng	**22,64%**	**26,77%**

Hiện tại, Công ty CP Tập đoàn Đèo Cả (DCG) đang nắm tỷ lệ quyền biểu quyết là 26,77%, tuy nhiên DCG vẫn là Công ty mẹ do đang nắm quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty thông qua việc nắm đa số thành viên trong Hội Đồng Quản trị.

19 . 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	*Năm trước*
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	2.673.840.900.000	2.270.090.900.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	403.750.000.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	2.673.840.900.000	2.673.840.900.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

19 . 4. Cổ phiếu	*31/12/2021*	*01/01/2021*
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	267.384.090	267.384.090
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	267.384.090	267.384.090
- Cổ phiếu phổ thông	*267.384.090*	*267.384.090*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Cả năm	
	2021	2020
a) Doanh thu		
Doanh thu hoạt động duy tu bảo dưỡng cầu, đường	2.512.359.092	103.078.136.540
Doanh thu hoạt động xây lắp	552.023.885.005	139.767.520.463
Doanh thu cung cấp dịch vụ trung chuyển	8.702.727.273	12.256.638.637
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	2.070.775.458
Doanh thu thu phí, vận hành các trạm	1.264.579.806.368	937.874.815.202
Doanh thu khác	33.521.400.893	7.484.711.640
Cộng	**1.861.340.178.631**	**1.202.532.597.940**

Trong đó doanh thu với các bên liên quan: *Xem thuyết minh đính kèm tại PL1 Giao dịch với các bên liên quan.*

02 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Cả năm	
	2021	2020
Hàng bán bị trả lại	-	1.189.110.727
Cộng	**-**	**1.189.110.727**

03 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Cả năm	
	2021	2020
Giá vốn hoạt động duy tu bảo dưỡng cầu, đường	1.794.379.900	74.741.500.381
Giá vốn hoạt động xây lắp	447.514.092.688	120.062.232.142
Giá vốn cung cấp dịch vụ trung chuyển	8.583.292.401	15.611.765.591
Giá vốn kinh doanh bất động sản	-	2.134.302.804
Giá vốn thu phí, vận hành các trạm	459.185.531.253	278.464.867.326
Giá vốn khác	19.255.105.743	8.430.913.614
Cộng	**936.332.401.985**	**499.445.581.858**

04 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Cả năm	
	2021	2020
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.826.327.951	7.754.138.462
Cổ tức, lợi nhuận được chia	15.000.000.000	-
Cộng	**21.826.327.951**	**7.754.138.462**

05 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cả năm	
	2021	2020
Lãi tiền vay	550.795.413.210	480.298.079.400
Cộng	**550.795.413.210**	**480.298.079.400**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

06 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Cả năm	
	2021	2020
1. Chi phí bán hàng	-	-
2. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**94.936.165.786**	**101.735.107.247**
Chi phí nguyên, vật liệu	23.282.286	39.912.504
Chi phí công cụ, dụng cụ	389.098.578	538.333.748
Chi phí nhân viên	29.774.684.049	24.680.946.835
Chi phí khấu hao	6.858.547.801	2.733.517.515
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.953.625.829	49.356.251.786
Thuế, phí, lệ phí	225.078.113	180.787.234
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	72.000.000
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(161.854.500)	(14.000.000)
Các khoản chi khác	18.873.703.630	24.147.357.625
Cộng	**94.936.165.786**	**101.735.107.247**

07 . THU NHẬP KHÁC

	Cả năm	
	2021	2020
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	21.168.853.109	3.133.351.350
Các khoản khác	1.781.746	10.185.671
Cộng	**21.170.634.855**	**3.143.537.021**

08 . CHI PHÍ KHÁC

	Cả năm	
	2021	2020
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	2.931.394.167
Các khoản tiền chậm nộp	53.192.182	497.366.132
Các khoản khác	418.472.304	452.468.452
Cộng	**471.664.486**	**3.881.228.751**

09 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Cả năm	
	2021	2020
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	314.619.680.605	120.524.348.003
Chi phí nhân công	277.779.506.966	236.717.136.380
Chi phí khấu hao tài sản cố định	262.004.301.965	151.201.044.069
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.901.537.141	283.283.257.742
Chi phí khác bằng tiền	91.069.055.166	102.624.449.830
Cộng	**994.374.081.843**	**894.350.236.024**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Cả năm	
	2021	2020
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	48.063.318.649	4.601.890.606
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	2.115.488.050	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**50.178.806.699**	**4.601.890.606**

11 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

	Cả năm	
	2021	2020
-Thu nhập thuế TNDN hoãn loại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế Thu nhập hoãn lại phải trả	(7.638.038.868)	(2.529.999.418)
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	**(7.638.038.868)**	**(2.529.999.418)**

12 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Cả năm	
	2021	2020
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	268.873.236.620	137.187.847.817
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	267.384.090	243.490.939
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	**1.006**	**563**

13 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu

Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua nghị quyết số 09/2021/NQ-ĐHCĐ ngày 01/11/2021 về phương án phát hành thêm 267.384.090 cổ phiếu, tăng vốn điều lệ từ 267.384.090 lên 534.768.180 cổ phiếu.

	Cả năm	
	2021	2020
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	268.873.236.620	137.187.847.817
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm	267.384.090	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	267.384.090	243.490.939
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	**503**	**563**

Ghi chú: (*) Hồi tố chỉ tiêu năm trước theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 20/12/2014 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

01 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không có

02 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có

03 . Số tiền đi vay thực thu trong năm:

	Cả năm	
	2021	**2020**
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	799.719.015.674	2.244.489.547.189

04 . Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:

	Cả năm	
	2021	**2020**
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường:	777.669.815.754	1.463.571.838.391

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

02 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất này Công ty có các sự kiện phát sinh sau niên độ như sau:

Cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận niêm yết theo Quyết định số 717/QĐ-SGDHCM ngày 23 tháng 12 năm 2021 và chính thức giao dịch ngày 20 tháng 01 năm 2022 tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán HHV, số lượng chứng khoán niêm yết là 267.384.090 cổ phiếu.

Ngoài các sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2021 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

03 . Thông tin về các bên liên quan: Xem Phụ lục 1

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

04 . Thông tin bộ phận

a. Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý của Công ty, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán theo các đơn vị sản phẩm và lĩnh vực kinh doanh do đó báo cáo bộ phận theo các sản phẩm sản xuất và cung cấp dịch vụ như sau:

Năm 2020	Thu phí, vận hành các trạm	Hoạt động xây lắp	Dịch vụ trung chuyển	Duy tu bảo dưỡng cầu, đường	Hoạt động khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	937.874.815.202	138.578.409.736	12.256.638.637	103.078.136.540	9.555.487.098	1.201.343.487.213
Doanh thu thuần cung cấp giữa các bộ phận						
hàng và cung cấp dịch vụ	**937.874.815.202**	**138.578.409.736**	**12.256.638.637**	**103.078.136.540**	**9.555.487.098**	**1.201.343.487.213**
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	659.409.947.876	16.381.874.790	(3.355.126.954)	28.336.636.159	1.124.573.484	701.897.905.355
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	**659.409.947.876**	**16.381.874.790**	**(3.355.126.954)**	**28.336.636.159**	**1.124.573.484**	**701.897.905.355**
Chi phí quản lý doanh nghiệp						(101.735.107.247)
Doanh thu hoạt động tài chính						7.754.138.462
Chi phí tài chính						(480.298.079.400)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh						50.755.064.942
Thu nhập khác						3.143.537.021
Chi phí khác						(3.881.228.751)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(4.601.890.606)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						2.529.999.418
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						**175.564.339.194**
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						**(1.319.639.376.739)**
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn						**(201.194.337.626)**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Năm 2021	Thu phí, vận hành các trạm	Hoạt động xây lắp	Dịch vụ trung chuyển	Duy tu bảo dưỡng cầu, đường	Hoạt động khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.264.579.806.368	552.023.885.005	8.702.727.273	2.512.359.092	33.521.400.893	1.861.340.178.631
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**1.264.579.806.368**	**552.023.885.005**	**8.702.727.273**	**2.512.359.092**	**33.521.400.893**	**1.861.340.178.631**
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	805.394.275.115	104.509.792.317	119.434.872	717.979.192	14.266.295.150	925.007.776.646
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	**805.394.275.115**	**104.509.792.317**	**119.434.872**	**717.979.192**	**14.266.295.150**	**925.007.776.646**
Chi phí quản lý doanh nghiệp						(94.936.165.786)
Doanh thu hoạt động tài chính						21.826.327.951
Chi phí tài chính						(550.795.413.210)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh						11.386.457.188
Thu nhập khác						21.170.634.855
Chi phí khác						(471.664.486)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(50.178.806.699)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						7.638.038.868
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						**290.647.185.327**
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						**(238.841.815.462)**
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn						**(262.008.692.262)**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

01/01/2021	Dự án BOT	Hoạt động xây lắp	Bất động sản đầu tư	Duy tu bảo dưỡng cầu, đường	Dịch vụ trung chuyển, hoạt động khác	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	30.940.393.603.684	191.579.031.010	2.070.775.458	273.882.087.781	12.256.638.637	31.420.182.136.570
Tài sản không phân bổ						996.699.933.476
Tổng tài sản	**30.940.393.603.684**	**191.579.031.010**	**2.070.775.458**	**273.882.087.781**	**12.256.638.637**	**32.416.882.070.046**
Nợ phải trả bộ phận	24.451.352.589.292	80.956.191.003	-	153.188.678.576	-	24.685.497.458.871
Nợ phải trả không phân bổ						346.930.505.998
Tổng nợ phải trả	**24.451.352.589.292**	**80.956.191.003**		**153.188.678.576**		**25.032.427.964.869**

31/12/2021	Dự án BOT	Hoạt động xây lắp	Bất động sản đầu tư	Duy tu bảo dưỡng cầu, đường	Dịch vụ trung chuyển, hoạt động khác	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	32.355.512.700.711	386.534.208.363	-	32.340.788.493	47.526.738.677	32.821.914.436.244
Tài sản không phân bổ						1.141.574.807.146
Tổng tài sản	**32.355.512.700.711**	**386.534.208.363**		**32.340.788.493**	**47.526.738.677**	**33.963.489.243.390**
Nợ phải trả bộ phận	25.710.157.497.099	219.428.097.295	-	62.216.045.126	4.464.620.734	25.996.266.260.254
Nợ phải trả không phân bổ						291.085.692.632
Tổng nợ phải trả	**25.710.157.497.099**	**219.428.097.295**		**62.216.045.126**	**4.464.620.734**	**26.287.351.952.886**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

b. Báo cáo thứ yếu theo Khu vực địa lý

Năm 2020	Bắc Giang Lạng Sơn	Huế	Đà Nẵng	Phú Yên	Địa bàn khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	240.961.968.180	174.274.481.816	437.550.591.762	348.556.445.455	-	1.201.343.487.213
Tài sản bộ phận	11.107.233.533.645	1.367.364.138.797	8.687.016.361.576	11.242.783.915.341	12.484.120.687	32.416.882.070.046
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						(1.319.639.376.739)

Năm 2021	Bắc Giang Lạng Sơn	Huế	Đà Nẵng	Phú Yên	Địa bàn khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	309.685.779.091	194.786.485.008	337.398.799.687	548.187.918.179	471.281.196.666	1.861.340.178.631
Tài sản bộ phận	12.132.033.222.583	1.556.968.566.280	6.870.955.830.531	13.391.539.385.579	11.992.238.417	33.963.489.243.390
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						(238.841.815.462)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

05 . Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

a) Tài sản tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	31/12/2021		*01/01/2021*		*31/12/2021*	*01/01/2021*
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*		
Tiền và các khoản tương đương tiền	262.383.481.328	-	276.956.612.840	-	262.383.481.328	276.956.612.840
Phải thu khách hàng	404.339.772.954	(11.035.892.482)	41.264.674.059	(11.035.892.482)	393.303.880.472	30.228.781.577
Trả trước cho người bán	270.344.864.920	(1.301.620.413)	366.991.300.016	(1.303.951.913)	269.043.244.507	365.687.348.103
Phải thu về cho vay	1.000.000.000	-	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	341.992.963.056	(873.033.836)	429.271.174.391	(1.032.556.836)	341.119.929.220	428.238.617.555
Đầu tư tài chính ngắn hạn	70.208.972.303	-	-	-	70.208.972.303	-
Đầu tư tài chính dài hạn	478.373.903.946	-	456.987.446.758	-	478.373.903.946	456.987.446.758
Cộng	**1.828.643.958.507**	**(13.210.546.731)**	**1.571.471.208.064**	**(13.372.401.231)**	**1.814.433.411.776**	**1.558.098.806.833**

b) Nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	31/12/2021		*01/01/2021*		*31/12/2021*	*01/01/2021*
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*		
Phải trả cho người bán	1.580.798.650.818	-	1.491.266.846.996	-	1.580.798.650.818	1.491.266.846.996
Người mua trả tiền trước	7.648.775.163	-	108.803.239.940	-	7.648.775.163	108.803.239.940
Vay và nợ	21.107.662.002.452	-	21.085.612.802.532	-	21.107.662.002.452	21.085.612.802.532
Phải trả người lao động	11.610.951.228	-	15.131.354.050	-	11.610.951.228	15.131.354.050
Các khoản phải trả khác	652.449.941.249	-	1.083.227.356.603	-	652.449.941.249	1.083.227.356.603
Cộng	**23.360.170.320.910**	**-**	**23.784.041.600.121**	**-**	**23.360.170.320.910**	**23.784.041.600.121**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

05 . Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

06 . Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty

a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	1.129.432.579.788	451.366.071.030	-	1.580.798.650.818
Người mua trả tiền trước	7.648.775.163	-	-	7.648.775.163
Vay và nợ	235.859.659.318	4.746.804.950.000	16.124.997.393.134	21.107.662.002.452
Chi phí phải trả	1.219.139.570.799	1.505.290.708.706	-	2.724.430.279.505
Các khoản phải trả phải nộp khác	585.416.960.613	67.032.980.636	-	652.449.941.249
Cộng	**3.177.497.545.681**	**6.770.494.710.372**	**16.124.997.393.134**	**26.072.989.649.187**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

b. Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

c. . Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chuyển đổi, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

- Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc của công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.

- Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.

07 . Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

08 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc
HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT	NGUYỄN VĂN ÂN	NGUYỄN QUANG HUY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

01 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

- Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan: Không

- Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan: Không có

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Năm 2021	*Năm 2020*
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		**777.835.000**	**748.500.000**
- Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch HĐQT	120.000.000	120.000.000
- Nguyễn Tấn Đông	Phó Chủ tịch HĐQT	96.000.000	96.000.000
- Trần Văn Thế	Phó Chủ tịch HĐQT	96.000.000	96.000.000
- Nguyễn Xuân Hưởng	Phó Chủ tịch HĐQT	-	44.000.000
- Võ Thụy Linh	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
- Nguyễn Thanh Trang	Thành viên HĐQT	50.000.000	32.500.000
- Trần Chủng	Thành viên HĐQT	60.000.000	32.500.000
- Nguyễn Quang Huy	Thành viên HĐQT	10.000.000	-
- Đỗ Văn Nam	Thành viên HĐQT	-	27.500.000
- Hoàng Văn Hải	Thành viên độc lập HĐQT	60.000.000	32.500.000
- Hà Huy Hùng	Thành viên độc lập HĐQT	10.000.000	-
- Nguyễn Đình Chính	Thành viên độc lập HĐQT	-	27.500.000
- Nguyễn Minh Giang	Trưởng ban kiểm soát	96.000.000	84.000.000
- Cam Thị Minh Hải	Thành viên BKS	60.000.000	26.000.000
- Đỗ Thế Vinh	Thành viên BKS	19.068.000	26.000.000
- Phan Thị Mai	Thành viên BKS	40.767.000	-
- Phạm Lê Huy	Thành viên BKS	-	22.000.000
- Lưu Tuấn Vũ	Thành viên BKS	-	22.000.000
Tiền lương		**1.385.807.453**	**1.209.435.596**
- Nguyễn Quang Huy	Tổng giám đốc	315.000.000	-
- Võ Ngọc Trung	Phó Tổng giám đốc	400.000.000	176.500.000
- Trần Văn Dũng	Phó Tổng giám đốc	264.285.714	-
- Nguyễn Quỳnh Mai	Phó Tổng giám đốc	46.521.739	-
- Lê Châu Thắng	Phó Tổng giám đốc	-	282.854.074
- Nguyễn Xuân Hưởng	Phó Tổng giám đốc	-	240.000.000
- Lê Hồng Vũ	Phó Tổng giám đốc	-	100.434.783
- Lưu Tuấn Vũ	Ban kiểm soát	-	78.000.000
- Nguyễn Văn Ân	Kế toán trưởng	360.000.000	189.255.435
- An Văn Thiện	Kế toán trưởng	-	142.391.304

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC I: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

02 Giao dịch với các bên liên quan khác:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	Công ty con
- Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con
- Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	Công ty con
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát	Công ty con của Công ty mẹ
- Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch HĐQT
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Cổ đông lớn
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành	Cổ đông này đã thoái vốn đầu tư vào Công ty và không còn là bên liên quan.
- Công ty Cổ phần Đầu tư Vinalog	Công ty có liên quan của TGĐ, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Công ty có liên quan của ông Nguyễn Minh Giang đến ngày 30 tháng 09 năm 2021
- Công ty Cổ phần tập đoàn Hải Thạch	Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Võ Thụy Linh
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z	Công ty có liên quan của Thành viên BKS Phan Thị Mai
- Công ty Cổ phần An ninh Đèo Cả	Công ty có liên quan của Trưởng BKS Nguyễn Minh Giang
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long	Công ty có liên quan của TGĐ, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy
- Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng, PCT HĐQT Nguyễn Tấn Đông, Trưởng BKS Nguyễn Minh Giang
- Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Đèo Cả (*)	Công ty có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng
- Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo cả	Công ty có liên quan của Thành viên BKS Phan Thị Mai

(*) Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Đèo Cả được đổi tên từ Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Hạ tầng Giao thông Việt Nam theo Giấy phép đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05 tháng 02 năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tóm tắt hoạt động của các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong năm:

- Công ty con

Tên Công ty	*Tỷ lệ lợi ích*	*Tỷ lệ quyền biểu quyết*	*Lợi nhuận sau thuế*	*Lợi nhuận chưa phân phối*
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	65,58%	65,58%	55.737.110.756	3.071.340.052
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	71,02%	71,02%	26.772.038.222	(382.949.036.865)
- Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	99,47%	99,47%	26.569.040.243	10.352.587.623

- Công ty liên doanh, liên kết

Tên Công ty	*Tỷ lệ lợi ích*	*Tỷ lệ quyền biểu quyết*	*Lợi nhuận sau thuế*	*Lợi nhuận chưa phân phối*
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	21,95%	21,95%	5.289.006.438	13.409.217.284
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	47,04%	50,00%	60.996.887.185	174.683.797.868
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	31,60%	31,60%	3.211.049.480	5.015.380.129

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đơn vị tính: VND

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm 2021*	*Năm 2020*
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty liên kết	**Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ**		
		Doanh thu bán thép	28.110.390	-
		Doanh thu nước uống đóng chai	1.196.364	24.359.090
		Doanh thu thuê văn phòng	-	113.636.363
		Doanh thu dầu	-	33.843.264
		Cộng	**29.306.754**	**171.838.717**
		Mua hàng hóa, dịch vụ		
		Chi phí thuê thiết bị, thuê xe	522.727.274	1.619.863.591
		Chi phí mua vật tư đá	-	7.373.947.636
		Chi phí bê tông các loại	-	7.214.393.208
		Cộng	**522.727.274**	**16.208.204.435**
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên kết	**Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ**		
		Doanh thu duy tu bảo dưỡng hầm, đường	2.512.359.092	5.088.431.818
		Doanh thu vận hành trạm thu phí	8.575.953.635	8.107.520.814
		Doanh thu trung tu	27.866.059.308	-
		Cộng	**38.954.372.035**	**13.195.952.632**
		Doanh thu hoạt động tài chính		
		Chia cổ tức	15.000.000.000	-
		Cộng	**15.000.000.000**	
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	Công ty liên kết	Góp vốn	10.000.000.000	30.000.000.000
		Cộng	**10.000.000.000**	
Công ty Cổ phần Đầu tư Vinalog	Công ty có liên quan của TGĐ, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy	**Thu nhập khác**		
		Chuyển nhượng tài sản	28.181.818.182	-
		Cộng	**28.181.818.182**	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đơn vị tính: VND

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan Các nghiệp vụ chủ yếu như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm 2021*	*Năm 2020*
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	**Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ**		
		Doanh thu hoạt động xây lắp	287.679.228.742	24.859.944.667
		Doanh thu nước uống đóng chai	2.900.908	42.685.452
		Doanh thu cho thuê và doanh thu khác	2.084.745.453	669.167.817
		Cộng	**289.766.875.103**	**25.571.797.936**
		Mua hàng hóa, dịch vụ		
		Chi phí vé máy bay, công nghệ thông tin, khác	5.800.372.661	16.129.343.773
		Chi phí mua vật tư đá	30.352.498.005	4.756.706.259
		Chi phí đào tạo thạc sĩ	200.000.000	480.000.000
		Chi phí thi công công trình	58.650.691.815	797.021.437.688
		Chi phí thuê văn phòng	1.978.801.896	3.235.851.808
		Chi phí quản lý vận hành trạm thu phí	-	6.467.378.826
		Cộng	**96.982.364.377**	**828.090.718.354**
		Chi phí tài chính		
		Tiền lãi vay	6.996.173.417	13.872.460.460
		Cộng	**6.996.173.417**	**13.872.460.460**
		Cho Công ty Vay tiền	119.600.000.000	280.131.895.603
		Cộng	**119.600.000.000**	**280.131.895.603**
Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Cổ đông lớn	**Chi phí tài chính**		
		Tiền lãi vay	5.540.931.508	5.946.849.315
		Cộng	**5.540.931.508**	**5.946.849.315**
		Các khoản khác		
		Nhận trả nợ góp vốn	-	203.750.000.000
		Tăng cổ phần bằng hoán đổi nợ	-	403.750.000.000
		Cho Công ty vay tiền	125.400.000.000	202.000.000.000
		Cộng	**125.400.000.000**	**809.500.000.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đơn vị tính: VND

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan Các nghiệp vụ chủ yếu như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm 2021*	*Năm 2020*
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Công ty có liên quan của ông Nguyễn Minh Giang đến ngày 30 tháng 9 năm 2021	**Các khoản khác**		
		Tiền lãi vay	5.504.876.712	4.310.035.388
		Thanh toán tiền lãi	95.000.000	-
		Cho Công ty vay tiền	-	92.000.000.000
		Cộng	**5.599.876.712**	**96.310.035.388**
Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z	Công ty có liên quan của Thành viên BKS Phan Thị Mai	**Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ**		
		Doanh thu cho thuê xe	381.818.184	1.190.909.107
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	26.744.118.500	15.959.546.881
		Doanh thu cho thuê nhà	-	2.386.866.365
		Cộng	**27.125.936.684**	**19.537.322.353**
		Mua hàng hóa, dịch vụ		
		Thuê văn phòng, nhà	10.186.742.448	5.887.301.426
		Thuê xe ô tô	-	259.000.000
		Cộng	**10.186.742.448**	**6.146.301.426**
		Chi phí tài chính		
		Tiền lãi	19.397.260	102.410.959
		Cộng	**19.397.260**	**102.410.959**
		Các khoản khác		
		Thanh toán tiền cho Công ty vay	2.000.000.000	-
		Thanh toán tiền lãi vay	160.027.397	-
		Cộng	**2.160.027.397**	-
Công ty cổ phần An ninh Đèo Cả	Công ty có liên quan của Trưởng BKS Nguyễn Minh Giang	**Mua hàng hóa, dịch vụ**		
		Chi phí dịch vụ bảo vệ	26.288.583.743	28.765.344.409
		Cộng	**26.288.583.743**	**28.765.344.409**
		Các khoản khác		
		Thanh toán tiền dịch vụ bảo vệ	27.144.819.152	20.857.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đơn vị tính: VND

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan Các nghiệp vụ chủ yếu như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm 2021*	*Năm 2020*
		Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ		
Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Hoàng Long	Công ty có liên quan của TGĐ, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy	Doanh thu thuê xe	430.909.086	109.090.911
		Doanh thu cho thuê văn phòng	-	207.272.728
		Cộng	**430.909.086**	**316.363.639**
		Mua hàng hóa, dịch vụ		
		Chi phí thí nghiệm công trình, tư vấn	5.413.791.121	6.259.446.800
		Cộng	**5.413.791.121**	**6.259.446.800**
Công ty cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng, PCT HĐQT Nguyễn Tấn Đông, Trưởng BKS Nguyễn Minh Giang	**Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ**		
		Doanh thu thuê xe	327.272.728	354.545.452
		Cộng	**327.272.728**	**354.545.452**
		Các khoản khác		
		Thu tiền thuê xe	270.000.000	210.000.000
		Cộng	**270.000.000**	**210.000.000**
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	Công ty có liên quan của Thành viên BKS Phan Thị Mai	**Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ**		
		Doanh thu cho thuê xe	310.909.091	-
		Cộng	**310.909.091**	-
		Mua hàng hóa, dịch vụ		
		Chi phí duy tu cao tốc BGLS	22.563.005.455	2.063.740.000
		Cộng	**22.563.005.455**	**2.063.740.000**
		Các khoản khác		
		Thanh toán tiền chi phí duy tu	7.946.829.716	-
		Cộng	**7.946.829.716**	-
Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát	Công ty con của Công ty mẹ	**Doanh thu hoạt động tài chính**		
		Nhận tạm ứng cổ tức	-	1.365.463.958
		Cộng	-	**1.365.463.958**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đơn vị tính: VND

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản phải thu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*31/12/2021*	*01/01/2021*
- PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty liên kết	Phải thu	-	1.324.856.876
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng A2Z	Công ty có liên quan của Thành viên BKS Phan Thị Mai	Phải thu cho thuê xe	420.000.000	-
		Phải thu cho thuê nhà	-	287.557.252
		Phải thu cung cấp dịch vụ	6.236.906.673	2.506.939.600
		Cộng	**6.656.906.673**	**2.794.496.852**
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Hoàng Long	Công ty có liên quan của TGĐ, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy	Phải thu thuê xe	594.000.000	120.000.000
		Phải thu cho thuê văn phòng	228.000.000	228.000.000
		Cộng	**822.000.000**	**348.000.000**
Công ty cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng, PCT HĐQT Nguyễn Tấn Đông, Trưởng BKS Nguyễn Minh Giang	Phải thu thuê xe	270.000.000	180.000.000
		Cộng	**270.000.000**	**180.000.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đơn vị tính: VND

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản phải thu với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*31/12/2021*	*01/01/2021*
- PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN				
Công ty cổ phần đầu tư BOT Đèo cả Khánh Hòa	Công ty liên kết	Phải thu duy tu	775.564.000	1.367.286.600
		Phải thu vận hành trạm thu phí	2.346.951.400	990.919.211
		Phải thu thi công trung tu	4.895.625.934	-
		Cộng	**8.018.141.334**	**2.358.205.811**
Công ty cổ phần quản lý và khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	Công ty có liên quan của Thành viên BKS Phan Thị Mai	Phải thu thanh lý xe ô tô	700.000.000	700.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Phải thu	140.481.698.327	-
		Tổng Cộng	**178.487.804.180**	**6.380.702.663**
- TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN DÀI HẠN				
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng A2Z	Công ty có liên quan của Thành viên BKS Phan Thị Mai	Dịch vụ tư vấn	10.356.014.000	10.356.014.000
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Hoàng Long	Công ty có liên quan của TGĐ, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy	Dịch vụ tư vấn khảo sát	86.491.000	12.586.491.000
		Tổng Cộng	**10.442.505.000**	**22.942.505.000**
- PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty liên kết	Thi công công trình	3.758.872.000	3.758.872.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đơn vị tính: VND

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*31/12/2021*	*01/01/2021*
- PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN				
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	Công ty có liên quan của Thành viên BKS Phan Thị Mai	Phải tra dịch vụ quản lý, khai thác cao tốc	8.256.472.379	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long	Công ty có liên quan của TGĐ, TV HĐQT Nguyễn Quang Huy	Phải trả cung cấp dịch vụ	1.796.396.412	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z	Công ty có liên quan của Thành viên BKS Phan Thị Mai	Phải trả cung cấp dịch vụ	18.157.601.457	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Cổ đông lớn	Phải trả	-	120.292.417
		Tổng cộng	**438.357.412.901**	**544.054.061.205**
- PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN DÀI HẠN				
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long	Công ty có liên quan của TGĐ, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy	Dịch vụ tư vấn	18.758.222.245	22.966.302.717
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z	Công ty có liên quan của Thành viên BKS Phan Thị Mai	Thi công công trình, thuê văn phòng, thuê xe	32.328.941.346	27.704.014.102
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty liên kết	Phải trả	2.719.148.000	-
		Tổng cộng	**53.806.311.591**	**50.670.316.819**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đơn vị tính: VND

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*31/12/2021*	*01/01/2021*
- PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC				
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Tiền lãi vay	22.103.278.371	15.287.104.954
Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Cổ đông lớn	Tiền lãi vay	11.487.780.823	5.946.849.315
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Công ty có liên quan của ông Nguyễn Minh Giang đến ngày 30 tháng 09 năm 2021	Tiền lãi vay	-	4.120.035.388
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z	Công ty có liên quan của Thành viên BKS Phan Thị Mai	Tiền lãi vay	-	140.630.137
		Tổng cộng	**33.591.059.194**	**25.494.619.794**

Ghi chú : Các giao dịch với bên liên quan đã thực hiện đúng theo quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và quy định pháp lý có liên quan.